



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2012

MỤC LỤC

- 05** Các chỉ tiêu tài chính nổi bật
- 06** Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 08** Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 10** Giới thiệu chung về VPBank
- 11** 10 sự kiện nổi bật năm 2012
- 12** Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012
- 23** Các hoạt động nổi bật trong năm 2012
- 35** Tổ chức nhân sự
- 44** Báo cáo tài chính kiểm toán 2012
- 102** Báo cáo quản trị công ty
- 118** Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp
- 119** Định hướng kinh doanh 2013
- 122** Mạng lưới VPBank



Năm 2012, kinh tế Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều thử thách, ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường tài chính ngân hàng nói chung và VPBank nói riêng. Với VPBank, 2012 còn là năm đánh dấu bước chuyển mình mạnh mẽ nhất của Ngân hàng trong việc xây dựng các nền tảng quan trọng, tạo đà cho một giai đoạn tăng trưởng đầy tham vọng. Bên cạnh việc triển khai các chiến lược kinh doanh, VPBank đã tập trung củng cố toàn diện các hệ thống nền tảng, gồm quản trị nhân lực, quản trị rủi ro, phát triển công nghệ... Đây là một trong những gọng kìm chiến lược đảm bảo sự phát triển mạnh mẽ và bền vững của VPBank trong tương lai, hiện thực hóa mục tiêu trở thành 1 trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu và 1 trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017. Với lý do đó, chúng tôi lựa chọn chủ đề của Báo cáo thường niên năm 2012 là:

“NỀN TẢNG VỮNG CHẮC – BỨT PHÁ THÀNH CÔNG”

Hình ảnh biểu trưng được lựa chọn và xuyên suốt trong báo cáo thường niên năm nay là những loài cây vững chãi, vươn cao, thể hiện quyết tâm phát triển bền vững và tham vọng thành công của VPBank.

Tầm nhìn

Đến năm 2017 VPBank trở thành

1

trong **5** Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam

trong **3** Ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam

Sứ mệnh

Mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, quan tâm chú trọng đến quyền lợi người lao động và cổ đông, xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, đóng góp hiệu quả vào sự phát triển của cộng đồng

Giá trị cốt lõi

Khách hàng là trọng tâm

Hiệu quả

Tham vọng

Phát triển con người

Tin cậy

Tạo sự khác biệt

Các chỉ tiêu tài chính nổi bật

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2010	2011	2012
Tổng tài sản	59.807.023	82.817.947	102.576.275
Vốn chủ sở hữu	5.204.731	5.996.245	6.637.017
Lợi nhuận trước thuế	663.144	1.064.255	852.732
Cho vay khách hàng	25.323.735	29.183.643	36.903.305
Huy động	48.719.428	71.061.691	91.372.070
<i>Tiền gửi từ khách hàng</i>	23.969.645	29.412.135	59.514.141
<i>Tiền gửi và vay từ các TCTD khác</i>	13.781.961	25.587.591	25.655.717
<i>Phát hành giấy tờ có giá</i>	9.631.647	15.042.115	4.766.100
<i>Khác</i>	1.336.175	1.019.850	1.436.112
Hệ số an toàn vốn	14,29%	11,94%	12,51%
Tỷ lệ chi phí hoạt động / Tổng thu nhập hoạt động thuần	44,44%	52,36%	62,31%
Tỷ số lợi nhuận ròng / Tổng tài sản bình quân	1,15%	1,12%	0,69%
Tỷ số lợi nhuận ròng / Vốn chủ sở hữu bình quân	9,67%	14,28%	10,19%

TỔNG TÀI SẢN (triệu đồng)

Năm 2010	59.807.023
Năm 2011	82.817.947
Năm 2012	102.576.275

VỐN CHỦ SỞ HỮU (triệu đồng)

Năm 2010	5.204.731
Năm 2011	5.996.245
Năm 2012	6.637.017

CHO VAY KHÁCH HÀNG (triệu đồng)

Năm 2010	25.323.735
Năm 2011	29.183.643
Năm 2012	36.903.305

TIỀN GỬI TỪ KHÁCH HÀNG (triệu đồng)

Năm 2010	23.969.645
Năm 2011	29.412.135
Năm 2012	59.514.141

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Thân gửi Quý khách hàng, Quý vị cổ đông, các nhà đầu tư và các đối tác chiến lược,

Năm 2012 đã khép lại với nhiều sự kiện đáng chú ý của ngành ngân hàng: thay đổi nhiều vị trí nhân sự điều hành cấp cao, tái cấu trúc mô hình hoạt động, tăng cường hợp tác chiến lược, xu hướng sáp nhập để nâng cao hiệu quả hoạt động... Những thay đổi này, dù gây ra một số áp lực và biến động ngắn hạn nhất định, về lâu dài sẽ làm tăng tính cạnh tranh, ổn định của ngành ngân hàng, tạo ra các cơ hội và các thách thức mới.

Riêng đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), chúng ta cũng có những khó khăn nhất định, thể hiện rõ nhất qua hai yếu tố:

- Lợi nhuận trước thuế chỉ hoàn thành 66% kế hoạch năm.
- Tăng trưởng tín dụng đạt 14%, so với nỗ lực đạt mức tăng trưởng kỳ vọng của VPBank là 30%.

Những con số trên cũng phản ánh các khó khăn chung của ngành ngân hàng năm 2012, nhưng điểm đáng khích lệ là kết quả này vẫn nằm ở mức tương đối khả quan so với mặt bằng chung của Top 15 ngân hàng thương mại lớn nhất.

Vượt qua những thách thức đó, VPBank cũng đạt được một số thành tựu đáng chú ý:

- Ngân hàng tiếp tục tăng vốn điều lệ lên 5.770 tỷ đồng tháng 12 năm 2012, với chỉ số an toàn vốn (CAR) ở mức 12,51%. Tổng tài sản giữ nhịp tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2011 (24%).
- Chính thức triển khai quyết liệt dự án chiến lược chuyển đổi với sự tư vấn của đơn vị tư vấn hàng đầu thế giới, đặt mục tiêu tới năm 2017 trở thành một trong 3 Ngân hàng TMCP bán lẻ lớn nhất. Tính đến cuối năm 2012, các đơn vị trong VPBank đã hoàn thành bản đồ chiến lược chi tiết, sẵn sàng cho việc triển khai các hoạt động thực tế nhằm đạt được kế hoạch đề ra.
- Bổ sung một số vị trí lãnh đạo chủ chốt, tái cấu trúc mô hình hoạt động nhằm tăng cường công tác quản lý, quản trị rủi ro và bán hàng, tạo tiền đề vững chắc trong việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược.
- Xây dựng các hệ thống nền tảng cốt lõi của Ngân hàng, tiến tới việc hoàn thiện các hạng mục quan trọng nhất ngay trong năm 2012 – 2013 bằng việc khởi động những dự án lớn với các đối tác tư vấn hàng đầu thế giới trong các lĩnh vực: Quản trị công ty, Công nghệ thông tin, Quản trị rủi ro, Quản trị nguồn nhân lực, và Phát triển mạng lưới hoạt động.
- Thương hiệu của VPBank ngày càng vững mạnh, được khách hàng tin tưởng sử dụng dịch vụ. Năm 2012, VPBank được vinh danh là một trong các thương hiệu quốc gia tiêu biểu nhất.

Bước sang năm 2013, VPBank định hướng tập trung phát triển các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tập trung xây dựng và củng cố hệ thống nền tảng vững chắc, với mục tiêu bao quát là tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động, phát triển hệ thống nhân sự, cải thiện mạnh mẽ hệ thống quản trị rủi ro và đầu tư vào hệ thống công nghệ tiên tiến, đảm bảo một sự phát triển nhanh nhưng ổn định và bền vững cho các năm tiếp theo trong chiến lược 2012 - 2017 của VPBank.
- Xây dựng một cấu trúc phát triển kinh doanh năng động và linh hoạt: tiếp tục nâng cao hiệu quả và chất lượng của đội ngũ bán hàng, cải tiến mô hình kinh doanh, phát triển các kênh phân phối bên cạnh các kênh bán hàng truyền thống, thực hiện cá biệt hóa mạnh mẽ trong các chính sách khách hàng và sản phẩm đối với từng phân nhóm khách hàng riêng biệt, hướng tới mục tiêu tăng trưởng cơ sở khách hàng và bút phá về thị phần mạnh mẽ trong năm tới đối với những phân khúc khách hàng lựa chọn chủ chốt của VPBank là khách hàng cá nhân, SME và doanh nghiệp lớn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị VPBank, xin được chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông, các đối tác chiến lược và Quý khách hàng đã luôn quan tâm, ủng hộ và gắn bó với Ngân hàng trong thời gian qua. Chúng tôi mong rằng quý vị sẽ luôn hỗ trợ, sát cánh cùng VPBank trong hành trình đạt được các mục tiêu chiến lược, trở thành một trong các ngân hàng thương mại hàng đầu Việt Nam.



Ngô Chí Dũng
Chủ tịch HĐQT VPBank

Thông điệp của Tổng Giám đốc



Quý khách hàng, Quý vị cổ đông, các nhà đầu tư và các đối tác chiến lược thân mến,

Chúng ta vừa kết thúc năm 2012 với rất nhiều biến động của nền kinh tế và ngành ngân hàng Việt Nam. Mục tiêu kiềm chế lạm phát, ưu tiên bình ổn kinh tế vĩ mô đã thu được những kết quả quan trọng, nhưng đồng thời đã ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và kết quả kinh doanh của hệ thống ngân hàng.

Trong bối cảnh đó, VPBank đã nỗ lực cao độ để củng cố hệ thống và tiếp tục duy trì phát triển một cách hợp lý và chắc chắn với những kết quả quan trọng đáng chú ý:

1. Huy động khách hàng tiếp tục tăng so với năm 2011, **đạt gần 60 ngàn tỷ đồng, tăng 102%** so với cuối năm 2011. Việc tăng trưởng huy động đã tạo nền tảng nguồn vốn đa dạng và cải thiện đáng kể các tỷ lệ tài chính của toàn Ngân hàng, tạo thế chủ động về thanh khoản cho hệ thống VPBank.

2. Cơ sở khách hàng tiếp tục tăng trưởng và củng cố vững chắc. Tính đến 31/12/2012, số lượng khách hàng giao dịch với VPBank đã tăng hơn **42%** so với cuối năm 2011.

3. Các hệ thống nền tảng **quản trị nguồn nhân lực, hệ thống quản trị rủi ro, và hệ thống công nghệ, vận hành** được đặc biệt chú trọng đầu tư, tạo cơ sở cho việc mở rộng hoạt động một cách vững chắc và an toàn cho giai đoạn tiếp theo.

Thứ nhất, tái cấu trúc bộ máy tổ chức theo hướng tập trung và chuyên môn hóa, từ các công tác chuyên môn như xử lý tín dụng, xử lý nợ, quản trị rủi ro, cho đến các lĩnh vực phụ trợ như công tác bảo vệ ngân hàng, quản lý xe chuyên dụng v.v...; bổ sung nguồn nhân sự chất lượng cao để nhanh chóng hoàn thiện và chuyên nghiệp hóa mô hình hoạt động mới. Cũng trong năm 2012, Ngân hàng đã thực hiện thành công việc chuẩn hóa hệ thống chức danh và định biên nhân sự, xây dựng bộ chuẩn KPIs, triển khai mạnh mẽ công tác xây dựng văn hóa doanh nghiệp xoay quanh 6 giá trị cốt lõi và bước đầu thu được những kết quả đáng khích lệ.

Thứ hai, công tác quản trị rủi ro được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm với việc thành lập Khối Quản trị Rủi ro độc lập. Tính đến cuối năm 2012, bộ máy nhân sự và cơ cấu tổ chức cơ bản được hoàn thành, và đã từng bước đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ Ban Điều hành trước những biến động phức tạp của nền kinh tế vĩ mô, quản lý rủi ro thanh khoản, quản lý rủi ro lãi suất và hiệu quả trên thị trường tiền tệ, kiểm soát vấn đề xử lý nợ xấu, và các rủi ro từ hoạt động thường ngày của Ngân hàng khi quy mô và các nghiệp vụ ngày càng tinh vi, phức tạp.

Thứ ba, để đáp ứng được kỳ vọng tăng tốc của Ngân hàng trong 5 năm tới, công nghệ thông tin được coi là một mắt xích quan trọng. Ngay trong năm 2012, VPBank đã nâng cấp thành công hệ thống T24, cơ bản rà soát lộ trình chiến lược công nghệ thông tin (IT Master Plan), là nền tảng cho việc đầu tư theo chiều sâu và chiều rộng trong năm 2013 và các năm tiếp theo. Các hạng mục đầu tư về công nghệ của Ngân hàng sẽ tập trung theo hướng đáp ứng được nhu cầu phát triển của lĩnh vực ngân hàng bán lẻ, hướng tới khách hàng.

Bước sang năm 2013, VPBank đặt ra những mục tiêu hết sức thách thức cần phải hoàn thành để có thể tự tin bước vào Top 3 ngân hàng bán lẻ hàng đầu với trọng tâm triển khai hai chiến lược nền tảng là chiến lược Ngân hàng bán lẻ phục vụ Khách hàng cá nhân và chiến lược tập trung hỗ trợ phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ:

- Tổng vốn huy động từ khách hàng đạt 81.000 tỷ đồng.
- Cho vay khách hàng đạt gần 48.000 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 1.110 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2012.
- Phát triển mới 250.000 khách hàng cá nhân và doanh nghiệp.
- Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát ở mức dưới 3%.

102.576 tỷ đồng

**tổng tài sản
tăng 24% so với năm 2011**

- Công tác phát triển khách hàng, sản phẩm và thị trường: năm 2013 VPBank sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả và chất lượng đội ngũ bán hàng, cải tiến mô hình kinh doanh, phát triển mạnh cơ sở khách hàng, kênh phân phối, tăng cường bán chéo sản phẩm dịch vụ, thực hiện cá biệt hóa mạnh mẽ trong các chính sách khách hàng và sản phẩm đối với từng phân nhóm khách hàng riêng biệt, tập trung vào những phân khúc nhỏ cụ thể.

- Triển khai đồng bộ hệ thống quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát rủi ro trong đó trọng tâm là hệ thống kiểm soát rủi ro tín dụng và rủi ro vận hành. Kết hợp với tư vấn quốc tế để xác định một lộ trình cụ thể phát triển các hệ thống quản trị rủi ro một cách chuyên nghiệp, đạt các tiêu chuẩn quốc tế theo định hướng yêu cầu của Basel 2.

- Công tác xử lý nợ trong năm 2013 sẽ tập trung xây dựng các quy trình, quy chế cụ thể quy định rõ ràng về phân luồng và trách nhiệm xử lý nợ của các bộ phận; thiết lập các hệ thống theo dõi, báo cáo để kịp thời cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình nợ xấu, công tác xử lý nợ.

- Hoàn tất việc triển khai các dự án sáng kiến công nghệ thông tin. Tiếp tục khai thác các tính năng của hệ thống xây dựng chiến lược công nghệ thông tin core banking hiện có, triển khai thêm các module và các tiện ích khác để phục vụ hoạt động kinh doanh và công tác quản trị điều hành tốt hơn.

- Hoàn chỉnh, nâng cao hiệu quả Chiến lược Phát triển Mạng lưới với mục tiêu phát triển song song hệ thống chi nhánh mới và hệ thống máy ATM.

Năm 2013 được coi là năm đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa bán lẻ trong bản đồ chiến lược tăng tốc và bứt phá của VPBank. Chúng tôi mong rằng sẽ luôn nhận được sự ủng hộ và đồng hành của Quý khách hàng, Quý cổ đông và các nhà đầu tư, các đối tác chiến lược và chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hơn nữa để mang lại những giá trị xứng đáng với niềm tin của Quý vị.

Xin trân trọng cảm ơn.



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc VPBank

Giới thiệu chung về VPBank



Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Ngân hàng TMCP Các Doanh Nghiệp Ngoài Quốc Doanh trước đây) được thành lập ngày 12/8/1993. Sau gần 20 năm hoạt động, VPBank đã nâng vốn điều lệ lên 5.770 tỷ đồng, phát triển mạng lưới lên hơn 200 điểm giao dịch, với đội ngũ trên 4.000 cán bộ nhân viên.

Là thành viên của nhóm 12 ngân hàng hàng đầu Việt Nam (G12), VPBank đang từng bước khẳng định uy tín của một ngân hàng năng động, có năng lực tài chính ổn định và có trách nhiệm với cộng đồng. Để đạt được tầm nhìn đầy tham vọng, VPBank đã triển khai chiến lược tăng trưởng quyết liệt trong giai đoạn 2012 - 2017 với sự hỗ trợ của công ty tư vấn hàng đầu thế giới McKinsey. Với chiến lược này, VPBank nỗ lực tăng trưởng hữu cơ trong các phân khúc khách hàng mục tiêu, khẩn trương xây dựng các hệ thống nền tảng để phục vụ tăng trưởng, và luôn chủ động theo dõi các cơ hội trên thị trường.

Sự tăng trưởng vượt bậc của VPBank thể hiện sinh động ở mức độ mở rộng mạng lưới các chi nhánh, điểm giao dịch

trên toàn quốc cùng sự phát triển đa dạng của các kênh bán hàng và phân phối. Bên cạnh đó, theo định hướng "Tất cả vì khách hàng", các điểm giao dịch đã được thay đổi hoàn toàn về diện mạo, mô hình và tiện nghi phục vụ. Các sản phẩm, dịch vụ của VPBank luôn được cải tiến và kết hợp thêm nhiều tiện ích nhằm gia tăng quyền lợi cho khách hàng... Tất cả đã góp phần làm hài lòng khách hàng hiện tại và thu hút thêm khách hàng mới, mở rộng cơ sở khách hàng của VPBank với tốc độ nhanh chóng.

Để chuẩn bị cho việc tăng trưởng ổn định và bền vững, VPBank đã tiến hành đồng bộ các giải pháp xây dựng hệ thống nền tảng. Ngân hàng luôn đi đầu thị trường trong việc ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến trong các sản phẩm, dịch vụ và hệ thống vận hành. Cùng với việc xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, hiệu quả, các hệ thống quản trị nhân sự cốt lõi đã được xây dựng và triển khai thành công tại VPBank. Bên cạnh đó, Ngân hàng đã từng bước phát triển một hệ thống quản trị rủi ro độc lập, tập trung và chuyên môn hóa, đáp ứng chuẩn mực quốc tế và gắn kết với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng. Song song với việc thực thi những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị doanh nghiệp, VPBank cũng không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo chính sách quản trị công ty rõ ràng và minh bạch.

Với những nỗ lực không ngừng, thương hiệu của VPBank đã trở nên ngày càng vững mạnh và được khẳng định qua nhiều giải thưởng uy tín như: Ngân hàng thanh toán xuất sắc nhất do Citibank, Bank of New York trao tặng, giải thưởng Ngân hàng có chất lượng dịch vụ được hài lòng nhất, Thương hiệu quốc gia 2012, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam cùng nhiều giải thưởng khác.

G12 là thành viên của nhóm 12 ngân hàng hàng đầu Việt Nam, VPBank đang từng bước khẳng định uy tín của một ngân hàng năng động, có năng lực tài chính ổn định và có trách nhiệm với cộng đồng.

10 SỰ KIỆN nổi bật năm 2012



1. Công bố chiến lược phát triển của VPBank giai đoạn 2012 - 2017. Ngày 11/8/2012, VPBank đã công bố chiến lược 3 gọng kim nhằm hiện thực hóa tầm nhìn trở thành 1 trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam và 1 trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017.

2. Tăng vốn điều lệ lên 5.770 tỷ đồng. Ngày 2/11/2012, Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ của VPBank từ 5.050 tỷ đồng lên 5.770 tỷ đồng. Đây là hoạt động nằm trong lộ trình củng cố năng lực tài chính để thực hiện chiến lược phát triển của VPBank.

3. VPBank được trao nhiều giải thưởng uy tín như 3 giải thưởng về tăng trưởng Outbound, tăng trưởng số lượng điểm giao dịch và điểm kích hoạt giao dịch cao nhất của dịch vụ Western Union; giải Ngân hàng có chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2012 của ngân hàng Bank of New York Mellon (Mỹ); giải Ngân hàng có chất lượng dịch vụ được hài lòng nhất; giải Thương hiệu quốc gia 2012 và Thương hiệu mạnh 2012... Các giải thưởng trên đã khẳng định chất lượng các hoạt động nghiệp vụ ngân hàng – tài chính, những ưu thế vượt trội về chất lượng sản phẩm dịch vụ và vị thế vững chắc của VPBank trong tâm trí khách hàng.

4. Xây dựng và triển khai Chiến lược Thu hồi nợ. Với sự tư vấn của công ty McKinsey, VPBank đã xây dựng một chiến lược thu hồi nợ tổng thể, bao gồm việc phân tích thực trạng công tác thu hồi nợ tại Ngân hàng, thiết kế mô hình thu hồi nợ tổng thể, xây dựng các quy trình thu hồi nợ, và tuyển dụng nhân sự cho mô hình này. Chiến lược này sẽ được tiếp tục triển khai trong năm 2013 với những sáng kiến mới nhằm chuẩn hóa, nâng cao hiệu quả hệ thống thu hồi nợ tại Ngân hàng.

5. Ra mắt không gian giao dịch mới. Trong nỗ lực tiếp tục hoàn thiện mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại, tăng cường nhận diện thương hiệu và nâng cao chất lượng dịch vụ, ngày 15/10/2012, VPBank đã giới thiệu không gian giao dịch mới tại VPBank Mỹ Đình, Hà Nội. Đây là mô hình giao dịch được hoàn thiện theo phong cách năng động và hướng tới khách hàng theo một trong các giá trị cốt lõi của VPBank – “**Khách hàng là trọng tâm**”.

6. Xây dựng và triển khai Chiến lược Kênh thay thế, gồm Kênh liên hệ tích hợp (Alpha), Kênh ngân hàng tại công sở (Beta) và Kênh phối hợp với các nhà phân phối (Gamma) - gọi tắt là các kênh A/B/G. Các kênh này tích hợp chặt chẽ với nhau và với hệ thống chi nhánh của VPBank trong các khâu bán hàng và chăm sóc khách hàng. Mặc dù mới đi vào hoạt động từ 6 tháng cuối năm 2012, song các kênh A/B/G đã phát huy hiệu quả, góp phần tăng trưởng số lượng khách hàng mới của VPBank lên 42% so với năm 2011.

7. Nhân rộng mô hình phê duyệt tín dụng tập trung. Sau giai đoạn thí điểm thành công, VPBank tiếp tục nhân rộng mô hình phê duyệt tín dụng tập trung qua các Trung tâm Xử lý Tín dụng (CPC), với hai mục tiêu chính là nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro và giải phóng thời gian bán hàng cho các chi nhánh. Tính đến 31/12/2012, CPC đã kết nối với toàn bộ các chi nhánh của VPBank trên địa bàn Hà Nội, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh.

8. Khởi động dự án Văn hóa doanh nghiệp. Để tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển bứt phá trong tương lai, ngày 8/5/2012, VPBank đã khởi động Dự án Văn hóa doanh nghiệp. Ngôi nhà Văn hóa của VPBank đã thiết lập được nền móng vững chắc là 6 giá trị cốt lõi và 18 định hướng hành vi.

9. Xây dựng Chiến lược Công nghệ Thông tin (IT Master Plan). Trong năm 2012, VPBank đã khẩn trương xây dựng Chiến lược Công nghệ Thông tin giai đoạn 2013 – 2017 với sự hỗ trợ của công ty tư vấn toàn cầu PricewaterhouseCoopers (PwC). Đây là một trong những bước đi quan trọng của VPBank để xây dựng một nền tảng công nghệ thông tin mạnh, tin cậy, phục vụ cho chiến lược tăng trưởng tham vọng của Ngân hàng.

10. Thành lập Khối Quản trị Rủi ro và củng cố khung quản trị rủi ro nhằm phát triển một hệ thống quản lý rủi ro độc lập, tập trung, chuyên môn hóa, theo chuẩn mực quốc tế và gắn kết với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng. Đồng thời, VPBank đã triển khai dự án Tiền Basel II - một trong những dự án trọng yếu về quản trị rủi ro trong năm và là tiền đề để triển khai Hiệp ước vốn Basel II trong tương lai.



BÁO CÁO KẾT QUẢ

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012

Các chỉ tiêu tài chính

I. TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ, HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VÀ NHỮNG BIẾN ĐỘNG CHÍNH SÁCH NĂM 2012

1. Tổng quan nền kinh tế và hệ thống ngân hàng năm 2012

Năm 2012 khép lại với nhiều bất ổn đối với nền kinh tế vĩ mô và nhiều biến động đối với hoạt động của hệ thống ngân hàng. Nền kinh tế tăng trưởng chậm chạp, tăng trưởng GDP cả năm chỉ đạt 5,03% và không đạt kế hoạch Chính phủ đã đề ra là 5,5 - 6%. Các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn, tình trạng doanh nghiệp phá sản nhiều và hàng tồn kho tăng cao đã khiến tăng trưởng tín dụng đạt thấp. Nợ xấu ngành ngân hàng trở thành một trong những vấn đề được quan tâm nhiều nhất trong năm 2012. Tăng trưởng tín dụng toàn ngành cả năm 2012 chỉ đạt 8,91%, thấp hơn nhiều so với những năm trước và thấp hơn so với mục tiêu kiểm soát tăng trưởng tín dụng ở mức 10 - 12% của Ngân hàng Nhà nước.

Bên cạnh đó, hoạt động của hệ thống ngân hàng còn có nhiều bất ổn. Quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng đã bắt đầu được thực hiện từ những tháng cuối năm 2011. Với sự hợp nhất giữa 3 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB), Việt Nam Tín Nghĩa (TinNghiaBank) và Đệ Nhất (Ficombank). Sau đó vào tháng 8/2012, Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (Habubank) chính thức được sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB). Tuy nhiên, quá trình này diễn ra khá chậm chạp và chưa phát huy hiệu quả rõ rệt trong năm 2012.

2. Những biến động của chính sách tiền tệ ảnh hưởng đến hoạt động của VPBank trong năm 2012

Chính sách điều hành lãi suất

Chính sách điều hành lãi suất trong năm 2012 có nhiều thay đổi lớn và liên tục. Trần lãi suất huy động VND ngắn hạn liên tục được hạ xuống từ 14%/năm trong những tháng đầu năm và kết thúc năm 2012 ở mức 8%/năm. Đồng thời, từ tháng 7/2012, Ngân hàng Nhà nước cũng đã có chỉ đạo định hướng các NHTM giảm lãi suất cho vay xuống tối đa 15%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với nhu cầu phục vụ nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa giảm từ 13%/năm xuống 12%/năm từ tháng 12/2012.

Việc giảm lãi suất là yêu cầu cấp thiết của nền kinh tế nhằm cải thiện lòng tin của người dân vào dòng nội tệ, giảm gánh nặng lãi vay đối với doanh nghiệp, tạo tiền đề cho các hoạt động sản xuất kinh doanh có thể được cải thiện. Nhận biết rõ điều này, VPBank đã luôn tuân thủ đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất huy động, đưa ra nhiều gói giải pháp tín dụng ưu đãi cho doanh nghiệp, đồng thời vẫn có thể đảm bảo được các mục tiêu kinh doanh của Ngân hàng.

Chi thị 01 của Ngân hàng Nhà nước và phân loại các ngân hàng

Tháng 2/2012, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Chi thị 01/CT-NHNN và Công văn 674/NHNN-CSTT về tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ năm 2012. Trong đó, Ngân hàng Nhà nước đã tiến hành phân loại các Ngân hàng thành 4 nhóm, ứng với 4 mức giới hạn tăng trưởng tín dụng cho năm 2012: Nhóm 1 tăng trưởng tối đa 17%, Nhóm 2 tăng trưởng tối đa 15%, Nhóm 3 tăng trưởng tối đa 8% và Nhóm 4 không được tăng trưởng. Quy định này nhằm mục đích phân loại các Ngân hàng theo tình hình tài chính và kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng, tránh tình trạng nhiều NHTM tăng trưởng tín dụng nóng, nhưng không dựa trên năng lực huy động – điều đã khiến thanh khoản hệ thống ngân hàng rơi vào bất ổn trong năm 2011.

Siết chặt thị trường liên ngân hàng

Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ban hành những quy định đối với hoạt động liên ngân hàng đã ra đời và có hiệu lực từ ngày 01/09/2012. Thông tư này quy định một số nội dung khá chặt chẽ để kiểm soát hoạt động huy động và cho vay liên ngân hàng. Theo đó, các tổ chức tín dụng (TCTD) bị hạn chế đi vay nếu có khoản nợ quá hạn từ 10 ngày trở lên tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác, phải trích lập dự phòng rủi ro đối với các giao dịch liên ngân hàng.

Thắt chặt trạng thái ngoại tệ của các NHTM

Thông tư số 7/2012/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định trạng thái ngoại tệ của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bắt đầu có hiệu lực từ ngày 2/5/2012. Theo đó, trạng thái ngoại tệ của các TCTD bị thu hẹp từ +/-30% vốn tự có xuống còn +/-20% vốn tự có, đã hạn chế các cơ hội đầu cơ và kinh doanh của các TCTD trong lĩnh vực này.

Siết chặt các quy định về quản lý thị trường vàng

Thời điểm 25/11/2012 được xem là cột mốc quan trọng đối với thị trường vàng khi Ngân hàng Nhà nước yêu cầu các TCTD phải chấm dứt các hoạt động huy động mới và cho vay vốn bằng vàng. Chỉ có các TCTD gặp khó khăn về thanh khoản mới được gia hạn huy động, nhưng kỳ hạn không vượt quá ngày 30/06/2013.

Cơ chế quản lý kinh doanh vàng của Ngân hàng Nhà nước cũng dần lộ diện rõ nét hơn, như: (i) Vàng miếng SJC trở thành thương hiệu vàng quốc gia và Ngân hàng Nhà nước sẽ độc quyền sản xuất vàng SJC. (ii) Hoạt động huy động – cho vay vốn bằng vàng sẽ được chuyển qua giữ hộ, và quan hệ mua – bán.

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế và hệ thống ngân hàng còn nhiều biến động như vậy, ban lãnh đạo VPBank đã xác định đây là một năm để VPBank tiếp tục củng cố hệ thống nền tảng, nâng cao hiệu quả và an toàn trong hoạt động, tạo cơ hội và tiền đề để bứt phá trong những năm tiếp theo.

Năm 2012 đánh dấu bước tăng trưởng vượt bậc của VPBank về quy mô tài sản. Lần đầu tiên, VPBank lọt vào Top các Ngân hàng có tổng tài sản lớn hơn 100.000 tỷ đồng. Tăng trưởng về quy mô đồng thời đi kèm với chất lượng tài sản vững mạnh hơn, khả năng thanh khoản cao hơn và an toàn trong hoạt động ngân hàng được đảm bảo.

II. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA VPBANK NĂM 2012

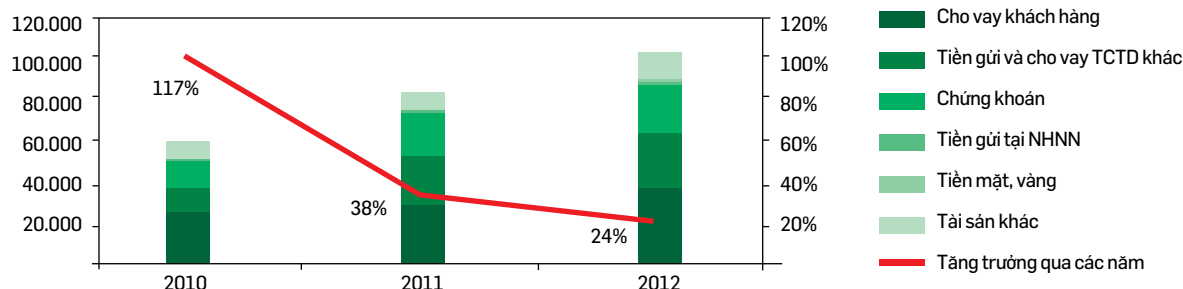
1. Cấu trúc tài sản

Với mục tiêu tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, năm 2012, tổng tài sản hợp nhất của VPBank đạt 102.576 tỷ đồng, tăng gần 20.000 tỷ, tương ứng tăng 24% so với cuối

năm 2011. Tăng trưởng tổng tài sản chủ yếu do đóng góp từ tăng trưởng cho vay khách hàng, chứng khoán đầu tư và tiền gửi và cho vay các TCTD khác. Cụ thể:

- **Tiền gửi và cho vay các TCTD khác** tại thời điểm cuối năm 2012 đạt 26.761 tỷ đồng, tăng 3.800 tỷ đồng, tương ứng tăng 17% so với cuối năm 2011. Trong đó, tiền gửi tại các TCTD giảm 5.243 tỷ (giảm 23%) và cho vay các TCTD tăng 9.097 tỷ so với cuối 2011.

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

- **Chứng khoán đầu tư** tăng 3.236 tỷ (tăng 17%) so với cuối 2011. Chứng khoán đầu tư tăng chủ yếu do các khoản đầu tư chứng khoán của Chính phủ, bao gồm trái phiếu Chính phủ (tăng 4.766 tỷ), tín phiếu Ngân hàng Nhà nước (tăng 1.500 tỷ) và tín phiếu Kho bạc (tăng 1.240 tỷ), trong khi giảm bớt danh mục đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu do các TCTD phát hành. Điều này cũng phù hợp với định hướng của VPBank về tối ưu hóa danh mục tài sản có và xây dựng một bảng cân đối kế toán vững mạnh hơn, có tính thanh khoản cao hơn.

- **Cho vay khách hàng** cuối năm 2012 đạt 36.903 tỷ đồng, tăng 26% so với cuối năm 2011. VPBank là một trong những ngân hàng có tỷ lệ tăng trưởng cho vay khách hàng cao nhất

của ngành ngân hàng. Mức tăng trưởng này cũng vượt 10% so với kế hoạch do DHCD đặt ra từ đầu năm. Tháng 8/2012, VPBank đã được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh hạn mức tín dụng cả năm 2012 lên 30%. Đây là con số tăng trưởng tín dụng điều chỉnh cao nhất được Ngân hàng Nhà nước thông qua, ghi nhận những đánh giá cao về năng lực điều hành và quản trị rủi ro của VPBank.

Cho vay khách hàng tăng tập trung vào các đối tượng khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, có tài sản đảm bảo tốt và có khả năng trả nợ. Nhờ chú trọng kiểm soát chất lượng tín dụng và thận trọng trong cho vay, nên tỷ lệ nợ xấu của VPBank tại thời điểm cuối năm 2012 được kiểm soát ở mức 2,72%.

Cho vay khách hàng

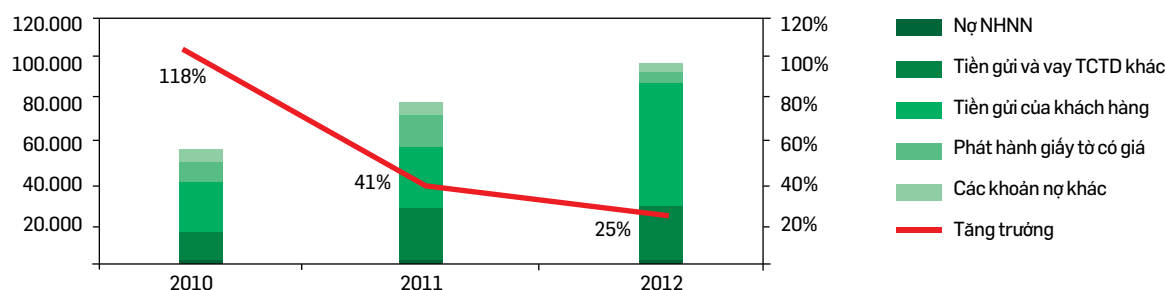
Đơn vị: Tỷ đồng

	2010	2011	2012
Cho vay khách hàng	25.324	29.184	36.903
Tăng trưởng qua các năm	60%	15%	26%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

2. Cấu trúc nguồn vốn và nợ phải trả

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2012 là 95.939 tỷ đồng, tăng 19.118 tỷ, tương ứng tăng 25% so với thời điểm 31/12/2011, chủ yếu do đóng góp của tăng trưởng huy động khách hàng, trong khi huy động liên ngân hàng giữ ở mức ổn định và phát hành giấy tờ có giá giảm đáng kể so với năm trước.

- Tiền gửi và vay TCTD khác cuối năm 2012 là 25.656 tỷ đồng, gần như giữ nguyên mức của năm 2011 (chỉ tăng 68 tỷ đồng so với mức 25.588 tỷ đồng của năm 2011). Tỷ trọng huy động từ thị trường 2 so với tổng nợ phải trả giảm từ mức 33% của năm 2011 xuống 27% trong năm 2012, thể hiện mức độ phụ thuộc vào huy động thị trường 2 giảm đi trong khi quy mô của Ngân hàng vẫn tăng trưởng đáng kể.

- Phát hành giấy tờ có giá tại thời điểm cuối năm 2012 là

4.766 tỷ đồng, giảm 10.276 tỷ, tương ứng giảm 68% so với cuối năm 2011. Phát hành giấy tờ có giá giảm do nguồn huy động thị trường 1 tăng trưởng mạnh mẽ và dư thừa, cải thiện thanh khoản của Ngân hàng năm 2012.

- Huy động khách hàng đạt 59.514 tỷ đồng, tăng 102% so với cuối năm 2011 và đạt 129% kế hoạch huy động do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Đây là mức tăng trưởng dẫn đầu thị trường năm 2012 và cũng là mức tăng trưởng cao nhất của VPBank từ trước tới nay. Tỷ trọng huy động khách hàng trong tổng nợ phải trả tăng từ 38% trong năm 2011 lên 62% trong năm 2012. Tăng trưởng mạnh mẽ về huy động vốn là một trong những chiến lược của Ngân hàng nhằm nâng cao khả năng thanh khoản và an toàn hoạt động Ngân hàng, tạo tiền đề bứt phá cho những năm sắp tới.

Tăng trưởng huy động khách hàng

	2010	2011	2012
Huy động khách hàng (Tỷ đồng)	23.970	29.412	59.514
Tăng trưởng huy động khách hàng (%)	45%	23%	102%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

3. Phân tích cho vay và huy động khách hàng

Cho vay khách hàng đạt 36.903 tỷ đồng, tăng 26% so với cuối năm 2011. Với mức tăng trưởng này, VPBank là một trong những ngân hàng có tỷ lệ tăng trưởng cho vay khách hàng cao nhất trong hệ thống.

Xét cơ cấu cho vay theo khách hàng, cho vay khách hàng doanh nghiệp đạt 19.162 tỷ đồng, tăng 57% so với cuối năm 2011; tỷ trọng dư nợ cho vay doanh nghiệp trong tổng dư nợ chiếm 52%; trong khi tỷ lệ này tại thời điểm cuối năm 2011 chỉ là 42% và tại thời điểm cuối năm 2010 chỉ là 27%. Trong cơ cấu cho vay khách hàng doanh nghiệp, cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm trên 80% và là động lực chính làm tăng cho vay. Điều này cũng phù hợp với định hướng của VPBank về phát triển phân khúc khách hàng doanh nghiệp

vừa và nhỏ, và phù hợp với chủ trương của Ngân hàng Nhà nước về hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp và hỗ trợ nền kinh tế. Trong năm 2012, VPBank đã liên tục đưa ra nhiều chương trình, gói sản phẩm nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp vay vốn, như gói tín dụng ưu đãi với hạn mức 5.000 tỷ đồng dành cho các khách hàng là doanh nghiệp thuộc đối tượng ưu đãi, gói tín dụng ưu đãi với hạn mức 100 triệu USD cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu; gói sản phẩm SME Success cho các khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cơ cấu cho vay khách hàng theo khách hàng

	2010 Tỷ đồng	Tỷ trọng	2011 Tỷ đồng	Tỷ trọng	2012 Tỷ đồng	Tỷ trọng
Cho vay cá nhân	18.379	73%	16.947	58%	17.741	48%
Cho vay doanh nghiệp	6.945	27%	12.237	42%	19.162	52%

Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank đã kiểm toán

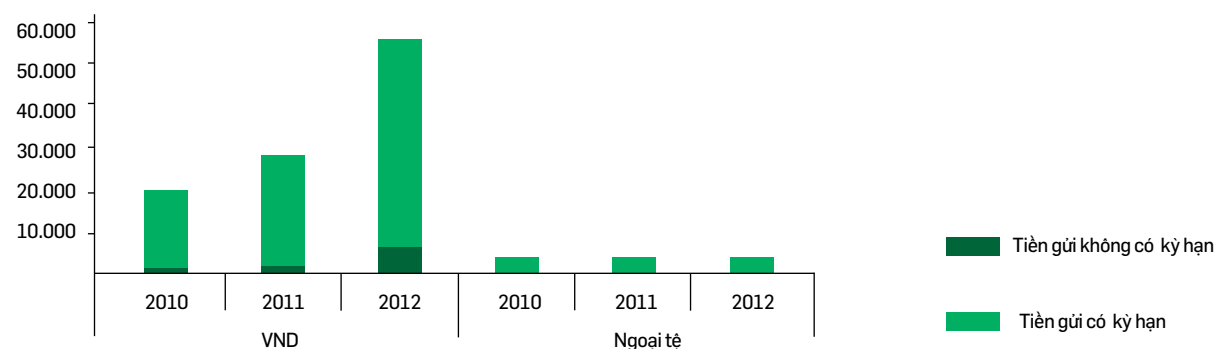
Huy động khách hàng chúng kiến mức tăng trưởng ấn tượng về quy mô và tỷ trọng đóng góp trong nợ phải trả, góp phần xây dựng một bảng cân đối kế toán an toàn và vững mạnh hơn và tạo tiền đề để VPBank bứt phá trong những năm sắp tới.

Tiền gửi của khách hàng tại thời điểm 31/12/2012 tăng 102% so với năm 2011, chủ yếu đến từ tăng trưởng tiền gửi bằng VND. Tỷ trọng tiền gửi bằng VND có xu hướng tăng nhanh trong những năm qua và hiện chiếm khoảng 95% tổng tiền gửi của khách hàng (năm 2010 là 88% và năm 2011 là 90%). Trong khi đó, tiền gửi bằng ngoại tệ hầu như ổn định qua các năm. Xét về kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn chiếm trên 90% tổng số

du tiền gửi của khách hàng trong 3 năm qua. Tiền gửi không kỳ hạn chỉ chiếm khoảng 9% tổng số du tiền gửi, và chủ yếu là tiền VND. VPBank cũng đã và đang triển khai nhiều biện pháp nhằm tăng tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn, và qua đó giảm chi phí huy động vốn. Do vậy, dù còn ở mức khá khiêm tốn, số du tiền gửi không kỳ hạn cũng đã có sự tăng trưởng đáng kể trong năm 2012 (tăng 130% hay 3.158 tỷ so với năm 2011).

Cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo kỳ hạn và loại tiền

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

Với chiến lược hướng đến một ngân hàng bán lẻ hàng đầu, cơ cấu nguồn vốn huy động khách hàng của VPBank có sự đóng góp lớn từ phân khúc các khách hàng cá nhân. Năm 2012, huy động từ khách hàng cá nhân tăng 99% so với năm 2011 (mức tăng trưởng này cao hơn so với các năm trước) và chiếm tới

64% tổng số du tiền gửi của khách hàng tại VPBank. Bên cạnh đó, VPBank cũng thúc đẩy tăng trưởng tiền gửi từ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và các đối tượng khác, nhằm mục đích tăng cường bán chéo sản phẩm, và tăng tỷ trọng của số du tiền gửi không kỳ hạn trong tổng cơ cấu tiền gửi của Ngân hàng.

Cơ cấu huy động khách hàng theo thành phần kinh tế

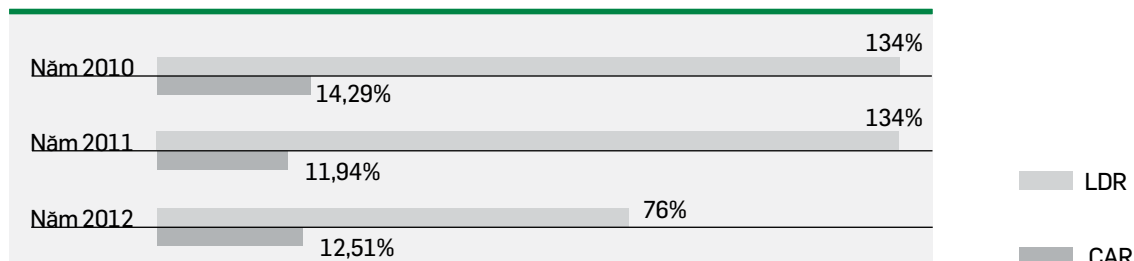
	2010 Tỷ đồng	Tỷ trọng	2011 Tỷ đồng	Tỷ trọng	2012 Tỷ đồng	Tỷ trọng
Tổ chức kinh tế	5.411	23%	9.815	33%	17.300	29%
Cá nhân	17.861	74%	19.048	65%	37.876	64%
Đối tượng khác	697	3%	549	2%	4.338	7%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

4. Tình hình thanh khoản và an toàn hoạt động

Tình hình thanh khoản và an toàn hoạt động được cải thiện rõ rệt trong năm 2012 nhờ những chiến lược của VPBank tập trung vào xây dựng bảng cân đối kế toán vững mạnh hơn.

Biến động tỷ lệ cho vay/huy động thị trường 1 và tỷ lệ an toàn vốn



Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank đã kiểm toán

Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn và hoạt động của hệ thống Ngân hàng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, HĐQT và Ban Điều hành VPBank đã xác định mục tiêu hàng đầu của năm 2012 là nâng cao hiệu quả và an toàn hoạt động của toàn Ngân hàng. Điều đó thể hiện ở các chỉ số về thanh khoản và các tỷ lệ về an toàn được đảm bảo và cải thiện mạnh mẽ so với năm trước. Tỷ lệ cho vay/huy động đạt 76% so với mức 134% năm 2011, thể hiện khả năng thanh khoản tăng lên đáng kể. Hệ số an toàn vốn (CAR) hợp nhất đạt 12,51%, cao hơn 3,51% so với mức tối thiểu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước là 9%. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn đạt 15,19%, đạt quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tỷ lệ khả năng chi trả hàng ngày luôn lớn hơn 15%, đạt yêu cầu theo từng ngày, tuân thủ quy định của

Ngân hàng Nhà nước cũng như các hạn mức nội bộ về rủi ro thanh khoản của VPBank.

Trong năm 2012, VPBank đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 5.050 tỷ đồng lên 5.770 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận giữ lại. Việc tăng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của VPBank đồng thuận, nhằm đưa nguồn vốn của VPBank tăng trưởng phù hợp với quy mô phát triển và đảm bảo các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động của Ngân hàng. Điều đó cũng thể hiện quyết tâm và cam kết của các cổ đông trong việc hỗ trợ chiến lược dài hạn của VPBank nhằm trở thành 1 trong 5 NHTMCP hàng đầu Việt Nam và 1 trong 3 NHTMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam.



5. Kết quả kinh doanh năm 2012

Kết quả kinh doanh năm 2012 chứng kiến mức tăng trưởng hợp lý trong thu nhập hoạt động thuần. Tổng thu hoạt động thuần đạt 3.019 tỷ đồng, tăng 531 tỷ đồng, tương đương tăng 21% so với năm 2011, chủ yếu do đóng góp của tăng trưởng thu nhập lãi thuần.

	Chi tiêu (Tỷ đồng)	2012	2011	Thay đổi	
				Tỷ đồng	%
I	Thu nhập hoạt động thuần	3.019	2.487	531	21%
	Thu nhập lãi và các khoản tương tự	10.341	9.540	801	8%
	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	7.374	7.495	(121)	-2%
1	Thu nhập lãi thuần	2.967	2.045	922	45%
	Thu nhập hoạt động dịch vụ	672	845	(173)	-20%
	Chi phí hoạt động dịch vụ	401	437	(36)	-8%
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	271	407	(137)	-34%
3	Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	(117)	13	(130)	-1004%
4	Lãi/lỗ từ mua bán chứng khoán	(102)	22	(124)	-563%
	Thu nhập từ hoạt động khác	122	36	86	237%
	Chi phí hoạt động khác	24	12	12	93%
II	Lãi thuần từ hoạt động khác	98	27	74	312%
III	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	17	4	13	313%
IV	Chi phí hoạt động	1.881	1.302	578	44%
V	Lợi nhuận trước dự phòng rủi ro	1.253	1.213	40	3%
	Trích dự phòng rủi ro	400	149	251	169%
VI	Lợi nhuận trước thuế	853	1.064	(212)	-20%
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	215	265	(50)	-19%
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5,6	0,04	5,56	14800%
VII	Chi phí thuế TNDN	209	265	(56)	-21%
VIII	Lợi nhuận sau thuế	643	800	(156)	-19%

Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank đã kiểm toán

Thu nhập lãi thuần

Thu nhập lãi thuần tăng với tỷ lệ cao hơn tổng thu nhập hoạt động thuần. Năm 2012, thu nhập lãi thuần đạt 2.967 tỷ đồng, tăng 922 tỷ đồng, tương ứng tăng 45% so với năm 2011, do thu nhập lãi tăng 801 tỷ và chi phí lãi giảm 121 tỷ so với năm 2011. Thu nhập lãi thuần hiện chiếm 98% tổng thu nhập hoạt động thuần.

Năm 2012, tỷ suất lợi tức trên tài sản sinh lời (YEA) giảm 2,83% từ mức 15,82% xuống 12,99%, trong khi tỷ lệ chi phí lãi trên công nợ phải trả lãi giảm mạnh hơn (giảm 4,63% từ mức 13,72% của năm 2011 xuống 9,09% của năm 2012. Nhờ đó, biên thu nhập lãi thuần tăng 0,34% so với năm 2011 lên 3,73%. Biên thu nhập lãi thuần liên

tục tăng lên trong những năm gần đây. Tỷ lệ này năm 2012 là 3,73%, tăng lên so với mức 3,39% của năm 2011 và 2,87% của năm 2010. Đồng thời, tỷ lệ thu nhập lãi thuần/tổng tài sản có rủi ro cũng tăng từ 5,35% trong năm 2011 lên 6,46% trong năm 2012. Những con số này

cho thấy hiệu quả thu lãi đã có sự tăng trưởng đáng kể, và khẳng định bước đi đúng đắn của Ngân hàng trong việc đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng, các chương trình hành động và nâng cao chất lượng dịch vụ trong năm 2012.

	2010	2011	2012
Biên thu nhập lãi thuần (NIM)	2,87%	3,39%	3,73%
Tỷ suất lợi tức / tài sản sinh lời (YEA)	10,16%	15,82%	12,99%
Tỷ lệ chi phí lãi / công nợ phải trả lãi (COF)	7,51%	13,72%	9,09%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán

Chi phí hoạt động

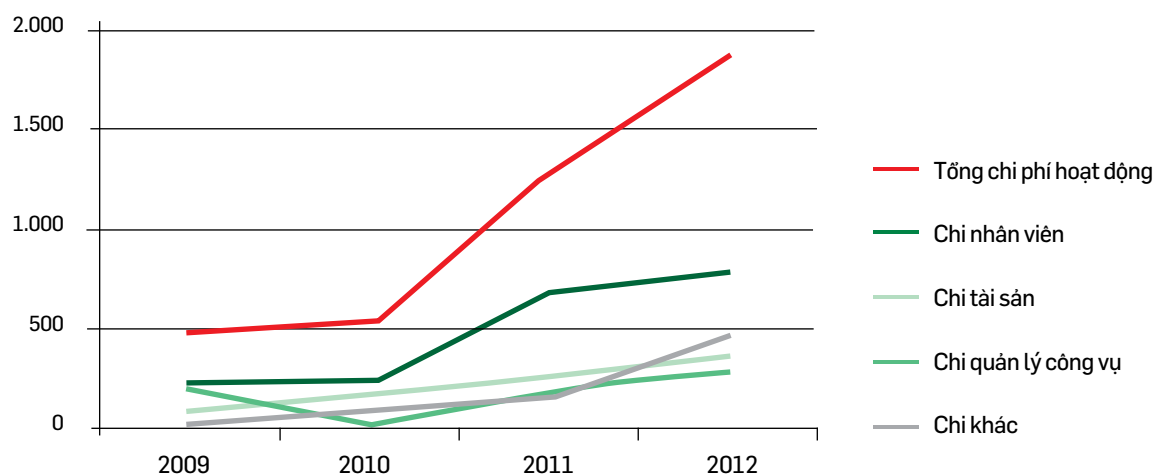
Năm 2012 là năm mà VPBank đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống nền tảng, mà trọng tâm là công tác đầu tư vào hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin và phát triển nhân sự. Chính vì vậy, chi phí hoạt động cũng tăng 578 tỷ đồng, tương ứng tăng 44% so với năm 2011.

VPBank đã xác định nguồn nhân lực là yếu tố trọng tâm để thực hiện quá trình tái cơ cấu và chuyển đổi mạnh mẽ Ngân hàng. Để có thể gìn giữ và thu hút những nguồn nhân lực có chất lượng cao đóng góp cho quá trình tái cơ cấu và chuyển đổi toàn diện của Ngân hàng trong giai đoạn 2012 - 2017,

VPBank đã chú trọng đến việc không ngừng nâng cao phúc lợi cho nhân viên. Do đó, chi phí nhân sự năm 2012 tăng 110 tỷ đồng (tăng 16%) so với năm 2011. Chi phí nhân sự cũng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tổng chi phí hoạt động năm 2012 (chiếm 42%). Ngoài ra, chi phí tài sản tăng 93 tỷ đồng (tăng 36%) do các hoạt động đầu tư phát triển mạng lưới, xây dựng trụ sở hoạt động, đầu tư công nghệ và tài sản cố định; Chi phí marketing (nằm trong chi phí quản lý, công vụ) tăng 58 tỷ đồng (tăng 83%) do các hoạt động tiếp thị, quảng cáo nhằm nâng cao hình ảnh của VPBank trên cả nước.

Tăng trưởng chi phí hoạt động qua các năm

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank đã kiểm toán

Chi phí dự phòng rủi ro

Trích lập dự phòng rủi ro trong năm là 400 tỷ đồng, tăng 149 tỷ (tăng 169%) so với năm 2011. Năm 2012 là năm đầu tiên VPBank tiến hành trích lập dự phòng chung cho các khoản

cho vay tổ chức tín dụng khác (55 tỷ đồng). Chi phí dự phòng cụ thể cũng tăng 200 tỷ so với năm 2011, do VPBank tăng cường trích lập để đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

	2011 Tỷ đồng	2012 Tỷ đồng	Tăng / Giảm so với 2011 Tỷ đồng
Dự phòng chung	47,11	98,46	51,35
Thị trường 1 và các cam kết ngoại bảng	47,11	43,80	(3,31)
Thị trường 2	-	54,66	54,66
Dự phòng cụ thể	101,63	301,46	199,83
Tổng chi phí dự phòng trong năm	148,74	399,92	251,18

Nguồn: BCTC hợp nhất VPBank đã kiểm toán

Lợi nhuận trước thuế

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2012 đạt 853 tỷ đồng, giảm 212 tỷ đồng, tương đương giảm 20% so với năm 2011.

Năm 2012 là năm đặc biệt khó khăn với nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Hoạt động kinh doanh của VPBank cũng không nằm ngoài bối cảnh chung đó. Mặt khác, việc tăng cường đầu tư vào hệ thống cơ sở nền tảng là mục tiêu không thể thiếu trong những năm đầu của quá trình chuyển đổi, cũng làm cho mức chi phí hoạt động và đầu tư tăng cao. Những yếu tố này đã dẫn đến lợi nhuận và khả năng sinh lời giảm đi trong năm 2012. Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) giảm từ 14% trong năm 2011 xuống còn 10% trong năm 2012. Tỷ lệ chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động thuần tăng lên 62% từ mức 52% của năm 2011. Đồng thời, lãi cơ bản trên một cổ phiếu đạt 1.115 đồng, giảm 505 đồng so với mức 1.620 đồng của năm 2011.

Tuy nhiên, khả năng sinh lời suy giảm ngắn hạn đang được bù đắp bởi một cơ cấu vốn - tài sản vững mạnh hơn và một hệ thống hoạt động an toàn hơn, thể hiện qua các tỷ lệ cho vay/huy động thấp hơn, tỷ lệ an toàn vốn cao hơn và tỷ lệ trích lập dự phòng tăng lên so với năm 2011. Điều này cũng phù hợp với ưu tiên của HĐQT và Ban Điều hành VPBank trong năm 2012, đó là tăng tính an toàn trong hoạt động ngân hàng và tăng cường xây dựng hệ thống nền tảng nhằm củng cố hệ thống quản trị nội bộ, tạo nền tảng để VPBank bứt phá trong những năm tiếp theo và hoàn thành chiến lược phát triển dài hạn của VPBank giai đoạn 2012 - 2017.

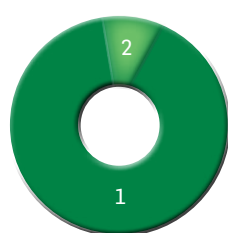


Các chỉ tiêu phi tài chính

1. Cơ sở khách hàng

Tính đến 31/12/2012, VPBank có hơn 250.000 khách hàng, trong đó khoảng 90% là khách hàng cá nhân và 10% là khách hàng doanh nghiệp. Cơ sở khách hàng tăng trưởng mạnh trong năm 2012 với tốc độ tăng trưởng 42,2%. Khách hàng tập trung chủ yếu tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, chiếm khoảng 55% tổng số khách hàng.

TỶ TRỌNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN & DOANH NGHIỆP %

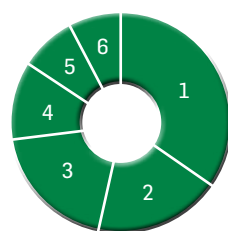


- | | |
|----------------------------|------|
| 1. Khách hàng cá nhân | 90,6 |
| 2. Khách hàng doanh nghiệp | 9,4 |

SỐ LƯỢNG KHÁCH HÀNG

Năm 2009	132.055
Năm 2010	144.528
Năm 2011	176.191
Năm 2012	250.618

TỶ TRỌNG KHÁCH HÀNG PHÂN THEO KHU VỰC %

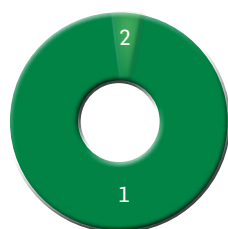


- | | |
|------------------------------|------|
| 1. Hà Nội | 35,3 |
| 2. Hồ Chí Minh | 19,7 |
| 3. Miền Bắc | 18,5 |
| 4. Bắc Trung Bộ | 14,7 |
| 5. Nam Trung Bộ & Tây Nguyên | 6,0 |
| 6. Nam Bộ | 5,8 |

2. Phát hành thẻ

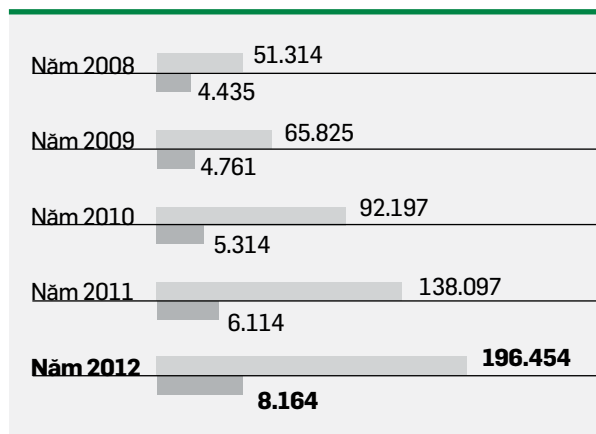
Năm 2012, phát hành thẻ của VPBank tăng trưởng 35,3% lên mức gần 200.000 thẻ các loại. Thẻ ghi nợ (Debit card) vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng số lượng thẻ phát hành, và tốc độ tăng trưởng nhanh hơn nhóm thẻ tín dụng (Credit card).

TỶ TRỌNG THẺ DEBIT VÀ CREDIT %



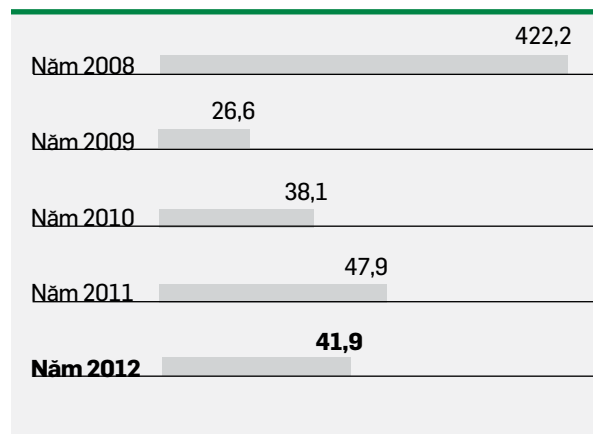
- | | |
|---------------|----|
| 1. Thẻ Debit | 96 |
| 2. Thẻ Credit | 4 |

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG THẺ DEBIT & CREDIT



Thẻ Debit Thẻ Credit

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG THẺ %



Số liệu cập nhật tại thời điểm 31/12/2012

3. Mạng lưới hoạt động

Tính đến cuối năm 2012, VPBank có 205 chi nhánh và phòng giao dịch tại 33 tỉnh, thành phố trên cả nước. Hệ thống chi nhánh và phòng giao dịch chủ yếu tập trung tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

KHU VỰC	CHI NHÁNH & SGD	PGD & QỦY TIẾT KIỆM	MÁY ATM
Hà Nội	6	56	120
Hồ Chí Minh	2	36	58
Miền Bắc	11	29	42
Bắc Trung Bộ	6	26	34
Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	5	12	16
Đông Nam Bộ	3	2	6
Tây Nam Bộ	6	5	15
Tổng số	39	166	291

Ghi chú: Có 1 SGD và 10 QTK (8 QTK tại Hà Nội và 1 QTK tại Nam Định, 1 QTK tại Hải Phòng)

Năm 2012, VPBank cũng đã đầu tư mới và đưa vào hoạt động thêm 58 máy ATM, tăng gần 25% so với năm 2011. Hệ thống máy ATM của VPBank cũng tập trung ở các thành phố lớn để đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng tăng của khách hàng.



**CÁC
HOẠT ĐỘNG
NỔI BẬT
TRONG NĂM 2012**

Hệ thống Bán hàng và Kênh phân phối

Khối Bán hàng và Kênh phân phối (S&D) được thành lập vào ngày 20/6/2012 với nhiệm vụ quản lý các hoạt động liên quan đến hệ thống bán hàng và kênh phân phối của VPBank gồm 205 điểm giao dịch và một số các trung tâm kinh doanh.

Ra đời trong thời điểm nền kinh tế có nhiều biến động, Khối S&D đã nỗ lực khắc phục những khó khăn để thực hiện các nhiệm vụ của mình, góp phần giúp VPBank hiện thực hóa mục tiêu tham vọng trở thành 1 trong 3 Ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam. Trong năm 2012 hoạt động kinh doanh của Khối đã đạt được một số thành tựu sau:

- **Huy động vốn đạt 110%** kế hoạch được giao.
- **Dư nợ** từ khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp SME tăng trưởng 17% so với 2011.
- **Xử lý và thu hồi nợ:** Hoàn thành xuất sắc và vượt mức các chỉ tiêu về kiểm soát và thu hồi nợ xấu trong năm 2012, góp phần cải thiện đáng kể hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng đồng thời đảm bảo an toàn cho toàn hệ thống.
- **Chất lượng dịch vụ:** Chú trọng nâng tầm và tạo sự khác

biệt cho toàn bộ hệ thống kênh phân phối của VPBank trên thị trường với mục tiêu định hướng cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ.

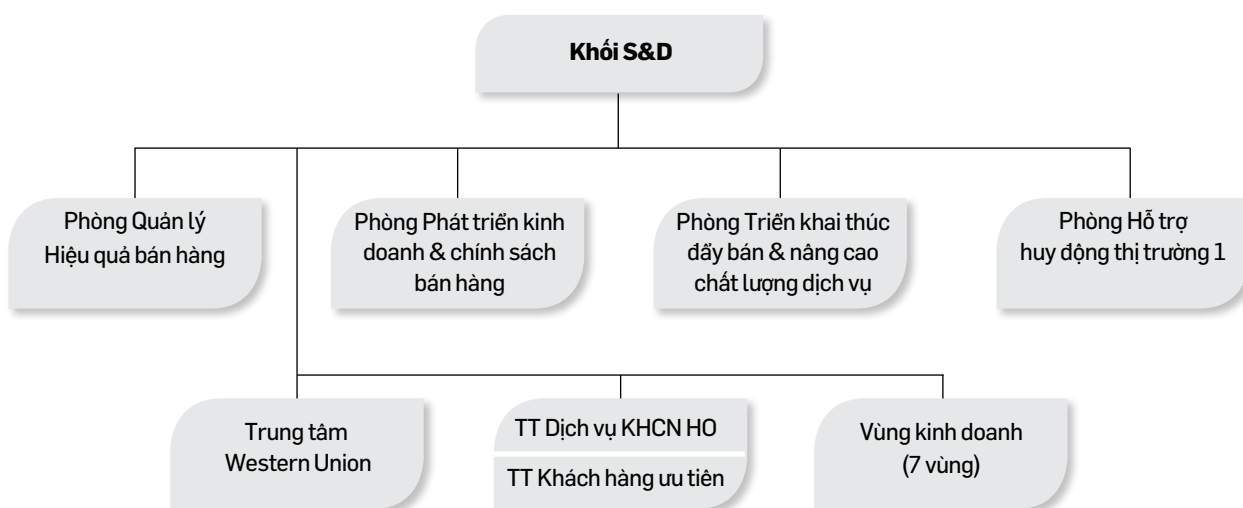
- **Thực hiện tốt việc cập nhật thông tin,** bám sát các biến động trên thị trường để đề xuất các điều chỉnh, giải pháp, sản phẩm kịp thời mang lại an toàn và hiệu quả cao cho Ngân hàng.
- **Đưa ra chỉ tiêu** và công cụ cho đội ngũ cán bộ kinh doanh thực hiện quản lý hiệu quả bán và khuyến khích bán hàng một cách tiên tiến, khoa học, góp phần nâng cao động lực của đội ngũ bán hàng.
- **Chủ trì và phối hợp thực hiện hàng loạt dự án** có vai trò quan trọng phục vụ chiến lược phát triển của Ngân hàng như: chuyển đổi mạng lưới chi nhánh, triển khai chiến lược và mô hình kinh doanh SME, SSP/Value Prop 2012...

Năm 2012 được coi là một năm bán lẻ để Khối S&D đưa ra những chiến lược phát triển và chương trình hành động quan trọng. Thành tích nổi bật nhất trong năm của Khối chính là việc đảm bảo duy trì hoạt động an toàn và ổn định của hệ thống các chi nhánh VPBank dù mô hình quản lý các chi nhánh mới được thiết lập.

Nhằm phục vụ thiết thực hoạt động kinh doanh, đến cuối năm 2012, Khối S&D đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức của mình.

đạt
110% kế hoạch
huy động vốn từ khách hàng cá nhân
và doanh nghiệp SME

Cơ cấu tổ chức của Khối S&D



Với bộ máy này, Khối S&D đã chỉ đạo một cách thông suốt và liên tục từ Hội sở xuống đến từng nhân viên bán hàng, cũng như lắng nghe và cùng phối hợp giải quyết các khó khăn vướng mắc của công tác bán nhằm tối ưu

hóa hiệu quả hoạt động của Kênh phân phối trực tiếp gồm hàng trăm điểm giao dịch của VPBank hiện đang có mặt trên nhiều tỉnh thành trọng điểm kinh tế của đất nước.

Dịch vụ Khách hàng Cá nhân



70.000

**khách hàng mới,
tăng gần 50% so với năm 2011**

2012 là năm đánh dấu sự chuyển đổi mạnh mẽ đối với Khối Khách hàng Cá nhân của VPBank.

Trong xu hướng tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế sau một vài năm phát triển mạnh mẽ, Khối Khách hàng Cá nhân đã dành nhiều thời gian hơn để nghiên cứu và xây dựng chiến lược 5 năm chi tiết, hướng tới thực hiện tầm nhìn tham vọng của VPBank là trở thành 1 trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam. Hai phân khúc khách hàng mục tiêu đã được xác định là phân khúc khách hàng thu nhập khá và phân khúc khách hàng thu nhập trung bình khá. Những nghiên cứu chi tiết đã được thực hiện nhằm xác định các phân khúc nhỏ và thiết kế sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng. Việc thí điểm phân khúc khách hàng phụ nữ đã được ra mắt trong tháng 12 năm 2012.

Trong năm 2012, Khối Khách hàng Cá nhân đã đạt được những kết quả quan trọng. Trong đó, phải kể đến việc VPBank đã thu hút thêm 70.000 khách hàng mới, tăng gần 50% so với năm 2011. Huy động tiền gửi từ khách hàng cá nhân trong năm đã đạt 41.000 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng ấn tượng là 77%/năm.

Cho vay hộ kinh doanh, Cho vay tiêu dùng có tài sản đảm bảo và Cho vay tiêu dùng không có tài sản đảm bảo là ba sản phẩm cho vay mới được triển khai trong năm 2012 để bổ sung vào dòng sản phẩm tiện ích hiện có cho khách hàng cá

nhân, góp phần hoàn thiện bộ sản phẩm cho vay của VPBank. Nhờ đó, ngay cả trong giai đoạn nền kinh tế đang tăng trưởng chậm lại, danh mục cho vay của Khối Khách hàng Cá nhân vẫn đạt hơn 15.000 tỷ đồng.

Hàng loạt hoạt động đa dạng khác đã được VPBank triển khai để nâng cao tiện ích và chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng. Ngân hàng đã hợp tác với Vietnam Airlines chính thức cho ra mắt sản phẩm Thẻ tín dụng đồng thương hiệu Vietnam Airlines – VPBank Platinum MasterCard. Sản phẩm này hướng đến phục vụ phân khúc khách hàng thu nhập khá, cho phép khách hàng tích lũy dặm bay của Vietnam Airlines khi chi tiêu bằng thẻ tín dụng của VPBank trên toàn thế giới. Bên cạnh đó, trong năm 2012, VPBank cũng đã mở thêm 6 chi nhánh và trên 50 cây ATM mới nhằm phục vụ mục tiêu mở rộng kênh phân phối. Đồng thời, một kênh bán hàng thay thế đã được thiết lập để tạo nguồn khách hàng mới, đó là những nhân viên bán hàng trực tiếp – tiếp thị khách hàng trực tiếp và qua điện thoại. Tính đến tháng 12/2012, lực lượng bán hàng hùng hậu qua kênh này đã lên tới 450 người ở cả Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Nhìn chung, VPBank đã thiết lập được một nền tảng tốt của mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại, hướng tới mục tiêu trở thành 1 trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam trong 5 năm tới.

Dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp SME



5 trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp SME được xây dựng với thiết kế hiện đại và chuyên nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng

Nhằm đẩy mạnh phục vụ các khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ - phân khúc đang chiếm tới 90% tổng số doanh nghiệp Việt Nam, tháng 10 năm 2012, VPBank đã thành lập Khối Khách hàng Doanh nghiệp SME (trên cơ sở tách từ Khối Khách hàng Cá nhân và SME). Với chiến lược định vị khách hàng rõ ràng cùng việc thiết kế các sản phẩm dành riêng cho phân khúc khách hàng SME, Khối đã bước đầu hoàn thành mục tiêu chinh phục các khách hàng của mình. Bên cạnh đó, các đơn vị trực thuộc Khối tại Hội sở chính cũng thực hiện tốt vai trò là đầu mối hỗ trợ tư vấn chuyên môn cho các chi nhánh và đơn vị kinh doanh trên toàn hệ thống.

Cơ cấu tổ chức của Khối Khách hàng Doanh nghiệp SME bao gồm các đơn vị trực thuộc là: Phòng Phát triển Sản phẩm SME, Phòng Tiếp thị và Quản lý Chiến dịch, Phòng Phát triển Kinh doanh và các Trung tâm SME tại hai miền Bắc, Nam với tổng số 150 nhân sự.

Kết thúc năm 2012, VPBank đã hoàn thành xây dựng 5 Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp SME với thiết kế hiện đại và chuyên nghiệp, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ

khách hàng. Tiếp nhận lại từ Ngân hàng hơn 22.000 khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, Khối đã triển khai hàng loạt chương trình hỗ trợ lãi suất cho khách hàng, góp phần không nhỏ trong việc hoàn thành kế hoạch tín dụng và dư nợ năm của toàn ngân hàng. Với sự tư vấn của chuyên gia quốc tế, VPBank đã lựa chọn một số nhóm ngành nghề kinh doanh mũi nhọn để tập trung hỗ trợ đặc biệt cho các doanh nghiệp như: Bán buôn, Bán lẻ; Vận tải, Kho bãi; Cung cấp điện, Năng lượng; Dịch vụ lưu trú, Ăn uống; Y tế và Dịch vụ Xã hội... Khối cũng đã nhanh chóng cho ra mắt 10 sản phẩm cốt lõi dành cho các doanh nghiệp thuộc các nhóm: tiền gửi, cho vay, quản lý dòng tiền và tài trợ thương mại. Đây sẽ là một trong những công cụ trọng tâm để SME triển khai các chương trình kinh doanh trong năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, Khối cũng mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác nhằm gia tăng quyền lợi khách hàng qua những chương trình tài trợ các sự kiện lớn như Hội nghị Khách hàng Thường niên Vietnam Airlines tại Hà Nội, giải Golf Tam Đảo Club Open Championship 2012...

Dịch vụ Ngân hàng Bán buôn

Khối Ngân hàng Bán buôn của VPBank được thành lập ngày 5/8/2011 và chính thức vận hành từ đầu năm 2012. Sau hơn 1 năm hoạt động, với sự chuyển mình mạnh mẽ, Khối đã đạt được những thành tựu nổi bật, bước đầu khẳng định được thương hiệu của VPBank trong một phân khúc khách hàng có nhiều tiềm năng: Khách hàng doanh nghiệp lớn.

Thành công trong năm 2012 của Khối Ngân hàng Bán buôn được thể hiện qua những con số đầy ấn tượng như: doanh thu đạt 495 tỷ đồng (tăng 153% so với năm 2011). Doanh số và số dư hoạt động của Khối đều có bước tăng trưởng đáng kể, trong đó mức tăng số dư huy động và số dư tín dụng cuối kỳ đạt lần lượt 205%/năm và 72%/năm. Đặc biệt, doanh số FX với khách hàng bán buôn năm 2012 tăng 68%/năm, trong khi hoạt động thanh toán quốc tế và bảo lãnh đạt mức tăng trưởng nhảy vọt là 700%/năm và 450%/năm.

Trong năm 2012, Khối Ngân hàng Bán buôn tập trung đẩy mạnh việc tiếp thị và thu hút khách hàng trong bối cảnh bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi các tổ chức tín dụng khác, đặc biệt là các ngân hàng nước ngoài và ngân hàng quốc doanh. Tuy vậy, với những chiến lược tiếp cận sáng tạo và linh hoạt, tổng số lượng khách hàng doanh nghiệp lớn của Khối đã đạt mức tăng 84% so với năm 2011, trong đó có khách hàng là những tập đoàn kinh tế lớn, thuộc cả thành phần kinh tế Nhà nước và tư nhân.

Với sự hỗ trợ của công ty tư vấn hàng đầu McKinsey, Khối Ngân hàng Bán buôn đã xây dựng được cho mình một chiến lược phát triển tổng thể giai đoạn 2012 - 2017 phù hợp với lộ trình phát triển chung của Ngân hàng. Bản chiến lược bao quát các mũi nhọn nổi bật về định hướng khách hàng, mô hình triển khai và cơ cấu tổ chức hoạt động, đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả.

Xét về góc độ vận hành, điểm sáng nổi bật của năm 2012 của Khối là đã triển khai thành công mô hình đội ngũ bán sản phẩm với trọng tâm là các cán bộ quan hệ khách hàng, phối hợp chặt chẽ với các chuyên gia về sản phẩm ngân hàng giao dịch và thị trường tài chính. Ngoài ra, việc tiếp tục tập trung hóa một số nghiệp vụ của Khối Ngân hàng Bán buôn thông qua việc thành lập trung tâm Dịch vụ Khách hàng (CS) đã giúp giảm thiểu rủi ro hoạt động, nâng cao hiệu quả vận hành, tiết kiệm thời gian, chi phí và hướng tới một mô hình chuyên nghiệp.

Bên cạnh đó, Khối Ngân hàng Bán buôn đã có những bước tiến quan trọng trong phát triển sản phẩm mới, xây dựng những chương trình, danh mục sản phẩm phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng. Nổi bật nhất trong đó là các giải pháp về Quản lý dòng tiền và Tài trợ thương mại như: Thanh toán online toàn diện cho khách hàng (I2b), Quản lý vốn tập trung (Sweeping), Tài trợ nhà phân phối...



153%

tăng trưởng doanh thu từ khách hàng bán buôn so với năm 2011

Dịch vụ Tín dụng Tiêu dùng



Khối Tín dụng Tiêu dùng (VPBCF) được VPBank thành lập từ năm 2011 nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính và cung cấp các sản phẩm tiện ích phù hợp cho hàng triệu người dân Việt Nam - những người có nhu cầu nâng cao đời sống. Kể từ đó, hoạt động tín dụng tiêu dùng đã phát triển rộng khắp cả nước về cả chiều rộng lẫn chiều sâu và mở rộng kinh doanh tại hơn 2.000 điểm và hơn 2.500 đại diện bán hàng, nhằm phân phối các sản phẩm đến tay người tiêu dùng có nhu cầu. Hiện tại, VPBCF cung cấp các sản phẩm tài chính cho khách hàng của mình trên 58 tỉnh thành khắp cả nước, trở thành một tổ chức đi đầu trong ngành tín dụng phục vụ hơn 200.000 khách hàng với những sản phẩm và dịch vụ ưu việt nhất trong suốt 2 năm qua.

Năm 2012 là một năm tăng trưởng và chuyển đổi mạnh mẽ đối với hoạt động tín dụng tiêu dùng. Trong giai đoạn này, mạng lưới phân phối đã được mở rộng nhanh chóng, thu hút một lượng khách hàng lớn giúp doanh số bán hàng tăng lên

với tốc độ vượt trội. Bên cạnh đó, công tác quản trị rủi ro được chú trọng đã giúp kiểm soát chất lượng tín dụng của danh mục cho vay tốt hơn mức kế hoạch năm. Doanh số bán hàng lớn cũng đã tạo đà tăng trưởng doanh thu mạnh, cùng với việc tập trung sâu và sát vào công tác quản trị rủi ro và kiểm soát chi phí nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh vượt mức kế hoạch đề ra.

Trọng tâm hoạt động của lãnh đạo Khối Tín dụng Tiêu dùng là xây dựng một cơ sở hạ tầng mạnh và vững chắc để tạo nền tảng cho sự tăng trưởng kinh doanh trong tương lai. Một phần của nỗ lực này là việc VPBCF đã triển khai hệ thống cho vay trọng tâm mới và được xem là thành tựu hàng đầu thế giới về việc ứng dụng công nghệ trong việc cải tiến ngành ngân hàng hiện nay - theo bình luận của một chuyên gia nổi tiếng trong ngành IT và Ngân hàng. Ngoài ra, Bộ phận Phân tích Thông tin Kinh doanh (BI) cũng đã được thành lập để hỗ trợ hoạt động kinh doanh tín dụng tiêu dùng.

Trong năm 2012, sản phẩm Cho vay cá nhân đã được triển khai để mở rộng dòng sản phẩm thông qua việc bổ sung sản phẩm cho vay mua xe máy và các đồ gia dụng điện tử. Việc cho ra mắt sản phẩm này đã đạt thành công lớn khi thu hút được hơn 15.000 khách hàng chỉ trong vòng chưa đầy sáu tháng cuối năm. Nhiều kế hoạch sản phẩm cũng đang chuẩn bị được giới thiệu nhằm mang lại những giải pháp hiệu quả và hợp lý với nhu cầu tài chính cho các khách hàng tiềm năng, hiện thực hóa ước mơ nâng cao đời sống của họ.

Có mặt tại

58 tỉnh thành

trên toàn quốc, VPBank đang dẫn đầu thị trường tín dụng tiêu dùng tại Việt Nam với số lượng

200.000

khách hàng

Hoạt động Nguồn vốn và Đầu tư



Khối Nguồn vốn và Đầu tư (NVĐT) là một trong những đơn vị kinh doanh của VPBank có chức năng thực thi các chiến lược kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận của Ngân hàng, duy trì bảng cân đối lành mạnh và quản lý toàn bộ nguồn vốn của Ngân hàng, đảm bảo thanh khoản, tối ưu hóa nguồn vốn, giảm thiểu các rủi ro về lãi suất hoặc thanh khoản. Năm 2012, dù chịu ảnh hưởng từ bối cảnh chung đầy khó khăn và thách thức của thị trường, Khối NVĐT vẫn đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Do cơ chế điều hành chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước khá chặt chẽ trong năm 2012, thị trường vốn liên ngân hàng (LNH) đã có những biến động trái chiều so với những năm trước, gây sức ép kinh doanh lớn cho các ngân hàng. Mặc dù vậy, VPBank đã có gắng tận dụng các nguồn vốn tối ưu để tài trợ cho các kế hoạch đầu ra có lợi nhuận biên (margin) khả quan.

Về quản lý thanh khoản, năm 2012 VPBank luôn đảm bảo duy trì các chỉ số thanh khoản theo quy định Thông tư 13 của Ngân hàng Nhà nước và Bộ chỉ số quản trị thanh khoản của VPBank. Nhờ đó, ngân hàng luôn đáp ứng được nhu cầu thanh toán của khách hàng nhanh chóng, kịp thời trong các giai đoạn cao điểm của thị trường.

Về hoạt động kinh doanh trái phiếu, nắm bắt được cơ hội thị trường với xu hướng lãi suất giảm dần, Khối đã thực hiện mua vào trái phiếu ở những thời điểm thích hợp, nhằm đảm bảo các chỉ số an toàn theo Thông tư 13, 19 của Ngân hàng

Nhà nước và kinh doanh hưởng chênh lệch giá. Giao dịch trái phiếu của VPBank trong năm 2012 tăng đáng kể so với các năm trước. Tổng danh mục trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đã tăng từ mức hơn 4.000 tỷ lên gấp 3 lần vào cuối năm. Cùng với đó là doanh số giao dịch tăng cao, đưa VPBank lần đầu tiên lọt vào TOP 10 các tổ chức có doanh số giao dịch trái phiếu cao nhất trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Vốn là thành viên tích cực của Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam, VPBank còn được Bộ Tài chính công nhận là thành viên chính thức đấu thầu trái phiếu chuyên biệt với hệ thống giao dịch điện tử trực tuyến với HNX.

Trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường, VPBank luôn thận trọng trong các hoạt động đầu tư. Ngoài việc đầu tư mới, Ngân hàng chú trọng rà soát lại các khoản đầu tư cũ, định giá lại các khoản đầu tư để thanh toán dứt và yêu cầu khách hàng bổ sung thêm tài sản bảo đảm nhằm giảm thiểu rủi ro cho các khoản đầu tư của Ngân hàng.

Ngoài hoạt động kinh doanh ấn tượng với mức thu nhập thuần (TOI) vượt mức kế hoạch 2,3 lần trong năm 2012, Khối đã tập trung xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế nhằm nâng cao hơn nữa năng suất và hiệu quả làm việc. Tiêu biểu là việc nâng cấp và hoàn thiện 7 quy trình chuẩn hóa các nghiệp vụ kinh doanh như: quy trình đăng ký và báo nguồn, quy chế cho vay/di vay LNH, quy trình phát hành giấy tờ có giá, mua bán kỳ hạn giấy tờ có giá v.v... Bên cạnh đó, Khối cũng hoàn thiện chính sách và quy chế đầu tư, phối hợp xây dựng Bộ chỉ số thanh khoản phục vụ cho quản trị nội bộ.

Quản trị Rủi ro



Năm 2012, VPBank thành lập Khối Quản trị Rủi ro (QTRR) và ban hành chính sách khung QTRR điều chỉnh toàn bộ các hoạt động quản lý rủi ro của ngân hàng. Điều này thể hiện quyết tâm cao của VPBank trong việc phát triển một hệ thống quản lý rủi ro độc lập, tập trung, chuyên môn hóa, theo chuẩn mực quốc tế và gắn kết với chiến lược kinh doanh của ngân hàng.

Ngay sau khi thành lập, Khối QTRR đã nghiên cứu và xác định khẩu vị rủi ro phù hợp với chiến lược kinh doanh của ngân hàng. Theo đó, các rủi ro trọng yếu về tín dụng, hoạt động, thanh khoản và thị trường được theo dõi thường xuyên và kiểm soát hiệu quả, đảm bảo ngân hàng luôn duy trì mức độ an toàn vốn cần thiết.

Về rủi ro tín dụng, với sự hỗ trợ của McKinsey, VPBank đã hoàn thiện hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín dụng cho các sản phẩm tín dụng và các phân khúc khách hàng; mạnh dạn áp dụng các công cụ quản lý rủi ro tín dụng tiên tiến như công cụ stress test tín dụng, công cụ đo lường rủi ro tín dụng tập trung, theo dõi xu hướng dịch chuyển nợ theo từng phân khúc khách hàng... Các công cụ đo lường và kiểm soát danh mục tín dụng cũng đã được thiết kế. Ngoài ra, hệ thống đánh giá rủi ro các định chế tài chính đã bước đầu đi vào hoạt động. Hệ thống chính sách, quy trình đã được rà soát để hệ thống hóa và điều chỉnh các giai đoạn của vòng đời tín dụng.

Về rủi ro hoạt động, VPBank đã thực hiện các giải pháp dài hạn như ban hành hệ thống chính sách và các công cụ nền tảng, trong đó có hệ thống thu thập sự kiện tổn thất và hệ thống theo dõi chỉ số rủi ro chính. Bên cạnh đó, Ngân hàng đã

triển khai nhiều sáng kiến ngăn chặn và giảm thiểu các hành vi gian lận bên trong và bên ngoài, nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ, cải tiến quy trình và đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin.

VPBank cũng tự hào là một trong các ngân hàng tiên phong áp dụng những công cụ quản lý rủi ro thanh khoản tiên tiến như công cụ phân tích dòng tiền MCO, stress test thanh khoản, kế hoạch dự phòng thanh khoản cho các tình huống khẩn cấp, bộ chỉ số giám sát thanh khoản và các ngưỡng cảnh báo kịp thời... Các công cụ trên đã hỗ trợ tích cực trong việc đưa ra dự báo, ứng xử hiệu quả trong các hoàn cảnh khác nhau và duy trì trạng thái thanh khoản lành mạnh tại Ngân hàng.

Để kiểm soát rủi ro thị trường, chính sách quản lý rủi ro thị trường đã được ban hành tại VPBank năm 2012 với những nguyên tắc cơ bản và hệ thống công cụ PV01, Duration, Gap Analysis, EVE... Việc tập trung hóa chức năng quản lý rủi ro thị trường phục vụ cho Hội đồng Đầu tư, Hội đồng ALCO cũng đã được tiến hành hoàn tất trong năm.

Đặc biệt, hai dự án chiến lược quan trọng là Dự án Thu hồi nợ và Dự án Tiền - Basel 2 đã được khởi động trong năm 2012, chuẩn bị cho việc thành lập một Trung tâm Thu hồi nợ tập trung chuyên nghiệp tại VPBank và lên chương trình hành động nâng cao chất lượng quản lý rủi ro trong năm 2013. Đây là tiền đề để Ngân hàng hướng đến một chiến lược tổng thể hiện thực hóa các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là Hiệp ước vốn Basel 2 và các chuẩn mực thế giới được áp dụng phổ biến hiện nay.

Quản trị Nguồn nhân lực



Năm 2012 đánh dấu những nỗ lực lớn của VPBank trong việc xây dựng và đưa vào vận hành thành công các hệ thống quản trị nhân sự cốt lõi tạo nền tảng bền vững để hỗ trợ phát triển kinh doanh nhằm đạt các tham vọng của ngân hàng trong giai đoạn 2012 - 2017.

Hệ thống Quản lý hiệu quả làm việc (PMS) và Lương thưởng là một trong những sáng kiến Nhân sự trọng tâm, đã được truyền thông và triển khai rộng rãi trong năm 2012. Đây là bước khởi đầu quan trọng nhằm xây dựng và áp dụng các mô hình và hệ thống quản trị nhân sự tiên tiến, phù hợp góp phần dẫn nâng cao lợi thế cạnh tranh về con người của VPBank.

Điểm khác biệt lớn nhất của Hệ thống Quản lý hiệu quả làm việc mới được triển khai không chỉ là việc tạo sự cam kết của mọi cá nhân với tổ chức thông qua việc xây dựng các mục tiêu chuẩn (KPI/Balance Scorecard), có liên đới chặt chẽ với các mục tiêu chiến lược của các đơn vị và của toàn ngân hàng, mà còn cho phép đánh giá hiệu quả làm việc đến từng cá nhân trong các chu kỳ hoạt động (giữa năm và cuối năm) một cách công bằng, có so sánh tương quan giữa các cấp bậc và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ phân bổ xếp loại hiệu quả làm việc theo chuẩn "hình chuông" của toàn Ngân hàng.

Hệ thống Lương thưởng mới tiếp cận theo hướng đưa ra các giải pháp cạnh tranh tổng thể về các chế độ đãi ngộ: bằng tiền mặt (Lương trả cho vị trí công việc, thưởng thành tích kinh doanh, các loại trợ cấp theo tính chất công việc, yếu tố vùng miền...) hay bằng các chương trình phúc lợi ngắn và dài hạn, cho cán bộ nhân viên và cho gia đình. Việc triển khai Bảo hiểm Y tế "Aon Care" đã được cán bộ nhân viên Ngân hàng đánh giá cao và hưởng ứng rất tốt.

Năm 2012 cũng là năm VPBank đạt được những thành tích đáng ghi nhận trong việc thu hút nhân tài từ các nguồn khác nhau để phát triển tổ chức đến một qui mô lớn với hơn 4.000 CBNV - tăng trưởng hơn 30% như ngày hôm nay. Mấu chốt của thành công này là việc tập trung hoàn thiện quy trình tuyển dụng và nâng cao chất lượng kênh tuyển dụng cũng như kỹ năng phỏng vấn nhằm sàng lọc để có được các ứng viên phù hợp nhất cho các vị trí từ lãnh đạo, quản lý đến các vị trí chuyên viên, nhân viên trên toàn hệ thống, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển nguồn lực phục vụ chiến lược kinh doanh.

Bên cạnh trọng tâm xây dựng các hệ thống nền tảng, lãnh đạo VPBank còn có chiến lược rất rõ ràng cho việc xây dựng VPBank trở thành ngôi nhà thứ hai của cán bộ nhân viên. Năm 2012 dưới sự bảo trợ của Chủ tịch HĐQT, VPBank đã triển khai bộ 6 giá trị cốt lõi trong toàn tổ chức: **1) Khách hàng là trọng tâm; 2) Hiệu quả; 3) Tham vọng; 4) Phát triển con người; 5) Tin cậy; 6) Tạo sự khác biệt.** Các chương trình truyền thông, các cuộc thi tìm hiểu về giá trị cốt lõi, cùng các hoạt động vì cộng đồng đã được khuyến khích và đẩy mạnh, góp phần kết nối các thành viên của gia đình VPBank nhằm xây dựng một môi trường làm việc lý tưởng, chuyên nghiệp, có định hướng nghề nghiệp rõ ràng tạo ra sự hấp dẫn và khác biệt của VPBank so với các đối thủ khác.

Hệ thống Công nghệ Thông tin



Công nghệ thông tin (CNTT) là yếu tố cốt lõi và là thành phần không thể thiếu của 1 trong 3 gọng kim chiến lược tạo lập nền tảng phát triển bền vững cho VPBank. Luôn đón đầu ứng dụng CNTT, VPBank đã nghiên cứu và áp dụng linh hoạt các công nghệ có xu hướng phát triển bền vững trong tương lai. Theo đó, các tiêu chuẩn quản trị quốc tế như ITIL hay công nghệ lớp giữa Middleware - nền tảng cho các công nghệ kiến trúc hướng dịch vụ SOA (Service Oriented Architecture) đều đã được triển khai tại VPBank từ rất sớm. Những nghiên cứu và đánh giá độc lập gần đây đã cho thấy việc sử dụng các công nghệ hiện tại của VPBank là hướng đi đúng đắn, theo sát xu thế phát triển CNTT tiên tiến.

Từ nhiều năm nay, VPBank đã có định hướng kiến trúc tổng thể về CNTT phục vụ hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh. Năm 2012, VPBank tiếp tục thực hiện lộ trình củng cố nền tảng hệ thống CNTT, đồng thời duy trì các biện pháp đảm bảo an toàn hệ thống. Những nét nổi bật trong hoạt động CNTT của VPBank trong năm vừa qua là:

- Về chiến lược, VPBank đã triển khai xây dựng chiến lược CNTT giai đoạn 2013 - 2017 với sự tư vấn của công ty tư vấn toàn cầu PricewaterhouseCoopers (PwC), thể hiện tham vọng và cam kết của VPBank trong việc hiện thực hóa chiến lược kinh doanh của mình.

- Về vận hành, việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ CNTT và vận hành toàn hệ thống CNTT đã diễn ra hiệu quả trên phạm vi toàn hệ thống VPBank, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh của Ngân hàng.

- Về an toàn hệ thống, VPBank đã chú trọng đảm bảo các hệ thống CNTT được sẵn sàng và an toàn.

Một số các dự án CNTT tiêu biểu đã được VPBank thực hiện trong năm 2012 là:

- Dự án triển khai hệ thống LOS phục vụ phê duyệt tín dụng tập trung trên toàn quốc.

- Dự án triển khai áp dụng tiêu chuẩn bảo mật dữ liệu thẻ của Hiệp hội Thẻ Thế giới (PCI DSS - Payment Card Industry Data Security Standard) nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn quốc tế về an ninh dữ liệu thẻ.

- Dự án xây dựng chiến lược CNTT (IT Master Plan) nhằm đưa ra lộ trình hoạt động CNTT trong những năm tới.

- Các dự án nâng cấp hoặc phát triển mới để phục vụ tốt hơn các hoạt động nghiệp vụ và hoạt động kinh doanh như nâng cấp hệ thống corebanking lên phiên bản mới, phát triển hệ thống báo cáo cho lãnh đạo...

- Các dự án kết nối với các đối tác bên ngoài để mở rộng cơ hội và tăng cường hợp tác kinh doanh như kết nối thanh toán song phương với các ngân hàng bạn, mở rộng kết nối tới các dịch vụ thanh toán qua thẻ và internet banking...

- Các dự án khác nhằm củng cố cơ sở hạ tầng, nâng cao hiệu quả làm việc cho cán bộ nhân viên như nâng cấp hệ thống kênh truyền, nâng cấp hệ thống lưu trữ...

Công ty TNHH Quản lý Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng



Được thành lập vào năm 2006, Công ty TNHH Quản lý Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank AMC) đã dần xác lập và khẳng định được vị thế là một đơn vị thành viên hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản của VPBank, đồng thời cung cấp các dịch vụ gia tăng cho ngân hàng.

Năm 2012 chứng kiến sự thay đổi toàn diện của VPBank AMC cả về mô hình quản lý và quy mô hoạt động để phù hợp với chiến lược phát triển của VPBank giai đoạn 2012 - 2017. Từ 30 nhân sự vào cuối năm 2011, tính đến tháng 12/2012 quy mô nhân sự của công ty đã lên đến trên 120 người, làm việc tại trụ sở chính tại Hà Nội và Văn phòng đại diện đặt tại thành phố Hồ Chí Minh. Cơ cấu tổ chức vận hành của công ty đã được sắp xếp lại theo hướng chuyên môn hóa cao trong từng mảng hoạt động. Từ chỗ chỉ thực hiện 2 lĩnh vực nghiệp vụ vào cuối năm 2011, VPBank AMC mở rộng phạm vi hoạt động lên tới gần 10 mảng hoạt động khác nhau. Cơ chế phân quyền quản lý, báo cáo, chỉ đạo điều hành đã được xây dựng và áp dụng hợp lý theo các thông lệ tiên tiến nhất đang áp dụng trên thị trường hiện nay.

Các lĩnh vực hoạt động chính của VPBank AMC là:

- **Mua bán nợ:** Mua bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.
- **Xử lý nợ:** Thực hiện tiếp nhận và xử lý các khoản nợ quá hạn, xử lý các tài sản bảo đảm liên quan đến các khoản nợ quá hạn mà VPBank đã ủy thác cho VPBank AMC xử lý nhằm thu hồi vốn nhanh nhất cho ngân hàng.

- **Quản lý và khai thác tài sản:** Quản lý và khai thác hiệu quả kinh tế của các tài sản thuộc sở hữu của VPBank.

- **Quản lý kho hàng, tài sản bảo đảm:** Cung cấp dịch vụ bảo vệ, trông giữ các kho hàng được dùng làm tài sản bảo đảm cho các khoản cấp tín dụng tại VPBank.

- **Định giá tài sản:** Định giá các tài sản bảo đảm trong hệ thống VPBank.

Ngoài ra, trong năm 2012, công ty cũng đã đảm nhiệm toàn bộ mảng thiết kế, quản lý, giám sát thi công các công trình sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc của các chi nhánh trên toàn hệ thống VPBank. Bộ phận Xây dựng cơ bản của công ty cũng đã đóng góp phần lớn vào sự thành công của các dự án: giai đoạn 1 dự án thiết kế chuẩn chi nhánh (Branch Guideline), dự án cải tạo trụ sở làm việc mới của VPBank tại 72 Trần Hưng Đạo. Các công trình trụ sở làm việc luôn được công ty thực hiện đảm bảo đúng tiến độ cũng như đảm bảo chất lượng kỹ, mỹ thuật cao.

Phương châm hoạt động của công ty là luôn hướng đến sự **“Chuyên nghiệp, Tin cậy, Dịch vụ hoàn hảo”**, đồng thời theo sát chiến lược phát triển cũng như 6 giá trị cốt lõi của VPBank.

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản đã đạt được trong năm 2012:

- Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh: **138,24** tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: **43,4** tỷ đồng.
- Tổng tài sản: **2.997** tỷ đồng.
- Tổng số cán bộ nhân viên toàn công ty: **127** người.

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng



Được thành lập vào năm 2006 với vốn điều lệ 50 tỷ đồng, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS) đã trở thành một trong những công ty chứng khoán có vốn chủ sở hữu lớn nhất thị trường sau khi tăng vốn lên 800 tỷ đồng vào năm 2012. Các lĩnh vực hoạt động chủ chốt của công ty bao gồm: Môi giới Chứng khoán, Giao dịch Chứng khoán, Dịch vụ Tài chính, Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp và Trung tâm Phân tích. Cùng với sự hỗ trợ của Ngân hàng mẹ VPBank, VPBS đặt mục tiêu trở thành một trong các công ty chứng khoán hàng đầu vào năm 2015, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ, tiện ích vượt trội và khác biệt. Với đội ngũ nhân sự 168 người, công ty hiện có văn phòng tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng với mạng lưới giao dịch và cơ sở khách hàng ngày càng mở rộng.

Những hoạt động nổi bật của VPBS trong năm 2012

- **Hoạt động môi giới:** VPBS luôn nằm trong TOP các công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất trên cả 2 sàn niêm yết (HNX và HSX) trong năm 2012. Cũng trong năm 2012, Công ty chính thức đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch hiện đại và đồng bộ Home-trading để phục vụ khách hàng.

- **Hoạt động tư vấn:** Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tư vấn mua bán trái phiếu Chính phủ và thu xếp vốn cho các doanh nghiệp lớn, tiêu biểu như tư vấn thành công giao dịch phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 3 năm cho Tổng Công ty Thép Việt Nam.

- **Hoạt động dịch vụ tài chính:** Ngày càng được mở rộng đi kèm với quy trình quản trị rủi ro tự động và chặt chẽ.

- Tính đến hết 31/12/2012, doanh thu của VPBS đạt 529 tỷ; lợi nhuận trước thuế đạt hơn 76,4 tỷ đồng; tổng tài sản vượt

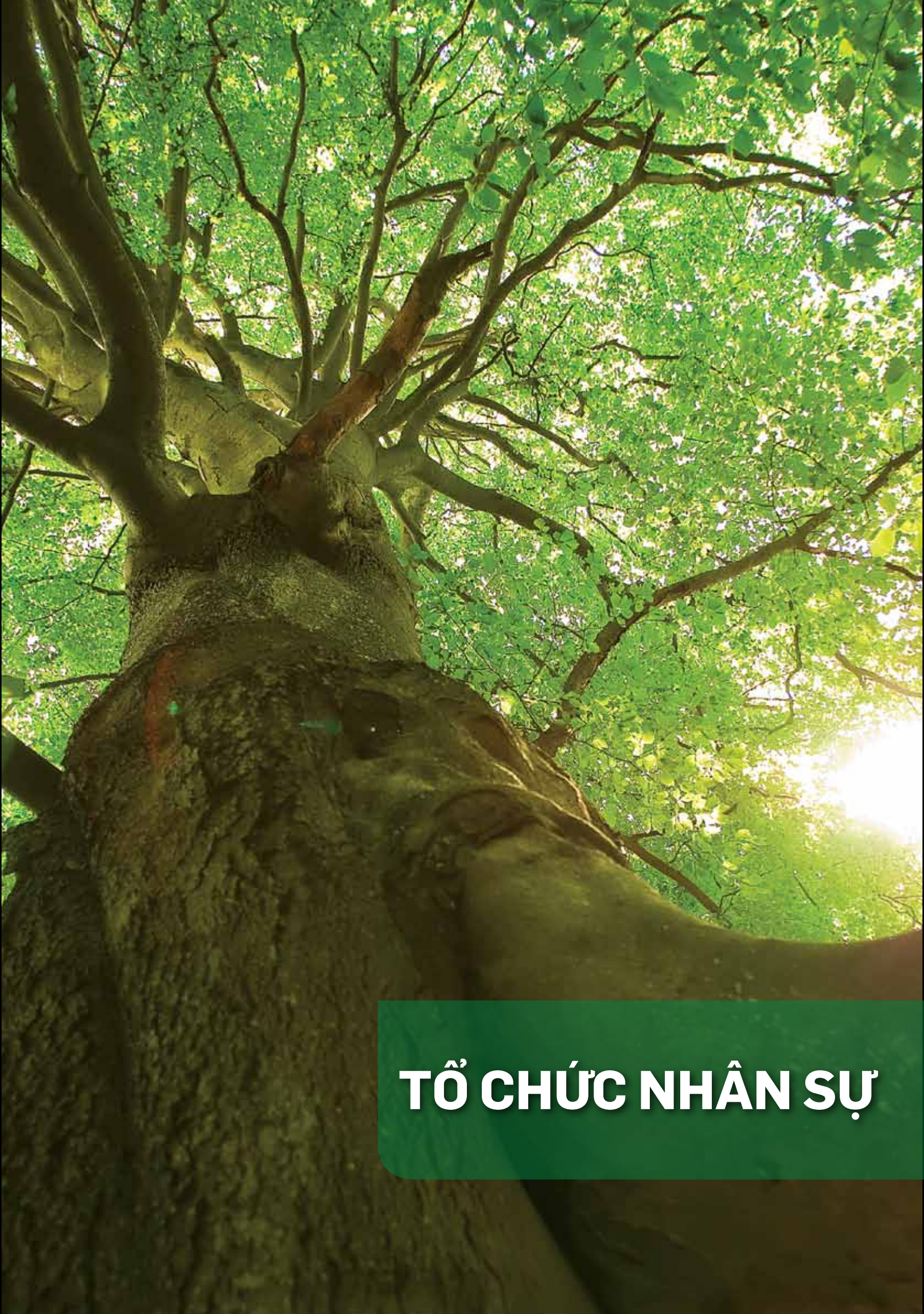
mức 2.575 tỷ đồng. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 6,97%. Tỷ lệ an toàn tài chính của công ty ở mức 311,2%, vượt mức yêu cầu tối thiểu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Kế hoạch năm 2013

- **Lợi nhuận trước thuế: 175 tỷ đồng.**

- **Nguyên tắc kinh doanh:** Dựa trên cơ sở bảo toàn vốn, giảm thiểu rủi ro, đồng thời đảm bảo tính linh hoạt trong kinh doanh khi điều kiện thị trường trở nên thuận lợi hơn.

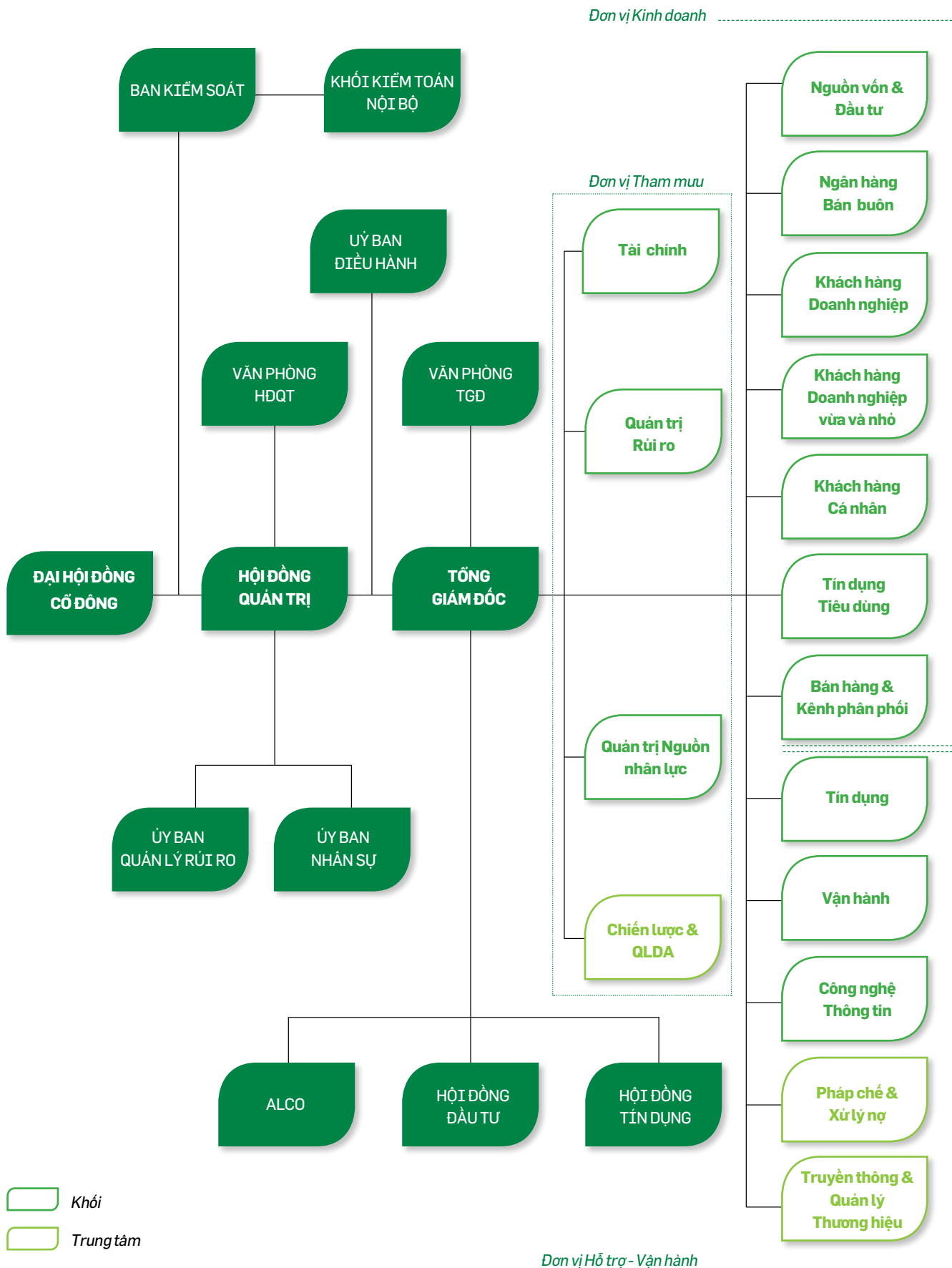
- **Chiến lược cạnh tranh:** Tập trung vào chiến lược "Vượt trội và khác biệt hóa sản phẩm, dịch vụ" nhằm duy trì và phát huy vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp trong ngành, đồng thời kết hợp với chiến lược "giảm thiểu chi phí" nhằm phát huy các nguồn lực của công ty theo hướng đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ



Sơ đồ tổ chức VPBank



Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát



1



2



3



4



5

1. Ông NGÔ CHÍ DŨNG

Chủ tịch HĐQT

Tốt nghiệp Đại học Thăm dò địa chất Matxcova năm 1992, năm 2002 ông Ngô Chí Dũng bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ Kinh tế của Viện Nghiên cứu Chiến lược Chính trị Kinh tế thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Nga. Từ năm 1996 đến 2004, ông là cố đồng sáng lập và được bầu làm thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc Tế (VIB). Từ năm 2005 đến 2010, ông Ngô Chí Dũng giữ cương vị Chủ tịch HĐQT của tập đoàn KBG (Liên bang Nga), Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank). Ông tham gia HĐQT VPBank từ tháng 4/2010 và được bầu làm Chủ tịch HĐQT VPBank cho đến nay. Bên cạnh đó, ông còn là Chủ tịch Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Tín dụng cấp cao, Phó Chủ tịch Ủy ban Quản trị Rủi ro và là thành viên biểu quyết của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank.

2. Ông BÙI HẢI QUÂN

Phó Chủ tịch HĐQT

Sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Kiev (Ucraina) chuyên ngành Kinh tế, ông Bùi Hải Quân là thực tập sinh, cộng tác viên khoa học của trường từ năm 1991 đến năm 1993. Ông hiện nay là Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải, thành viên HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Việt Hải. Từ tháng 4/2006 đến tháng 12/2008, ông tham gia HĐQT VPBank và được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 12/2008. Ngoài ra, hiện nay ông cũng là thành viên của Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank, Phó Chủ tịch Hội đồng Tín dụng cấp cao, Chủ tịch Ủy ban Quản trị Rủi ro, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty Chứng khoán VPBank.

3. Ông LÔ BẰNG GIANG

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Lô Bằng Giang tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế của trường Đại học Tổng hợp Hàng không Quốc gia Kiev (Ucraina) năm 2002. Sau đó, ông hoàn thành học vị Cử nhân Tài chính Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế, Thống kê và Thông tin Moscow (MESI) (Liên bang Nga) vào năm 2010. Ông Lô Bằng Giang đã từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng BKS của Ngân hàng Delta Bank (Ucraina) và tham gia làm thành viên HĐQT Công ty CP Thủy sản Hùng Vương từ năm 2008 đến nay. Ông Lô Bằng Giang là Phó Chủ tịch HĐQT VPBank từ tháng 3/2010 đến nay. Bên cạnh đó, ông Giang cũng tham gia Ủy ban Nhân sự, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank, Ủy Ban Quản lý Rủi ro, Hội đồng Thành viên Công ty Chứng khoán VPBank và là Phó Chủ tịch Hội đồng Tín dụng cấp cao của VPBank.

4. Ông PHÙNG KHẮC KẾ

Thành viên HĐQT độc lập

Sau khi tốt nghiệp Đại học Kinh tế Kế hoạch Hà Nội và được giữ lại trường làm giảng viên trong 2 năm, ông Phùng Khắc Kế về công tác tại Ngân hàng Nhà nước từ tháng 9/1971. Từ năm 1983 đến 1987, ông là Nghiên cứu sinh về Lưu thông tiền tệ và Tín dụng tại trường Đại học Kinh tế - Tài chính Lênin Grad (Liên Xô cũ). Từ tháng 6/1979, ông Phùng Khắc Kế từng trải qua các vị trí lãnh đạo tại Ngân hàng Nhà nước như Phó Trưởng phòng Vụ Phát hành - Kho quỹ và Vụ Kinh tế - Kế hoạch, Phó Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng. Từ tháng 2/1998 đến tháng 4/2002, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng Công Thương Việt Nam. Từ tháng 5/2002 đến tháng 4/2008, ông Phùng Khắc Kế giữ cương vị Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Từ tháng 4/2011, ông là thành



viên độc lập HĐQT VPBank, và tham gia Ủy ban Quản lý Rủi ro VPBank ngay từ khi Ủy ban này được thành lập.

5. Ông LƯƠNG PHAN SƠN

Thành viên HĐQT

Ông Lương Phan Sơn tốt nghiệp cử nhân Cơ khí của trường Đại học Bách Khoa Lvov (Liên Xô cũ). Từ năm 1988 đến năm 1993, ông công tác tại công ty Bechka tại thành phố Lvov. Sau đó, ông về Việt Nam và đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc của công ty Tân Hoàng Minh từ năm 1994 đến năm 1997. Từ năm 1998 đến nay, ông là Phó Giám đốc kiêm Trưởng đại diện của Công ty INVESTLINK tại Liên bang Nga. Ông Lương Phan Sơn là thành viên HĐQT của VPBank từ tháng 4/2012 đến tháng 10/2012. Ông đã không còn đảm nhiệm chức danh này do không là người đại diện phần vốn góp tại VPBank của cổ đông là tổ chức của VPBank.

6. Bà NGUYỄN QUỲNH ANH

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Quỳnh Anh tốt nghiệp Đại học Sư phạm Tổng hợp Lê-nin, Matxcova năm 1994 với hai chuyên ngành tiếng Nga và Văn học. Bà là Thạc sỹ Khoa học Giáo dục và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Trường Quản lý Cao cấp Liên bang Nga. Bà từng là Phó Tổng Biên tập Báo "Nhân Hòa" - tờ báo của Ủy ban Báo chí Nga - từ năm 1995 đến 2003. Sau đó, bà đảm nhiệm vị trí Kế toán, Trưởng phòng Cung ứng vật tư, Giám đốc Tài chính của Tập đoàn BeePack (Liên bang Nga) từ năm 2003 đến 2008. Bà giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Liên Minh từ năm 2009 đến tháng 2/2010, là thành viên BKS Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) từ năm 2008 đến tháng 3/2010 và Công ty Chứng khoán Euro Capital từ năm 2009 đến tháng 6/2010. Bà được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát của VPBank từ tháng 3/2010 đến nay, đồng thời cũng là thành viên chuyên trách của Ngân hàng. Tại Công ty Chứng khoán VPBank, bà là Trưởng Ban Kiểm soát từ tháng 9/2011.

7. Bà TRỊNH THỊ THANH HẰNG

Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân Công nghệ Thông tin trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội và Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân, bà Trịnh Thị Thanh Hằng từng giảng dạy tại trường THPT Hồng Bàng - Hà Nội từ năm 1998 đến 1999. Sau đó, bà công tác tại Ngân hàng TMCP Quân Đội. Bà giữ chức vụ Chuyên viên Công nghệ Thông tin từ năm 1999 đến 2008 và Chuyên viên Tài chính từ năm 2008 đến tháng 3/2010. Bà được bầu làm Thành viên chuyên trách BKS từ tháng 3/2010 đến nay và cũng được phân công làm Kiểm soát viên của Công ty TNHH Quản lý Tài sản AMC từ tháng 11/2010.

8. Bà NGUYỄN THỊ MAI TRINH

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mai Trinh tốt nghiệp Cử nhân khoa Kinh tế trường Đại học Tổng hợp Địa chất Matxcova, Cử nhân Luật Sở hữu Trí tuệ trường Đại học Luật Sở hữu Trí tuệ Liên bang Nga và là Tiến sỹ Khoa học Kinh tế của Học viện Thăm dò Địa chất Quốc gia Matxcova (Liên bang Nga). Bà từng trải qua nhiều vị trí công tác ở Matxcova như Kế toán tại Công ty Doninanta Service từ năm 1995 đến tháng 9/1998 và tại Công ty King Lion từ tháng 10/1998 đến tháng 12/2002, Giám đốc Tài chính Công ty Beepack từ tháng 8/2004 đến tháng 10/2008, chuyên viên kế toán tài chính tại Matxcova của Công ty Interlogo Business Corp - BVI, chuyên về đầu tư tài chính quốc tế - từ tháng 8/2005 đến tháng 12/2011. Bà giữ chức vụ Giám đốc Tài chính Tập đoàn KBG từ tháng 10/2008 đến tháng 12/2011. Từ tháng 3/2012, bà Nguyễn Thị Mai Trinh là thành viên BKS tại VPBank.

Thành viên Ban Điều hành



1



2



3



4

1. Ông NGUYỄN ĐỨC VINH

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Vinh tốt nghiệp Cao học Quản trị Kinh doanh tại Pháp, Hoa Kỳ và có bằng Thạc sĩ của Đại học Quản trị Kinh doanh HEC (Pháp). Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Hãng Hàng không Quốc gia Vietnam Airlines trước khi tham gia HĐQT và Ban Điều hành Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) với các vị trí như: Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT. Từ tháng 7/2012 đến nay, ông Nguyễn Đức Vinh được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc VPBank.

2. Ông NGUYỄN THANH BÌNH

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tín dụng

Ông Nguyễn Thanh Bình tham gia công tác trong Quân đội Việt Nam từ năm 1985 đến 1988 trước khi lấy bằng Cử nhân Tài chính - Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và hoàn thành khóa đào tạo sau đại học về Chính sách công thuộc chương trình Fulbright Việt Nam. Gia nhập VPBank từ năm 1994, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo tại Phòng Tín dụng Hội sở, Phòng Nghiên cứu và phát triển, Phòng Tổng hợp và Quản lý Chi nhánh... trước khi được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc VPBank năm 2002. Hiện nay, ông Nguyễn Thanh Bình là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng của VPBank.

3. Bà DƯƠNG THỊ THU THỦY

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối

Bà Dương Thị Thu Thủy tốt nghiệp Cử nhân trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng, Cử nhân Tài chính Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Cử nhân tiếng Anh trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội. Từ năm 2002, bà gia nhập VPBank và trải qua nhiều cương vị lãnh đạo như: Trưởng phòng Phục vụ Khách hàng Doanh nghiệp Hội sở, Giám đốc VPBank Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc VPBank kiêm Giám đốc Sở Giao dịch. Bà giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc VPBank kiêm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối từ tháng 6/2012 đến nay.

4. Ông PHAN NGỌC HÒA

Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Tài chính trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh năm 1994, ông Phan Ngọc Hòa gia nhập VPBank. Ông từng đảm nhiệm các cương vị quản lý cấp cao tại VPBank Chi nhánh Hồ Chí Minh và VPBank Chi nhánh Sài Gòn trước khi được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc VPBank vào năm 2010. Hiện nay, ông Phan Ngọc Hòa là Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối.



5



6



7



8

5. Bà DƯƠNG THỊ THỦY

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin

Bà Dương Thị Thủy tốt nghiệp Cử nhân Khoa học chuyên ngành Vật lý của trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Cử nhân Công nghệ Điện tử Viễn thông của trường Đại học Quốc gia Hà Nội và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Đại học Columbia Southern (Hoa Kỳ). Chính thức gia nhập VPBank từ năm 1996, bà Thủy từng là Giám đốc Trung tâm Tin học VPBank trước khi trở thành Phó Tổng Giám đốc VPBank kiêm Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin từ tháng 2/2008.

6. Bà NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân Kế toán trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 1994, bà Nguyễn Thị Bích Thủy đã hoàn tất khóa học Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại trường Đại học Paris Dauphine & ESCP (Pháp). Bà từng là Phó phòng Nguồn vốn tổng hợp Ngân hàng Châu Á Thái Bình Dương và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Habubank. Từ tháng 6/2010 đến nay, bà Nguyễn Thị Bích Thủy được bổ nhiệm là Phó Tổng Giám đốc VPBank kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Đầu tư.

7. Ông VŨ MINH TRƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Đại học West Berlin (Đức), ông Vũ Minh Trường từng là Trưởng phòng Ngân hàng Doanh nghiệp tại Ngân hàng HSBC, Giám đốc Kinh doanh Tiền tệ, Ngoại hối, Thị trường toàn cầu Việt Nam tại Ngân hàng Standard Chartered Bank Việt Nam, Giám đốc Thị trường toàn cầu Việt Nam và Giám đốc Thể chế khu vực Greater Mekong Ngân hàng ANZ Việt Nam. Từ tháng 7/2011 đến nay, ông Vũ Minh Trường giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc VPBank kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn.

8. Bà LƯU THỊ THẢO

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tài chính

Bà Lưu Thị Thảo tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán Học viện Ngân hàng và là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc (The ACCA UK) từ năm 2002. Bà từng làm việc tại Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam, Công ty TNHH KPMG Việt Nam trước khi đảm nhiệm các vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ và Tuần thủ chi nhánh ngân hàng ABN AMRO Việt Nam, Giám đốc Tài chính Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam. Bà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính của VPBank từ tháng 8/2011.

Thành viên Ban Điều hành



9



10



11



12

9. Ông KALIDAS GHOSE

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Tín dụng Tiêu dùng, Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân

Ông Kalidas Ghose tốt nghiệp Đại học Jadavpur (Ấn Độ) và có chứng chỉ sau đại học ngành Quản trị Kinh doanh, trường Kinh doanh và Nguồn Nhân lực XLRI (Ấn Độ). Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Tổng Giám đốc CitiFinancial Ấn Độ, Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc CitiFinancial Corp (Philippines), Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Prudential Việt Nam, Tổng Giám đốc phụ trách Ngân hàng Bán lẻ và Quản lý Đầu tư Cá nhân khu vực Mekong ANZ Việt Nam. Ông gia nhập VPBank từ tháng 3/2011 và hiện đang giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng Tiêu dùng và Khối Khách hàng Cá nhân của VPBank.

10. Bà LUU THỊ ÁNH XUÂN

Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp

Bà Luu Thị Ánh Xuân tốt nghiệp Thạc sĩ tại Đại học Henley Management College (Anh). Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở các cương vị lãnh đạo cấp cao như Phó Chủ tịch, Giám đốc Tài trợ Thương mại tại Ngân hàng Deutsche Bank Chi nhánh Hồ Chí Minh, Giám đốc Quan hệ Khách hàng tại Ngân hàng ABN ARMO Chi nhánh Hà Nội, Phó Giám đốc Công ty Smartlinks, Phó Chủ tịch và Giám đốc Tài trợ Thương mại toàn quốc Ngân hàng Citibank, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Techcombank. Bà gia nhập VPBank từ tháng 8/2012 và hiện đang giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp (CMB).

11. Ông MAREK HOVORKA

Phó Tổng Giám đốc

Ông Marek Hovorka tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế tại Đại học Kinh tế (CH. Séc), Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Clemson (Hoa Kỳ) và có chứng chỉ Nghiên cứu Kinh doanh của Đại học Bradford (Anh). Ông từng là Quản lý cấp cao Tập đoàn Tư vấn Boston tại Séc, Ba Lan và Đức, Phó Chủ tịch phụ trách Ngân hàng bán lẻ của Ngân hàng Quốc tế Raiffeisen-AG (Áo), Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Phát triển kinh doanh của Ngân hàng Delta (Ucraina). Từ tháng 11/2010 đến nay, ông là Phó Tổng Giám đốc VPBank.

12. Ông PETERJAN VAN NIEUWENHUIZEN

Giám đốc Khối Vận hành

Ông Peterjan Van Nieuwenhuizen tốt nghiệp Thạc sĩ Công nghệ thông tin tại Đại học Twente (Hà Lan) và có bằng nghiên cứu cao cấp về Toán học tại Đại học Cambridge (Anh). Ông đã có rất nhiều năm công tác tại Công ty tư vấn McKinsey ở các vị trí lãnh đạo cấp cao như Giám đốc Tài chính, Giám đốc Điều hành, Giám đốc và Quản lý dự án... ở nhiều quốc gia như Anh, Canada, Singapore, Indonesia, Nam Phi. Ông gia nhập VPBank và được bổ nhiệm làm Giám đốc khối Vận hành từ tháng 10/2012.



13



14



15



16



17

13. Bà NGUYỄN THỊ BÍCH HUYỀN

Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

Bà Nguyễn Thị Bích Huyền tốt nghiệp Cử nhân Hóa học hữu cơ tại Đại học Công nghệ (CH. Séc) và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Học viện Công nghệ Châu Á (Thái Lan) năm 1995. Bà từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc nhân sự tại các công ty đa quốc gia lớn. Trước khi gia nhập VPBank, bà làm việc tại công ty Bảo hiểm HSBC Việt Nam với vai trò Chuyên gia tư vấn nhân sự. Bà giữ chức danh Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực của VPBank từ tháng 1/2012 đến nay.

14. Ông ĐÀO GIA HUNG

Quyền Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Ông Đào Gia Hưng tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế phát triển tại Viện Khoa học xã hội Hà Lan thuộc Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và từng giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao tại các ngân hàng Techcombank, VIB như Phó Giám đốc Khối Tín dụng, Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro, Giám đốc Trung tâm Quản lý tín dụng cá nhân, Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp và Quản trị rủi ro... Ông gia nhập VPBank và được bổ nhiệm làm Quyền Giám đốc Khối Quản trị rủi ro từ tháng 6/2012.

15. Ông HOÀNG ANH TUẤN

Giám đốc Trung tâm Pháp chế và Xử lý nợ

Ông Hoàng Anh Tuấn tốt nghiệp Cử nhân tại Đại học Luật Hà Nội, Thạc sĩ Luật học tại Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2007 và là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Hà Nội. Ông đã công tác tại Công ty Luật AIC, Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB) trước khi gia nhập VPBank vào tháng 4/2007 ở vị trí Phó phòng Pháp chế Hội sở. Hiện nay, ông Hoàng Anh Tuấn giữ chức danh Giám đốc Trung tâm Pháp chế và Xử lý nợ.

16. Ông LÊ HOÀNG LÂN

Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Quản lý Dự án

Ông Lê Hoàng Lân tốt nghiệp Học viện Ngân hàng năm 1994. Ông có gần 10 năm làm việc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý chương trình, dự án ODA, hợp tác quốc tế. Trong thời gian làm việc tại Ngân hàng Nhà nước ông đã tốt nghiệp Thạc sĩ Chính sách Công tại Học viện Nghiên cứu Chính sách Công Nhật Bản (GRIPS). Từ năm 2004, ông là chuyên gia tư vấn cho Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) trong lĩnh vực đào tạo chính sách công. Ông gia nhập VPBank từ tháng 11/2010 và hiện giữ chức danh Giám đốc Trung tâm Chiến lược và Quản lý Dự án.

17. Bà NGUYỄN THỊ HỒNG LAN

Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Quản lý Thương hiệu

Tốt nghiệp Thạc sĩ Ngân hàng - Tài chính của Đại học ESCP-EAP (Pháp), Thạc sĩ Nghiên cứu Thị trường và Chiến lược Marketing của Đại học Nantes (Pháp), hiện đang làm nghiên cứu sinh chuyên ngành Thương hiệu tại Đại học Thương mại, bà Nguyễn Thị Hồng Lan có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, truyền thông và quản lý thương hiệu. Bà từng đảm nhiệm các vị trí: Trợ lý Tổng thư ký Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, Chuyên viên cao cấp Ngân hàng Mizuho (Nhật Bản) chi nhánh Hà Nội, Giám đốc Truyền thông và Quản lý Thương hiệu Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB), Giám đốc Marketing, Truyền thông và Thương hiệu Tập đoàn Bất động sản CEO Group. Từ tháng 3/2012 đến nay, bà là Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Quản lý Thương hiệu tại VPBank.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số	0042/NH - GP ngày 12 tháng 8 năm 1993	Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp.
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	0100233583 ngày 8 tháng 9 năm 1993	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp, trong đó bản mới nhất được cấp ngày 14 tháng 1 năm 2013.
Hội đồng Quản trị	<p>Ông Ngô Chí Dũng</p> <p>Ông Bùi Hải Quân</p> <p>Ông Lô Bằng Giang</p> <p>Ông Trần Trọng Kiên</p> <p>Ông Phùng Khắc Kế</p> <p>Ông Lương Phan Sơn</p>	<p>Chủ tịch</p> <p>Phó Chủ tịch</p> <p>Phó Chủ tịch</p> <p>Thành viên độc lập <i>(thời giữ chức từ ngày 24/4/2012)</i></p> <p>Thành viên độc lập</p> <p>Thành viên <i>(được bổ nhiệm ngày 24/4/2012 và đương nhiên mất tư cách ngày 22/10/2012)</i></p>
Ban Điều hành	<p>Ông Nguyễn Đức Vinh</p> <p>Ông Nguyễn Hưng</p> <p>Ông Nguyễn Thanh Bình</p> <p>Ông Phan Ngọc Hòa</p> <p>Bà Dương Thị Thúy</p> <p>Bà Dương Thị Thu Thủy</p> <p>Bà Nguyễn Thị Bích Thủy</p> <p>Bà Lưu Thị Thảo</p> <p>Ông Vũ Minh Trường</p> <p>Ông Marek Hovorka</p> <p>Ông Kalidas Ghose</p> <p>Bà Lưu Thị Ánh Xuân</p>	<p>Tổng Giám đốc <i>(được bổ nhiệm ngày 4/7/2012)</i></p> <p>Tổng Giám đốc <i>(thời giữ chức từ ngày 4/7/2012)</i></p> <p>Phó Tổng Giám đốc</p> <p>Phó Tổng Giám đốc</p> <p>Phó Tổng Giám đốc</p> <p>Phó Tổng Giám đốc</p> <p>Phó Tổng Giám đốc</p> <p>Phó Tổng Giám đốc</p> <p>Phó Tổng Giám đốc</p> <p>Phó Tổng Giám đốc <i>(được bổ nhiệm ngày 25/6/2012)</i></p> <p>Phó Tổng Giám đốc <i>(được bổ nhiệm ngày 1/8/2012)</i></p>
Kế toán Trưởng	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán Trưởng <i>(được bổ nhiệm ngày 28/12/2012)</i>
Người đại diện theo pháp luật	Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở đăng ký	Tầng 1 đến tầng 7, tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vương trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của VPBank cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Trách nhiệm của Ban Quản lý đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của VPBank cho các năm tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho VPBank có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất một cách phù hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng VPBank sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lập để phản ánh tình hình tài chính của VPBank, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của VPBank và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Công bố của Ban Điều hành

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của VPBank vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Điều hành



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2013



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "VPBank") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2013 ("báo cáo tài chính hợp nhất"). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết trình trong báo cáo tài chính hợp nhất. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành Ngân hàng, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của VPBank tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 0111043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-02-108/2



Trần Đình Vinh

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.1572/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2013

Bảng cân đối Kế toán hợp nhất
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt và vàng	4	799.402	1.020.923
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	5	1.372.667	522.364
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	26.760.927	22.961.234
1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		17.317.365	22.560.512
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		9.498.221	400.722
3 Dự phòng cho vay các tổ chức tín dụng khác		(54.659)	-
IV Chứng khoán kinh doanh	7	1.345.840	1.908.205
1 Chứng khoán kinh doanh		1.366.615	1.925.630
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(20.775)	(17.425)
V Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	57.471	-
VI Cho vay khách hàng		36.523.123	28.869.470
1 Cho vay khách hàng	9	36.903.305	29.183.643
2 Dự phòng rủi ro các khoản cho vay khách hàng	10	(380.182)	(314.173)
VII Chứng khoán đầu tư	11	22.254.016	19.018.216
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		22.263.016	19.018.216
3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(9.000)	-
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	67.338	122.812
4 Đầu tư dài hạn khác		67.811	123.285
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(473)	(473)
IX Tài sản cố định		458.197	370.704
1 Tài sản cố định hữu hình	13	251.800	214.769
a Nguyên giá		529.352	436.934
b Giá trị hao mòn lũy kế		(277.552)	(222.165)
2 Tài sản cố định vô hình	14	176.840	155.935
a Nguyên giá		249.222	208.589
b Giá trị hao mòn lũy kế		(72.382)	(52.654)
3 Bất động sản đầu tư	15	29.557	-
a Nguyên giá		29.916	-
b Giá trị hao mòn lũy kế		(359)	-
XI Tài sản có khác		12.937.294	8.024.019
1 Các khoản phải thu	16(a)	10.130.725	5.844.602
2 Các khoản lãi, phí phải thu	16(b)	2.454.983	1.839.688
3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		5.634	39
4 Tài sản có khác	16(c)	438.350	351.938
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác	16(d)	(92.398)	(12.248)
Tổng tài sản		102.576.275	82.817.947

Bảng cân đối Kế toán hợp nhất (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
	Nợ phải trả		
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	17	1.371.572
II	Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	18	25.655.717
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		15.542.886
2	Tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác		10.112.831
III	Tiền gửi của khách hàng	19	59.514.141
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và nợ tài chính khác	8	-
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	20	64.540
VI	Phát hành giấy tờ có giá	21	4.766.100
VII	Các khoản nợ khác		4.567.188
1	Các khoản lãi, phí phải trả	22(a)	1.186.701
3	Các khoản phải trả và nợ khác	22(b)	3.366.249
4	Dự phòng rủi ro khác	22(c)	14.238
	Tổng nợ phải trả		95.939.258
	Vốn chủ sở hữu		
VIII	Vốn và các quỹ	23	6.637.017
1	Vốn		5.771.369
a	Vốn cổ phần		5.770.000
c	Thặng dư vốn cổ phần		1.369
2	Các quỹ		233.031
5	Lợi nhuận chưa phân phối		632.617
	Tổng vốn chủ sở hữu		6.637.017
	Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu		102.576.275

Bảng cân đối Kế toán hợp nhất (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
I	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn		
1	Bảo lãnh vay vốn	-	546
2	Thư tín dụng	799.286	133.159
3	Bảo lãnh khác	2.036.303	1.822.743
II	Cam kết khác		
1	Cam kết cho vay chưa giải ngân có điều kiện	9.990.054	5.761.985

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2013

Bảng cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B03/TCTD-HN

		Thuyết minh	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND (Trình bày lại)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	10.340.939	9.539.693
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(7.373.778)	(7.494.584)
I	Thu nhập lãi thuần	24	2.967.161	2.045.109
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	25	671.852	844.608
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	25	(401.035)	(437.276)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	270.817	407.332
III	(Lỗ)/lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng		(117.164)	12.964
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	73.913	48.385
V	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	(176.112)	(26.316)
5	Thu nhập từ hoạt động khác	28	121.668	36.143
6	Chi phí hoạt động khác		(23.953)	(12.437)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác		97.715	23.706
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		17.092	4.144
VIII	Chi phí hoạt động	29	(1.880.776)	(1.302.340)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		1.252.646	1.212.984
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30	(399.914)	(148.729)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		852.732	1.064.255
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	(214.933)	(264.606)
8	Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	5.595	39
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31	(209.338)	(264.567)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		643.394	799.688
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	32	1.115	1.386

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
kiểm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2013

Bảng cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B04/TCTD-HN

		2012	2011
		Triệu VND	Triệu VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	9.725.669	8.481.452
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(7.312.366)	(7.004.602)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	270.084	407.332
04	(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và vàng	(117.164)	12.964
05	(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	(89.849)	6.180
06	Thu nhập khác nhận được	97.298	23.706
07	Tiền chi trả chi nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.793.885)	(1.027.282)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	(256.026)	(221.301)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	523.761	678.449
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(2.634.633)	(3.540.538)
10	Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh	(2.685.785)	(7.361.331)
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác	(57.471)	156
12	Cho vay khách hàng	(7.719.662)	(3.859.908)
13	Sử dụng dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn	(281.106)	(53.893)
14	Tài sản hoạt động khác	(4.342.126)	1.182.961
Những thay đổi về nợ hoạt động			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam	454.445	(299.254)
16	Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	68.126	11.805.630
17	Tiền gửi của khách hàng	30.102.006	5.442.490
18	Phát hành giấy tờ có giá	(10.276.015)	5.410.468
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(35.642)	(19.612)
20	Các công cụ tài chính phái sinh và nợ tài chính khác	(2.541)	2.541
21	Các khoản nợ hoạt động khác	(1.170.365)	(880.450)
22	Chi từ các quỹ	(6)	(32)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.942.986	8.507.677

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B04/TCTD-HN

		2012	2011
		Triệu VND	Triệu VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
01	Mua sắm tài sản cố định	(167.468)	(139.608)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	417	50.694
07	Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	55.474	25.295
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	17.092	4.144
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(94.485)	(59.475)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.848.501	8.448.202
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	16.139.484	7.691.282
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm (Thuyết minh 33)	17.987.985	16.139.484

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Cổ phiếu thương	40.000	630.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	680.000	420.000

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hằng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Thị Thảo
 Phó Tổng Giám đốc
 kiêm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm và Ngân hàng chính thức đi vào hoạt động ngày 12 tháng 8 năm 1993.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn,

và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn cổ phần của Ngân hàng là 5.770 tỷ đồng Việt Nam. Mệnh giá của một cổ phần là 10.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Ngân hàng có một Hội sở chính, một (1) Sở Giao dịch, ba mươi tám (38) chi nhánh, một trăm sáu mươi sáu (166) phòng giao dịch và quỹ tiết kiệm trên cả nước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngân hàng có hai (2) công ty con như sau:

Các công ty con	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Hoạt động chính	% sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS)	0104000621 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006	Các hoạt động chứng khoán	100%
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP AMC)	0100233583-012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 7 tháng 5 năm 2012	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là VPBank. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, VPBank có 4.326 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 3.548 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp. VPBank đã áp dụng một cách nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước, ngoại trừ vấn đề nêu tại Thuyết minh 3(f).

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của VPBank từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam, làm tròn đến hàng triệu gần nhất ("Triệu VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được VPBank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B05/TCTD-HN

lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(b) Các giao dịch ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND của VPBank được quy đổi sang VND theo tỷ giá của Ngân hàng tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài khoản kinh doanh ngoại tệ vào ngày lập bảng cân đối kế toán được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, các giấy tờ có giá khác đủ điều kiện chiết khấu, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(d) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh có thể là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, hoặc các chứng khoán khác được VPBank mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

(ii) Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường. Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(e) Các khoản đầu tư tài chính

(i) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn. VPBank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, VPBank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà VPBank có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội), trừ đi dự phòng giảm giá. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán vốn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị trên sổ sách và giá trị thị trường với lỗ giảm giá được ghi trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Góp vốn, đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (ngoài chứng khoán đầu tư).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

Sau khi được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iii) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

Theo Công văn số 7459/NHNN-KTTC do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2006, khi lập báo cáo tài chính, nếu giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh, chứng khoán sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn có dấu hiệu sụt giảm giá trị một cách lâu dài, VPBank xác định giá trị thị trường của chứng khoán và tính toán số liệu dự phòng cần phải trích lập cho từng chứng khoán theo quy định về lập dự phòng giảm giá chứng khoán quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ("BTC") ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Trong trường hợp giá trị thị trường của chứng khoán không có hoặc không thể xác định được một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc.

Theo Thông tư số 228, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu vào các tổ chức kinh tế (các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, hợp danh, liên doanh và các đầu tư dài hạn khác) được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ (ngoại trừ trường hợp lỗ được dự kiến trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư).

Theo Thông tư số 34/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14 tháng 3 năm 2011, VPBank tính dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư tài chính theo các quy định tại Thông tư 228.

(f) Các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác

Các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung, được trích lập ít nhất mỗi quý một lần.

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005 ("Quyết định số 493"), được sửa đổi và bổ sung bằng Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2007 ("Quyết định số 18"), dự phòng cụ thể tại ngày kết thúc niên độ kế toán (là ngày 31 tháng 12), được tính bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo việc phân loại nhóm nợ, đều tại ngày 30 tháng 11, như sau:

Nhóm nợ	Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Việc phân loại nhóm nợ cũng như cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

Từ ngày 23 tháng 4 năm 2012, Ngân hàng đã áp dụng Quyết định số 780/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ("Quyết định số 780") về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, theo đó các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại theo quy định trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ nếu khách hàng được đánh giá là hoạt động sản xuất kinh doanh có chiều hướng tích cực và có khả năng trả nợ tốt. Ngân hàng áp dụng phi hồi tố việc

thay đổi chính sách kế toán này. Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán này được đề cập trong Thuyết minh số 9.

Dự phòng chung tại ngày kết thúc niên độ kế toán (là ngày 31 tháng 12) được tính bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11.

Theo Quyết định số 493, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng được xử lý bằng dự phòng khi đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi bên vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B05/TCTD-HN

hoặc doanh nghiệp), hoặc khi bên vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

(g) Dự phòng cho các khoản mục ngoại bảng

Dự phòng cho các khoản mục ngoại bảng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung, được trích lập ít nhất một quý một lần.

Theo Quyết định số 18, VPBank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào 5 nhóm và lập dự phòng cụ thể tương ứng theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 3(f).

Ngoài ra, theo Quyết định số 493, dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được tính bằng 0,75% tổng số dư các khoản cam kết ngoại bảng tại ngày 30 tháng 11.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 40 năm
- Máy móc thiết bị 4 - 10 năm
- Phương tiện vận tải 8 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý 5 năm
- Tài sản cố định khác 4 - 7 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

(j) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 3 - 21 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn

(k) Các khoản phải thu khác

Các khoản nợ phải thu khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ của báo cáo kết quả

hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(l) Dự phòng

Dự phòng, ngoại trừ các khoản dự phòng đề cập tại Thuyết minh 3(e), 3(f), 3(g) và 3(l), được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, VPBank có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng VPBank phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được các đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho VPBank từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì VPBank phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, VPBank và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, VPBank không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau

ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(n) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(p) Các quỹ dự trữ

Ngân hàng

Trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải lập các quỹ dự trữ sau:

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B05/TCTD-HN

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và được dùng chủ yếu để chi trả cho các cán bộ công nhân viên Ngân hàng. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các công ty con

- Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty Quản lý và Khai thác tài sản phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo các tỷ lệ mà Ngân hàng đang áp dụng.

- Công ty TNHH Chứng khoán - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, các công ty chứng khoán phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ như sau:

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ dự trữ của công ty con được thực hiện và hạch toán sau khi có sự phê duyệt của Đại hội cổ đông thường niên.

(q) Ghi nhận doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi phát sinh từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 nêu trong Thuyết minh 3(f) được ghi nhận khi VPBank thực thu được lãi.

(ii) Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền mặt được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của VPBank được xác định.

Theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do VPBank nắm giữ.

(r) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

(s) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(u) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

VPBank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của VPBank chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của VPBank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của VPBank là chia theo vùng địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của VPBank là chia theo lĩnh vực kinh doanh.

(w) Các khoản mục ngoại bảng

(i) Các hợp đồng ngoại hối

VPBank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của VPBank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái tại thời điểm cuối năm. Lãi hoặc lỗ đã hoặc chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được đánh giá lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán; chênh lệch từ

việc đánh giá lại được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

VPBank có các cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. VPBank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến chắc chắn trong tương lai.

(x) Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh thông tin

(i) Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư số 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm chứng khoán kinh doanh và tài sản tài chính phái sinh. Chứng khoán do VPBank nắm giữ được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Có bằng chứng về việc kinh doanh chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà VPBank có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B05/TCTD-HN

Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán có định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được VPBank xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo Thông tư số 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo

cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm các khoản nợ phải trả tài chính phái sinh.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân nhóm các tài sản và nợ phải trả tài chính như trên chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất. Việc phân loại này không có ảnh hưởng đến phương pháp ghi nhận, đo lường hay phân loại trong bảng cân đối kế toán hợp nhất của VPBank.

(ii) Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư số 210, VPBank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi tồn tại một thị trường hoạt động, VPBank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

4. Tiền mặt và vàng

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	357.276	446.171
Tiền mặt bằng ngoại tệ	281.150	195.575
Chứng từ có giá trị ngoại tệ	107	167
Vàng tại quỹ	160.869	379.010
	799.402	1.020.923

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc ("DTBB") và tài khoản tiền gửi thanh toán.

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc	1.372.667	522.364

Theo quy định của NHNNVN về DTBB, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản DTBB.

Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của Ngân hàng tại NHNNVN không thấp hơn số tiền phải DTBB trong tháng.

Số tiền DTBB trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải DTBB trong tháng trước nhân với tỷ lệ DTBB tương ứng.

Tỷ lệ DTBB thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2012	31/12/2011
<i>Số dư bình quân tháng trước của:</i>		
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi bằng VND		
Trong mức dự trữ bắt buộc	1,2%	1,2%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Tiền gửi bằng USD		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,05%	0,05%

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	11.060.515	11.736.094
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	8.043.991	10.155.341
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.016.524	1.580.753
Tiền gửi có kỳ hạn	6.256.850	10.824.418
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	4.941.640	9.422.662
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.315.210	1.401.756
Các khoản cho vay	9.443.562	400.722
Cho vay bằng VND	9.124.478	400.722
Cho vay bằng ngoại tệ	373.743	-
Dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác (i)	(54.659)	-
	26.760.927	22.961.234

(i) Biến động dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	54.659	-
Số dư cuối năm	54.659	-

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	9% - 13,5%	8% - 27%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2,5% - 3,5%	0,01% - 10%
Cho vay bằng VND	6,5% - 15%	13,1% - 25,6%
Cho vay bằng ngoại tệ	0,1% - 2,5%	-

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán nợ	1.268.805	1.831.627
Trái phiếu chính phủ	350.512	408.421
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	126.556	10.974
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	791.737	1.412.232
Chứng khoán vốn	97.810	94.003
Cổ phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	97.810	94.003
	1.366.615	1.925.630
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (i)	(20.775)	(17.425)
	1.345.840	1.908.205

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán nợ	1.268.805	1.831.627
Chưa niêm yết	1.268.805	1.831.627
Chứng khoán vốn	97.810	94.003
Niêm yết	37.333	33.533
Chưa niêm yết	60.477	60.470
	1.366.615	1.925.630

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	17.425	26.049
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 26)	19.942	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	(16.592)	(8.624)
Số dư cuối năm	20.775	17.425

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

8. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(nợ phải trả) tài chính khác

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày lập báo cáo) Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		
		Tài sản Triệu VND	Nợ phải trả Triệu VND	Giá trị thuần Triệu VND
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	10.812.268	4.245.393	(4.187.922)	57.471
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	5.716.778	2.848.259	(2.829.820)	18.439
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	5.095.490	1.397.134	(1.358.102)	39.032
<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</i>				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	225.486	485.105	(487.646)	(2.541)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	12.623	222.238	(223.479)	(1.241)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	212.863	262.867	(264.167)	(1.300)

9. Cho vay khách hàng

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	36.820.307	29.091.542
Chiết khấu tín phiếu	7.083	-
Các khoản trả thay khách hàng	2.337	1.412
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư (*)	65.334	85.835
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	8.244	4.854
	36.903.305	29.183.643

(*) Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư bao gồm các khoản cho vay được tài trợ bởi các nguồn vốn ủy thác từ các chương trình hỗ trợ phát triển quốc gia thông qua Bộ Tài chính và Ngân hàng nhận nguồn vốn này trực tiếp từ ngân hàng đầu mối là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"). Ngân hàng đóng vai trò nhận nguồn và quản lý, sử dụng nguồn. Theo đó, Ngân hàng sẽ vẫn phải chịu toàn bộ rủi ro liên quan đến những khoản cho vay này. Trường hợp những khoản cho vay này mất khả năng thanh toán, VPBank phải có trách nhiệm hoàn trả gốc và lãi cho BIDV theo cam kết tại hợp đồng đã ký (Thuyết minh 20).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

Phân tích dư nợ cho vay theo chất lượng như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	32.969.671	89,34%	26.305.198	90,14%
Nợ cần chú ý	2.930.347	7,94%	2.346.075	8,04%
Nợ dưới tiêu chuẩn	257.505	0,70%	274.557	0,94%
Nợ nghi ngờ	554.257	1,50%	68.113	0,23%
Nợ có khả năng mất vốn	191.525	0,52%	189.700	0,65%
	36.903.305	100%	29.183.643	100%

Việc phân loại nợ được thực hiện theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18 trừ những khoản nợ đủ điều kiện áp dụng Quyết định số 780 (Thuyết minh 3(f)). Dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của các khách hàng được áp dụng Quyết định 780 như sau:

	31/12/2012
	Triệu VND
Dư nợ được giữ nguyên nhóm 1	319.242
Dư nợ được giữ nguyên nhóm 2	1.197.867
	1.517.109

Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian đáo hạn như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Ngắn hạn	22.745.669	61,64%	20.279.497	69,49%
Trung hạn	10.211.494	27,67%	5.707.593	19,56%
Dài hạn	3.946.142	10,69%	3.196.553	10,95%
	36.903.305	100%	29.183.643	100%

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B05/TCTD-HN

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2012 Triệu VND	%	31/12/2011 Triệu VND	%
Doanh nghiệp Nhà nước	1.273.255	3,46%	459.736	1,58%
Công ty trách nhiệm hữu hạn	9.129.350	24,74%	6.326.375	21,68%
Công ty cổ phần	8.038.951	21,78%	4.860.509	16,65%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	130.446	0,35%	16.192	0,05%
Doanh nghiệp tư nhân	590.401	1,60%	574.215	1,97%
Cho vay cá nhân và cho vay khác	17.740.902	48,07%	16.946.616	58,07%
	36.903.305	100%	29.183.643	100%

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2012 Triệu VND	%	31/12/2011 Triệu VND	%
Nông nghiệp và lâm nghiệp	1.006.350	2,73%	223.593	0,77%
Thương mại, sản xuất và chế biến	21.539.001	58,37%	24.486.359	83,90%
Xây dựng	5.999.742	16,26%	2.118.103	7,26%
Kho bãi, vận tải, thông tin liên lạc	1.145.692	3,10%	562.316	1,93%
Cá nhân và các hoạt động khác	7.212.520	19,54%	1.793.272	6,14%
	36.903.305	100%	29.183.643	100%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Cho vay bằng VND	8% - 18%	9% - 20,4%
Cho vay bằng ngoại tệ	2,3% - 7%	4% - 10%

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

10. Dự phòng rủi ro các khoản cho vay khách hàng

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Dự phòng chung	256.536	212.704
Dự phòng cụ thể	123.646	101.469
	380.182	314.173

Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư đầu năm	212.704	175.469
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	78.738	43.267
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	(33.082)	(6.032)
Xử lý các khoản nợ khó thu hồi bằng dự phòng	(1.824)	-
Số dư cuối năm	256.536	212.704

Biến động dự phòng cụ thể các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư đầu năm	101.469	53.732
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	335.146	125.801
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	(33.687)	(24.171)
Sử dụng dự phòng trong năm	(279.282)	(53.893)
Số dư cuối năm	123.646	101.469

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

11. Chứng khoán đầu tư

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán nợ (i)		
Trái phiếu Chính phủ	6.127.692	1.362.028
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	1.500.196	-
Tín phiếu kho bạc	1.240.000	-
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	7.269.606	8.780.000
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	6.035.522	8.786.188
Chứng khoán vốn		
Cổ phiếu chưa niêm yết	90.000	90.000
	22.263.016	19.018.216
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (ii)	(9.000)	-
	22.254.016	19.018.216

(i) Thời hạn và lãi suất năm theo hợp đồng của các chứng khoán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Thời hạn	Lãi suất	Thời hạn	Lãi suất
Trái phiếu Chính phủ	2 năm - 5 năm	8,8% - 13,2%	2 năm - 5 năm	7,9% - 13,3%
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	3 tháng	6,75% - 6,8%	-	-
Tín phiếu Kho bạc	6 tháng - 1 năm	8,15% - 8,5%	-	-
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành				
Trái phiếu phát hành bằng VND	2 năm - 5 năm	10% - 18%	2 năm - 5 năm	12,5% - 24%
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành				
Trái phiếu phát hành bằng VND	2 năm - 10 năm	10% - 13%	6 tháng - 10 năm	8,1% - 15,3%
Trái phiếu phát hành bằng USD	3 tháng	4%	1 năm	3,2% - 4,9%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, VPBank cầm có 5.825.889 triệu VND trái phiếu chính phủ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 884.888 triệu VND) tại NHNNVN làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay từ NHNNVN (Thuyết minh 17).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	-	6.896
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	9.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	-	(6.896)
Số dư cuối năm	9.000	-

12. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Đầu tư dài hạn khác - giá gốc (i)	67.811	123.285
Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn (ii)	(473)	(473)
	67.338	122.812

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Đầu tư vào các tổ chức tài chính chưa niêm yết	35.036	38.000
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế chưa niêm yết	32.775	85.285
	67.811	123.285

(ii) Biến động dự phòng góp vốn, đầu tư dài hạn như sau:

	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	473	842
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	-	(369)
Số dư cuối năm	473	473

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

13. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31/12/2012	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu VND	Tài sản cố định khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	66.058	51.855	81.350	143.594	94.077	436.934
Tăng trong năm						
<i>Mua trong năm</i>	785	12.921	30.619	34.814	18.359	97.498
<i>Tăng khác</i>	-	1.039	737	365	9.618	11.759
Giảm trong năm						
<i>Thanh lý</i>	-	(67)	(499)	(955)	(872)	(2.393)
<i>Giảm khác</i>	(39)	(1.602)	(4.759)	(2.311)	(5.735)	(14.446)
Số dư cuối năm	66.804	64.146	107.448	175.507	115.447	529.352
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	14.603	18.526	43.324	96.197	49.515	222.165
Khấu hao trong năm	2.213	7.844	14.661	13.563	22.231	60.512
Tăng trong năm	692	203	56	6.954	1.802	9.707
Giảm trong năm						
<i>Thanh lý</i>	-	(60)	(316)	(37)	(796)	(1.209)
<i>Giảm khác</i>	(241)	(477)	(3.005)	(869)	(9.031)	(13.623)
Số dư cuối năm	17.267	26.036	54.720	115.808	63.721	277.552
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	51.455	33.329	38.026	47.397	44.562	214.769
Số dư cuối năm	49.537	38.110	52.728	59.699	51.726	251.800

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

Năm kết thúc ngày 31/12/2011	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu VND	Tài sản có định khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	61.718	47.750	59.102	129.058	76.001	373.629
Tăng trong năm						
<i>Mua trong năm</i>	4.127	11.879	28.021	12.236	18.434	74.697
<i>Tặng khác</i>	446	3.648	2.338	3.775	6.647	16.854
Giảm trong năm						
<i>Thanh lý</i>	-	(722)	(681)	(598)	(1.136)	(3.137)
<i>Giảm khác</i>	(233)	(10.700)	(7.430)	(877)	(5.869)	(25.109)
Số dư cuối năm	66.058	51.855	81.350	143.594	94.077	436.934
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	10.485	13.977	29.291	85.877	34.938	174.568
Khấu hao trong năm	2.430	4.570	15.700	9.882	12.528	45.110
Tặng khác	2.190	1.655	2.250	2.934	4.653	13.682
Giảm trong năm						
<i>Thanh lý</i>	(290)	(655)	(472)	(748)	(712)	(2.877)
<i>Giảm khác</i>	(212)	(1.021)	(3.445)	(1.748)	(1.892)	(8.318)
Số dư cuối năm	14.603	18.526	43.324	96.197	49.515	222.165
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	51.233	33.773	29.811	43.181	41.063	199.061
Số dư cuối năm	51.455	33.329	38.026	47.397	44.562	214.769

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

14. Tài sản cố định vô hình

Năm kết thúc ngày 31/12/2012	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	68.277	140.312	208.589
Tăng trong năm	21.855	18.199	40.054
Tăng khác	579	-	579
Số dư cuối năm	90.711	158.511	249.222
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	51.786	52.654
Khấu hao trong năm	-	19.706	19.706
Tăng khác	9	13	22
Số dư cuối năm	877	71.505	72.382
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	67.409	88.526	155.935
Số dư cuối năm	89.834	87.006	176.840

Năm kết thúc ngày 31/12/2011	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	55.906	130.181	186.087
Tăng trong năm	12.371	52.540	64.911
Giảm khác	-	(41.933)	(41.933)
Xóa sổ	-	(476)	(476)
Số dư cuối năm	68.277	140.312	208.589
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	34.391	35.259
Khấu hao trong năm	-	17.563	17.563
Giảm khác	-	(2)	(2)
Xóa sổ	-	(166)	(166)
Số dư cuối năm	868	51.786	52.654
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	55.038	95.790	150.828
Số dư cuối năm	67.409	88.526	155.935

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

15. Bất động sản đầu tư

Năm kết thúc ngày 31/12/2012	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng trong năm	20.075	9.841	29.916
Số dư cuối năm	20.075	9.841	29.916
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	359	359
Số dư cuối năm	-	359	359
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối năm	20.075	9.482	29.557

16. Tài sản có khác

(a) Các khoản phải thu

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ		
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	65.844	36.775
Tạm ứng tiền lương, công tác phí	2.926	718
Các khoản phải thu khác	69.325	41.477
Các khoản phải thu bên ngoài		
Phải thu từ các nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.155.812	1.028.819
Phải thu từ hoạt động mua bán chứng khoán	289.920	75.710
Phải thu về các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	34.690	168.109
Phải thu theo các hợp đồng ủy thác đầu tư vào các chứng khoán có thu nhập cố định (i)	2.194.150	2.562.550
Tạm ứng cho Ngân sách Nhà nước	11.088	15.421
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	219.390	83.773
Phải thu từ hoạt động ủy thác cho vay (Thuyết minh 22(b))	197.400	-
Đặt cọc thuê văn phòng	995.907	320.609
Đặt cọc mua văn phòng	896.668	1.128.443
Các khoản phải thu khác	3.997.605	382.198
	10.130.725	5.844.602

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B05/TCTD-HN

(i) Đây là các khoản ủy thác đầu tư cho các công ty Quản lý Quỹ để mua chứng khoán với thời hạn hợp đồng từ 12 tháng đến 33 tháng và hưởng lãi suất cố định từ 10% đến 12,9%/năm, không có tài sản đảm bảo (31/12/2011: thời hạn hợp đồng từ 7 ngày đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 6% đến 24%/năm hoặc lãi suất thả nổi).

(b) Các khoản lãi và phí phải thu

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi phải thu từ tiền gửi	749.760	417.705
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	1.182.197	939.572
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	510.932	481.161
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	12.069	1.250
Phí phải thu	25	-
	2.454.983	1.839.688

(c) Tài sản có khác

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Vật liệu	7.188	2.262
Chi phí trả trước	313.546	230.495
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho VPBank đang chờ xử lý	117.614	117.614
Tài sản có khác	2	1.567
	438.350	351.938

(d) Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	12.248	11.592
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 29)	80.150	656
Số dư cuối năm	92.398	12.248

17. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		
Vay cầm cố các giấy tờ có giá	1.371.572	917.127

Đây là khoản vay cầm cố các giấy tờ có giá tại NHNNVN và được đảm bảo bởi khoản trái phiếu Chính phủ có giá trị 5.825.889 triệu VND (31/12/2011: 884.888 triệu VND). Các khoản vay này có kỳ hạn gốc 7 ngày và chịu lãi suất 7%/năm (31/12/2011: kỳ hạn gốc 14 ngày và lãi suất 14%/năm) (Thuyết minh 11).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

18. Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	10.324.557	11.223.198
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	8.443.016	9.949.393
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.881.541	1.273.805
Tiền gửi có kỳ hạn	5.218.329	14.364.393
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3.903.119	12.913.116
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.315.210	1.451.277
Tiền vay	10.112.831	-
Tiền vay bằng VND	8.403.925	-
Tiền vay bằng ngoại tệ	1.708.906	-
	25.655.717	25.587.591

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	9% - 14%	8,8% - 19%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2,5% - 3,5%	1,2% - 5,6%
Tiền vay bằng VND	8% - 11%	-
Tiền vay bằng ngoại tệ	2% - 3,8%	-

19. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	5.586.859	2.428.826
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	5.357.391	2.297.132
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	229.468	131.694
Tiền gửi có kỳ hạn	53.691.334	26.805.182
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	50.725.261	23.931.957
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.966.073	2.873.225
Tiền gửi vốn chuyên dùng	9.133	1.047
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	9.052	965
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	81	82
Tiền ký quỹ	226.815	177.080
Tiền ký quỹ bằng VND	174.267	156.198
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	52.548	20.882
	59.514.141	29.412.135

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B05/TCTD-HN

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Tổ chức kinh tế	17.300.260	9.815.457
Cá nhân	37.876.118	19.047.655
Đối tượng khác	4.337.763	549.023
	59.514.141	29.412.135

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2% - 11%	3,37% - 14%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,05% - 2%	0,5% - 6,2%

20. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	62.893	98.408
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ và vàng	1.647	1.774
	64.540	100.182

Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay là nguồn vốn nhận từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), thể hiện khoản vốn của Ngân hàng Thế giới (thông qua Hiệp hội Phát triển Quốc tế) hỗ trợ cho Dự án Tài chính Nông thôn II theo Hiệp định Tín dụng ngày 9 tháng 9 năm 2002 giữa Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế. Ngân hàng ký hợp đồng vay phụ với BIDV, theo đó tổng hạn mức tín dụng với BIDV được điều chỉnh căn cứ trên năng lực giải ngân của BIDV và khả năng sử dụng vốn của Ngân hàng, lịch thanh toán cụ thể phụ thuộc vào kỳ hạn của từng khoản vay hay từng nhóm các khoản

vay trong từng hợp đồng cụ thể.

Lãi suất đối với khoản cho vay bằng VND là lãi suất biến động và được điều chỉnh hàng tháng. Lãi suất này sẽ bằng lãi suất cơ bản trừ đi biên độ và không thấp hơn 5% một năm. Trong năm 2012, lãi suất biến động trong khoảng 9,48% - 13,92%/năm (2011: 11,64% - 13,68%/năm).

Đối với khoản vay bằng USD, Ngân hàng trả theo lãi suất LIBOR 6 tháng cộng mức chênh lệch; mức lãi suất hiện đang áp dụng cho năm 2012 là 0,75%/năm (2011: 0,75%/năm).

21. Phát hành giấy tờ có giá

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Dưới 12 tháng	2.166.100	9.372.085
Từ 12 tháng đến 5 năm	2.600.000	5.670.030
	4.766.100	15.042.115

Giấy tờ có giá của VPBank bao gồm các loại trái phiếu và kỳ phiếu bằng VND có lãi suất từ 9% đến 14%/năm (31/12/2011: từ 12% đến 14%/năm), lãi trả cuối kỳ.

22. Các khoản nợ khác

(a) Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi phải trả cho tiền gửi	937.089	646.088
Lãi phải trả về phát hành các giấy tờ có giá	188.276	443.086
Lãi phải trả cho tiền vay	6.074	-
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư và cho vay	33.199	33.631
Lãi phải trả các công cụ tài chính phái sinh	21.815	2.236
Phí phải trả	248	956
	1.186.701	1.125.997

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

(b) Các khoản phải trả và nợ khác

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ		
Phải trả nhân viên	105.890	180.769
Quỹ trợ cấp mất việc làm	-	3.161
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.496	4.619
Các khoản phải trả bên ngoài		
Dự phòng thuế phải nộp (Thuyết minh 36)	78.878	103.900
Cố tức phải trả	2.530	2.530
Chuyển tiền phải trả	41.842	57.566
Phải trả Ngân hàng OCBC – Singapore (Thuyết minh 34)	64.658	65.319
Nhận ủy thác đầu tư, cho vay (i)	800.000	3.199.854
Vàng giữ hộ khách hàng	371.752	378.273
Phải trả từ giao dịch mua các khoản cho vay khách hàng	1.206.241	-
Phải trả từ hợp đồng ủy thác cho vay (Thuyết minh 16)	197.400	-
Lãi trái phiếu chờ phân bổ	66.326	-
Phải trả nhà đầu tư chứng khoán	77.129	480.431
Các khoản phải trả khác	352.107	141.494
	3.366.249	4.617.916

(i) Đây là các khoản ủy thác đầu tư với thời hạn hợp đồng từ 12 đến 25 tháng, chịu lãi suất cố định từ 12,5% đến 24,5% (31/12/2011: thời hạn hợp đồng từ 9 đến 36 tháng, chịu lãi suất cố định từ 12,5% đến 24,5%).

(c) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Biến động dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng như sau:

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Số dư đầu năm	16.098	6.234
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	7.883	14.648
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	(9.743)	(4.784)
Số dư cuối năm	14.238	16.098

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

23. Vốn và các quỹ

a. Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2011	4.000.000	617.389	6.348	81.688	35	499.271	5.204.731
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	799.688	799.688
Trích lập các quỹ	-	-	27.365	51.519	-	(78.884)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.142)	(8.142)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(32)	-	-	(32)
Cổ phiếu thưởng	630.000	(616.020)	(13.980)	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	420.000	-	(1.563)	-	-	(418.437)	-
Số dư tại ngày 1/1/2012	5.050.000	1.369	18.170	133.175	35	793.496	5.996.245
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	643.394	643.394
Trích lập các quỹ	-	-	41.866	79.791	-	(121.657)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.422)	(2.422)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(6)	-	-	(6)
Cổ phiếu thưởng	40.000	-	(40.000)	-	-	-	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	680.000	-	-	-	-	(680.000)	-
Hoạt động khác	-	-	-	-	-	(194)	(194)
Số dư tại ngày 31/12/2012	5.770.000	1.369	20.036	212.960	35	632.617	6.637.017

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

b. Vốn cổ phần

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	Triệu VND	Số cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	577.000.000	5.770.000	505.000.000	5.050.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	577.000.000	5.770.000	505.000.000	5.050.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	577.000.000	5.770.000	505.000.000	5.050.000

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của VPBank.

24. Thu nhập lãi thuần

	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
<i>Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</i>		
Tiền gửi và cho vay NHNN Việt Nam và các tổ chức tín dụng	1.618.639	1.982.286
Cho vay khách hàng	5.723.016	5.648.461
Các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ	2.766.615	1.880.590
Thu nhập khác	232.669	28.356
	10.340.939	9.539.693
<i>Chi phí lãi và các chi phí tương tự</i>		
Các khoản tiền gửi của khách hàng	(4.112.588)	(4.111.781)
Các khoản tiền gửi và vay từ NHNNVN và các tổ chức tín dụng	(1.637.765)	(1.933.748)
Phát hành giấy tờ có giá	(1.312.050)	(1.422.274)
Chi phí lãi khác	(311.375)	(26.781)
	(7.373.778)	(7.494.584)
Thu nhập lãi thuần	2.967.161	2.045.109

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

25. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
<i>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</i>		
Dịch vụ bảo lãnh	23.224	89.412
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	71.247	290.548
Dịch vụ ủy thác và đại lý	338.224	400.687
Dịch vụ tư vấn	64.313	18.634
Dịch vụ đại lý bảo hiểm	17.006	-
Hoạt động kinh doanh chứng khoán	21.916	15.420
Dịch vụ khác	135.922	29.907
	671.852	844.608
<i>Chi phí hoạt động dịch vụ</i>		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(43.598)	(29.100)
Chi phí truyền thông	(14.485)	(11.736)
Dịch vụ ủy thác và đại lý	(116.927)	(319.482)
Dịch vụ tư vấn	(3.154)	(21.222)
Dịch vụ khác	(222.871)	(55.736)
	(401.035)	(437.276)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	270.817	407.332

26. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	118.944	128.262
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(41.681)	(88.501)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	(19.942)	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	16.592	8.624
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	73.913	48.385

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

27. Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	88.567	23.488
Chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư	(255.679)	(57.069)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 11)	(9.000)	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 11)	-	6.896
Hoàn nhập dự phòng giảm giá góp vốn đầu tư dài hạn (Thuyết minh 12)	-	369
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	(176.112)	(26.316)

28. Thu nhập từ hoạt động khác

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	81.674	13.381
Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng và kho bãi	8.490	13.994
Các khoản thu nhập khác	31.504	8.768
	121.668	36.143

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

29. Chi phí hoạt động

	2012	2011
	Triệu VND	Triệu VND
Thuế, lệ phí và phí	7.863	6.966
Lương và các chi phí liên quan	797.556	687.647
<i>Trong đó:</i>		
(a) Lương và các khoản trợ cấp	674.084	581.549
(b) Các khoản chi đóng góp theo lương	72.630	42.661
(c) Trợ cấp	1.968	30.514
(d) Hoạt động xã hội	375	773
(e) Trợ cấp ăn ca	48.499	32.150
Chi phí tài sản	352.322	259.410
<i>Trong đó: Khấu hao tài sản cố định</i>	80.577	68.099
Chi phí hoạt động quản lý công vụ	293.653	182.341
<i>Trong đó:</i>		
(a) Công tác phí	18.227	11.529
(b) Chi phí quảng cáo	127.980	69.897
(c) Chi phí thuê chuyên gia	2.349	250
(d) Hoạt động đoàn thể	1.888	1.695
(e) Chi phí quản lý công vụ khác	143.209	98.970
Chi phí dự phòng (Thuyết minh 16)	80.150	656
Chi nộp bảo hiểm bảo toàn tiền gửi của khách hàng	34.086	28.524
Chi phí hoạt động khác	315.146	136.796
	1.880.776	1.302.340

30. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Thuyết minh	2012	2011
		Triệu VND	Triệu VND
Trích lập dự phòng chung cho các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	54.659	-
Trích lập dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng	10	78.738	43.267
Trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng	10	335.146	125.801
Hoàn nhập dự phòng chung các khoản cho vay khách hàng	10	(33.082)	(6.032)
Hoàn nhập dự phòng cụ thể các khoản cho vay khách hàng	10	(33.687)	(24.171)
Trích lập dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng	22(c)	7.883	14.648
Hoàn nhập dự phòng chung cho các khoản cam kết ngoại bảng	22(c)	(9.743)	(4.784)
		399.914	148.729

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	214.933	264.606
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(5.595)	(39)
Chi phí thuế thu nhập	209.338	264.567

(b) Đối chiếu thuế thu nhập doanh nghiệp

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	852.732	1.064.255
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
· Thu nhập không chịu thuế	(15.946)	(8.166)
· Chi phí không được khấu trừ thuế	22.538	2.325
· Điều chỉnh thu nhập tính thuế năm nay theo biên bản quyết toán thuế các năm trước	(3.373)	-
Thu nhập tính thuế	855.951	1.058.414
Thuế theo thuế suất của VPBank (25%)	213.988	264.606
Hoàn nhập việc ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(5.595)	(39)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập năm nay	945	-
Tổng chi phí thuế thu nhập	209.338	264.567

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập của VPBank là 25% theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc tính toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được rà soát và phê duyệt bởi cơ quan thuế.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

32. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên lợi nhuận sau thuế là 643.394 triệu VND (31/12/2011: 799.688 triệu VND) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 577.000.000 cổ phiếu (2011: 505.000.000 cổ phiếu), được tính như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(i) Lợi nhuận thuần sau thuế

	2012 Triệu VND	2011 Triệu VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	643.394	799.688

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012	2011	
		Trình bày lại	Theo báo cáo trước đây
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	505.000.000	400.000.000	400.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu đã phát hành trong năm 2012	72.000.000	72.000.000	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu đã phát hành trong năm 2011	-	105.000.000	105.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm	577.000.000	577.000.000	505.000.000

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2012 VND	2011 VND	
		Trình bày lại	Theo báo cáo trước đây
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.115	1.386	1.584

33. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Tiền mặt và vàng	799.402	1.020.923
Tiền gửi tại NHNNVN	1.372.667	522.364
Tiền gửi không kì hạn tại các tổ chức tín dụng khác	11.060.515	11.736.094
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	4.755.401	2.860.103
	17.987.985	16.139.484

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B05/TCTD-HN

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm

	Số dư	
	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Phải trả khác		
Ngân hàng OCBC – Singapore, cổ đông (Thuyết minh 22(b))	64.658	65.319

35. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	2012	2011
Số lượng cán bộ, công nhân viên tại ngày 31/12 (người)	4.326	3.548
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương (Triệu VND)	674.084	581.549
2. Các khoản phụ cấp (Triệu VND)	50.467	62.664
	724.551	644.213
Tiền lương bình quân năm (Triệu VND)	156	164
Thu nhập bình quân năm (Triệu VND)	167	182

36. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Tại ngày 31/12/2012	31/12/2011 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	1.137	57.286	51.877	6.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.680	214.933	256.026	52.587
Các loại thuế khác	9.083	62.806	52.144	19.745
	103.900	335.025	360.047	78.878

Tại ngày 31/12/2011	31/12/2010 Triệu VND	Số phát sinh trong năm Triệu VND	Số đã nộp trong năm Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	2.598	22.776	24.237	1.137
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.375	264.606	221.301	93.680
Các loại thuế khác	7.037	35.199	33.153	9.083
	60.010	322.581	278.691	103.900

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

37. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

VPBank theo dõi thông tin chia theo các vùng địa lý chính tại Việt Nam như sau:

Triệu VND	Miền Bắc 31/12/2012	Miền Trung 31/12/2012	Miền Nam 31/12/2012	Cán trừ 31/12/2012	Tổng cộng 31/12/2012
Tài sản	86.732.448	4.493.146	13.043.185	(1.692.504)	102.576.275
Nợ phải trả	79.809.241	4.404.425	12.503.096	(777.504)	95.939.258
Tài sản cố định	298.299	98.897	61.001	-	458.197

Triệu VND	Miền Bắc 2012	Miền Trung 2012	Miền Nam 2012	Cán trừ 2012	Tổng cộng 2012
Thu nhập	9.419.011	810.421	1.904.748	(130.830)	12.003.350
Chi phí	8.899.388	578.733	1.741.450	(68.953)	11.150.618
Lợi nhuận trước thuế	519.623	231.688	163.298	(61.877)	852.732

Bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh

VPBank hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ, quản lý tài sản và kinh doanh chứng khoán.

Triệu VND	Ngân hàng bán lẻ 31/12/2012	Quản lý tài sản 31/12/2012	Kinh doanh chứng khoán 31/12/2012	Cán trừ 31/12/2012	Tổng cộng 31/12/2012
Tài sản	98.696.210	2.996.909	2.575.660	(1.692.504)	102.576.275
Nợ phải trả	92.192.041	2.821.907	1.702.814	(777.504)	95.939.258
Tài sản cố định	403.331	35.686	19.180	-	458.197

Triệu VND	Ngân hàng bán lẻ 2012	Quản lý tài sản 2012	Kinh doanh chứng khoán 2012	Cán trừ 2012	Tổng cộng 2012
Thu nhập	11.215.897	389.212	529.071	(130.830)	12.003.350
Chi phí	10.421.158	345.813	452.600	(68.953)	11.150.618
Lợi nhuận trước thuế	794.739	43.399	76.471	(61.877)	852.732

38. Thuyết minh công cụ tài chính

(a) Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư số 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của VPBank tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

		GIÁ TRỊ GHI SỔ						Giá trị hợp lý
		Triệu VND						
		Kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	
Tài sản tài chính								
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	799.402	-	-	799.402	799.402
II	Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.372.667	-	-	1.372.667	*
III	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	26.760.927	-	-	26.760.927	*
IV	Các công cụ tài chính phái sinh	57.471	-	-	-	-	57.471	*
V	Chứng khoán kinh doanh	1.345.840	-	-	-	-	1.345.840	*
VI	Cho vay khách hàng	-	-	36.523.123	-	-	36.523.123	*
VII	Chứng khoán đầu tư	-	-	-	22.254.016	-	22.254.016	*
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	67.338	-	67.338	*
IX	Tài sản tài chính khác	-	-	12.327.602	-	-	12.327.602	*
		1.403.311	-	77.783.721	22.321.354	-	101.508.386	
Nợ phải trả tài chính								
I	Tiền gửi của và vay từ NHNNVN và các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	27.027.289	27.027.289	*
II	Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	59.514.141	59.514.141	*
III	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	64.540	64.540	*
IV	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	4.766.100	4.766.100	*
V	Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	4.297.830	4.297.830	*
		-	-	-	-	95.669.900	95.669.900	

* VPBank chưa thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn đầy đủ về cách xác định giá trị hợp lý theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này có thể có chênh lệch trọng yếu.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

(b) Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

VPBank chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này trình bày những thông tin về những rủi ro mà VPBank có thể gặp phải đối với mỗi loại rủi ro, và mục tiêu, chính sách và quy trình của VPBank nhằm đánh giá và quản lý rủi ro, và việc quản lý nguồn vốn của VPBank.

Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị (“HDQT”) Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất của VPBank. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HDQT VPBank đã thành lập Hội đồng quản lý tài sản có/tài sản nợ (ALCO) và Hội đồng Quản lý Rủi ro (RCO), các hội đồng này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HDQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HDQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên chuyên trách và không chuyên trách.

Khung quản lý rủi ro của VPBank được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động của VPBank. Trên cơ sở này, các chính sách và quy định đặc thù của từng loại rủi ro được xây dựng để hỗ trợ VPBank phân tích, xác định các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, giám sát rủi ro và đảm bảo tuân thủ các hạn mức.

Chính sách quản lý rủi ro của VPBank được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà VPBank gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ VPBank cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo và các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, VPBank hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực trong đó toàn bộ các nhân viên của VPBank hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

(i) Rủi ro tín dụng

VPBank chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng và đầu tư cũng như khi VPBank đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi VPBank cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Rủi ro tín dụng chính mà

VPBank gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của VPBank. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra VPBank còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoài bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của VPBank. VPBank xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng, theo các giới hạn đã xác định bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của VPBank. Về nguyên tắc, VPBank không tham gia vào các hoạt động, sản phẩm tín dụng khi chưa có đầy đủ hiểu biết và các biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp. Để quản lý rủi ro tín dụng, VPBank chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy, và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối quản trị rủi ro. Các báo cáo của Khối quản trị rủi ro là cơ sở để RCO ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

VPBank thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNNVN theo các Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

Cách tiếp cận tổng thể của VPBank đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà VPBank đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- Thực hiện cơ chế phê duyệt tín dụng tập trung toàn hệ thống. Quan điểm phê duyệt tín dụng tập trung tại VPBank được tư vấn bởi công ty tư vấn quốc tế và sẽ nhất quán thực hiện theo lộ trình tập trung hóa hoàn toàn từ nay đến hết năm 2013;
- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- Tập hợp và rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B05/TCTD-HN

thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;

- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;

- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng.

- Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của VPBank không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

Tại ngày 31/12/2012	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã bị giảm giá và lập dự phòng đầy đủ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – gộp	26.815.586	-	-	26.815.586
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	17.317.365	-	-	17.317.365
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	9.498.221	-	-	9.498.221
Chứng khoán kinh doanh - gộp	1.366.615	-	-	1.366.615
Cho vay khách hàng – gộp	32.969.671	817.629	3.116.005	36.903.305
Chứng khoán đầu tư – gộp	22.263.016	-	-	22.263.016
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	22.263.016	-	-	22.263.016
Tài sản tài chính khác	12.393.646	-	26.354	12.420.000
	95.808.534	817.629	3.142.359	99.768.522

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31/12/2011	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã bị giảm giá và lập dự phòng đầy đủ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	22.930.542	-	30.692	22.961.234
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	22.529.820	-	30.692	22.560.512
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	400.722	-	-	400.722
Chứng khoán kinh doanh - gộp	1.925.630	-	-	1.925.630
Cho vay khách hàng - gộp	26.305.198	755.571	2.122.874	29.183.643
Chứng khoán đầu tư - gộp	19.018.216	-	-	19.018.216
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	19.018.216	-	-	19.018.216
Tài sản tài chính khác	7.562.726	26.554	-	7.589.280
	77.742.312	782.125	2.153.566	80.678.003

Giá trị ghi sổ của tài sản đảm bảo VPBank nắm giữ làm tài sản thế chấp như sau:

	31/12/2012 Triệu VND	31/12/2011 Triệu VND
Bất động sản	68.257.551	209.184.520
Động sản	8.573.758	10.284.344
Giấy tờ có giá	10.299.386	4.988.568
Các tài sản đảm bảo khác	392.207	13.762.316
	87.522.902	238.219.748

VPBank không nắm giữ tài sản thế chấp mà VPBank được phép bán hoặc đem tài sản đó đi thế chấp cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B05/TCTD-HN

(ii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi VPBank không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của VPBank; thậm chí có thể làm cho VPBank bị phá sản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

VPBank luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của VPBank. Trong từng thời kỳ, dựa trên cơ cấu về Tài sản Nợ - Tài sản Có của VPBank mà VPBank sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

VPBank hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của VPBank. VPBank nhận thức rõ ràng nguồn rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản VPBank. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của VPBank luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

Phòng Hỗ trợ ALCO thuộc Khối Tài chính thực hiện nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ các hạn mức, chỉ số thanh khoản của

VPBank, đồng thời xây dựng các báo cáo chi tiết về trạng thái thanh khoản của VPBank trình ALCO xem xét và đưa ra các quyết định phù hợp với chiến lược phát triển của VPBank và tình hình kinh doanh cũng như diễn biến thị trường ở từng giai đoạn khác nhau. VPBank áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, VPBank theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của VPBank trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định nội bộ của VPBank.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của VPBank trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. VPBank định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của VPBank trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP) theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

Tỷ lệ thanh khoản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước như sau:

- Tỷ lệ thanh khoản tối thiểu giữa các tài sản có tính thanh khoản cao như tiền và các khoản tương đương tiền, trái phiếu chính phủ, trái phiếu niêm yết và tổng nợ phải trả là 15%.
- Tỷ lệ tối thiểu giữa tài sản phải thu và công nợ phải trả trong vòng 7 ngày làm việc kế tiếp bằng 1.

	31/12/2012	31/12/2011
Tỷ lệ thanh khoản trong vòng 7 ngày tiếp theo (%)		
<i>Tại ngày 31 tháng 12</i>	125,34%	115%
Tỷ lệ thanh khoản trong vòng 1 tháng tiếp theo (%)		
<i>Tại ngày 31 tháng 12</i>	75,23%	20,83%

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả tài chính của VPBank theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phải thanh toán.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31/12/2012 (Triệu VND)	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền và vàng	-	-	799.402	-	-	-	-	799.402
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.372.667	-	-	-	-	1.372.667
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	-	16.618.946	2.485.000	5.124.000	2.587.640	-	26.815.586
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	102.264	175.300	18.790	997.408	72.853	1.366.615
Công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác	-	-	-	-	57.471	-	-	57.471
Cho vay khách hàng - gộp	1.003.287	2.930.347	2.470.591	5.786.207	16.586.310	6.873.298	1.253.265	36.903.305
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	911.784	1.600.196	2.740.000	17.011.036	-	22.263.016
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	67.811	67.811
Tài sản tài chính khác - gộp	-	26.354	4.235.697	1.928.465	5.153.754	1.075.730	-	12.420.000
	1.003.287	2.956.701	26.511.351	11.975.168	29.680.325	28.545.112	1.393.929	102.065.873
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.371.572	-	-	-	-	1.371.572
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	17.178.924	3.559.659	4.917.134	-	-	25.655.717
Tiền gửi của khách hàng	-	-	30.819.243	12.212.616	15.873.722	603.441	5.119	59.514.141
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	64.540	-	-	64.540
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	166.100	2.000.000	2.600.000	-	4.766.100
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	2.067.747	1.140.864	262.483	826.736	-	4.297.830
	-	-	51.437.486	17.079.239	23.117.879	4.030.177	5.119	95.669.900
Mức chênh thanh khoản rỗng	1.003.287	2.956.701	(24.926.135)	(5.104.071)	6.562.446	24.514.935	1.388.810	6.395.973

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31/12/2011 (Triệu VND)	Quá hạn trên 3 tháng	Quá hạn dưới 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền và vàng	-	-	1.020.923	-	-	-	-	1.020.923
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	522.364	-	-	-	-	522.364
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	-	11.949.147	1.554.625	2.593.602	6.858.140	5.720	22.961.234
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	390.061	-	-	912.981	622.588	1.925.630
Cho vay khách hàng - gộp	532.371	2.346.075	1.457.727	502.371	16.198.939	5.683.650	2.462.510	29.183.643
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	-	-	6.861.980	9.971.570	2.184.666	19.018.216
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	123.285	123.285
Tài sản tài chính khác - gộp	26.554	-	1.320.716	1.755.995	3.546.076	934.078	5.861	7.589.280
	558.925	2.346.075	16.660.938	3.812.991	29.200.597	24.360.419	5.404.630	82.344.575
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	917.127	-	-	-	-	917.127
Tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	13.988.516	1.981.745	6.966.330	2.571.000	80.000	25.587.591
Tiền gửi của khách hàng	-	-	1.645.259	19.550.384	6.146.110	2.070.045	337	29.412.135
Công cụ tài chính phải sinh và các công nợ tài chính khác	-	-	2.541	-	-	-	-	2.541
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	99.382	800	100.182
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	9.566	9.362.519	5.670.030	-	15.042.115
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	1.589.744	121.725	2.546.009	1.191.456	-	5.448.934
	-	-	18.143.187	21.663.420	25.020.968	11.601.913	81.137	76.510.625
Mức chênh thanh khoản ròng	558.925	2.346.075	(1.482.249)	(17.850.429)	4.179.629	12.758.506	5.323.493	5.833.950

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

(iii) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của VPBank do những biến động bất lợi của các mức giá, giá trị có liên quan trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là để quản lý và kiểm soát các nguy cơ về rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được đồng thời tối đa hóa lợi ích thu được trên rủi ro.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại phòng quản trị rủi ro thị trường thuộc Khối quản trị rủi ro. Phòng Quản trị rủi ro thị trường chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình, công cụ, hướng dẫn phương pháp đo lường rủi ro thị trường, đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của VPBank.

Trong năm 2012, Chính sách quản lý rủi ro thị trường ban hành đã đưa ra những nguyên tắc cơ bản và hệ thống công cụ, giới hạn rủi ro thị trường kiểm soát hoạt động kinh doanh (trading book) và các trạng thái rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng (banking book). Với các công cụ sử dụng kiểm soát tại Sổ kinh doanh như hạn mức Trạng thái ngoại tệ ròng, hạn mức PVO1, hạn mức chênh lệch dòng tiền, Duration... và số Ngân hàng như đo lường chênh lệch kỳ hạn (theo mô hình Repricing - Khe hở định giá lại). Khi các điều kiện về cơ sở hạ tầng và mức độ sẵn có của dữ liệu đã sẵn sàng, VPBank sẽ áp dụng các phương pháp ưu việt hơn như VaR, Mô phỏng Monte Carlo... để đo lường chính xác mức độ rủi ro và xác định mức phân bổ vốn cần thiết để bù đắp rủi ro thị trường theo các chuẩn mực của Basel 2.

Công tác dự báo diễn biến thị trường có vai trò quan trọng trong hoạt động quản lý rủi ro thị trường. Bộ phận quản lý rủi ro thị trường phối hợp với các đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu để đưa ra những dự báo nhận biết những thay đổi tiềm ẩn trên thị trường. Từ đó, VPBank có cơ sở đầy đủ để quyết định những biện pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả.

Trong thời gian tới, VPBank sẽ chủ động nghiên cứu các mô hình đo lường rủi ro đối với các công cụ phái sinh để đảm bảo sẵn sàng kiểm soát các loại rủi ro này khi VPBank quyết định cung ứng những sản phẩm này trên thị trường Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập, vốn của VPBank do những biến động bất lợi của lãi suất. Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn giữa tài sản

có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất được huy động tài trợ cho các tài sản có đó. Các hoạt động chính của VPBank tạo ra rủi ro lãi suất gồm: các hoạt động cho vay, huy động, đầu tư.

Quản lý rủi ro lãi suất

Việc đánh giá rủi ro lãi suất được đo lường dựa trên mô hình tái định giá (repricing Model) để phân tích và xem xét thông qua 2 cách thức chính:

- Phân tích thay đổi về thu nhập lãi ròng: dựa trên phương pháp tính lãi cộng dồn do thay đổi về lãi suất theo các kịch bản khác nhau. Cách thức phân tích thay đổi về thu nhập lãi ròng được xem xét tác động trong ngắn hạn.

- Phân tích ảnh hưởng giá trị vốn kinh tế (EVE): giá trị này thể hiện tác động của các biến động về lãi suất lên giá trị kinh tế của tài sản có, tài sản nợ trong nội bảng và các tài sản trên bảng mục ngoại bảng. Cách thức phân tích ảnh hưởng giá trị vốn kinh tế được xem xét tác động trong dài hạn tới VPBank đối với những biến động của lãi suất.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của VPBank được phân loại theo kỳ hạn tính từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày xác định lại lãi suất gần nhất hoặc theo ngày đáo hạn của hợp đồng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31/12/2012 (Triệu VND)	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền và vàng	-	799.402	-	-	-	-	-	799.402
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	-	1.372.667	-	-	-	-	1.372.667
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	132.450	16.432.496	2.485.000	1.760.000	3.364.000	2.641.640	26.815.586
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	97.810	4.454	175.300	-	18.790	1.070.261	1.366.615
Công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác	-	57.471	-	-	-	-	-	57.471
Cho vay khách hàng - gộp	3.933.634	-	7.390.301	12.066.171	5.225.450	3.239.240	5.048.509	36.903.305
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	90.000	821.784	1.600.196	1.540.000	1.200.000	17.011.036	22.263.016
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	58.966	-	-	-	-	8.845	67.811
Tài sản tài chính khác - gộp	26.354	3.689.399	546.266	1.928.465	2.056.786	3.097.000	1.075.730	12.420.000
	3.959.988	4.925.498	26.567.968	18.255.132	10.582.236	10.919.030	26.856.021	102.065.873
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	1.371.572	-	-	-	-	1.371.572
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	17.178.924	3.559.659	2.971.246	1.945.888	-	25.655.717
Tiền gửi của khách hàng	-	-	25.716.294	10.565.323	6.318.035	10.586.389	6.328.100	59.514.141
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	64.540	-	-	64.540
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	166.100	-	2.000.000	2.600.000	4.766.100
Các khoản nợ tài chính khác	-	3.223.236	(14.625)	-	197.400	65.083	826.736	4.297.830
	-	3.223.236	44.252.165	14.291.082	9.551.221	14.597.360	9.754.836	95.669.900
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất	3.959.988	1.702.262	(17.684.197)	3.964.050	1.031.015	(3.678.330)	17.101.185	6.395.973

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31/12/2011 (Triệu VND)	Quá hạn	Không chịu lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền và vàng	-	1.020.923	-	-	-	-	-	1.020.923
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	-	522.364	-	-	-	-	522.364
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	-	11.880.747	1.723.025	1.720.200	773.402	6.863.860	22.961.234
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	94.003	296.058	-	-	-	1.535.569	1.925.630
Cho vay khách hàng - gộp	2.878.445	-	186.002	17.485.537	2.778.298	5.284.684	570.677	29.183.643
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	-	-	2.200.000	4.661.980	12.156.236	19.018.216
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	123.285	-	-	-	-	-	123.285
Tài sản tài chính khác - gộp	26.554	3.096.958	380.932	1.091.176	938.895	1.234.689	820.076	7.589.280
	2.904.999	4.335.169	13.266.103	20.299.738	7.637.393	11.954.755	21.946.418	82.344.575
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	917.127	-	-	-	-	917.127
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	14.738.516	1.981.745	4.412.000	2.554.330	1.901.000	25.587.591
Tiền gửi của khách hàng	-	-	1.645.259	19.550.384	4.686.525	1.459.585	2.070.382	29.412.135
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	-	2.541	-	-	-	-	-	2.541
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	100.182	100.182
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	9.566	4.697.696	4.664.823	5.670.030	15.042.115
Các khoản nợ tài chính khác	-	344.858	1.799.252	119.251	919.626	1.626.383	649.564	5.448.934
	-	337.399	19.100.154	21.660.946	14.715.847	10.305.121	10.391.158	76.510.625
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất	2.904.999	3.997.770	(5.834.051)	(1.361.208)	(7.078.454)	1.649.634	11.555.260	5.833.950

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B05/TCTD-HN

Bảng dưới đây phân tích tính mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và vốn chủ sở hữu của VPBank trong vòng 1 năm với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng tại thời điểm ngày 31 tháng 12. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

Năm kết thúc ngày 31/12/2012	Mức tăng lãi suất giả định	Mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế Triệu VND	Mức độ ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu Triệu VND
VND	3%	160.612	120.459
USD	1,5%	13.072	9.804

Năm kết thúc ngày 31/12/2011	Mức tăng lãi suất giả định	Mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế Triệu VND	Mức độ ảnh hưởng tới vốn chủ sở hữu Triệu VND
VND	3%	92.553	69.415
USD	1,5%	(853)	(640)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. VPBank được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Trong khi đó, cơ cấu Tài sản - Nguồn vốn của VPBank bao gồm cả các ngoại tệ khác (như USD, EUR, AUD...) do đó có phát sinh rủi ro tiền tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

VPBank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của VPBank và các quy định của NHNNVN. Đồng tiền giao dịch chính của VPBank cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của VPBank chủ yếu bằng VND và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của VPBank bằng ngoại tệ khác ngoài VND và Đô la Mỹ. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được VPBank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31/12/2012 (Triệu VND)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền và vàng	357.288	110.692	158.049	160.869	12.504	799.402
Tiền gửi tại NHNNVN	1.219.665	153.002	-	-	-	1.372.667
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	22.110.109	4.115.921	570.868	-	18.688	26.815.586
Chứng khoán kinh doanh - gộp	1.366.615	-	-	-	-	1.366.615
Công cụ tài chính phái sinh và các công cụ tài chính khác	100.797	(1.241.243)	902.395	-	295.522	57.471
Cho vay khách hàng - gộp	35.091.419	1.807.114	4.772	-	-	36.903.305
Chứng khoán đầu tư - gộp	22.054.816	208.200	-	-	-	22.263.016
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	67.811	-	-	-	-	67.811
Tài sản tài chính khác - gộp	11.307.773	895.490	3.624	212.962	151	12.420.000
	93.676.293	6.049.176	1.639.708	373.831	326.865	102.065.873
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	1.371.572	-	-	-	-	1.371.572
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	20.750.060	4.631.447	274.210	-	-	25.655.717
Tiền gửi của khách hàng	56.266.945	1.565.341	1.362.786	-	319.069	59.514.141
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	62.893	1.647	-	-	-	64.540
Phát hành giấy tờ có giá	4.766.100	-	-	-	-	4.766.100
Các khoản nợ tài chính khác	3.801.501	109.814	11.910	373.138	1.467	4.297.830
	87.019.071	6.308.249	1.648.906	373.138	320.536	95.669.900
Trạng thái tiền tệ	6.657.222	(259.073)	(9.198)	693	6.329	6.395.973

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31/12/2011 (Triệu VND)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền và vàng	446.172	127.132	63.730	379.978	3.911	1.020.923
Tiền gửi tại NHNNVN	331.824	190.540	-	-	-	522.364
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	19.978.725	2.957.476	18.860	-	6.173	22.961.234
Chứng khoán kinh doanh - gộp	1.925.630	-	-	-	-	1.925.630
Cho vay khách hàng - gộp	27.187.362	1.972.078	24.203	-	-	29.183.643
Chứng khoán đầu tư - gộp	17.756.236	1.261.980	-	-	-	19.018.216
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	123.285	-	-	-	-	123.285
Tài sản tài chính khác - gộp	7.495.912	93.128	53	-	187	7.589.280
	75.245.146	6.602.334	106.846	379.978	10.271	82.344.575
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	917.127	-	-	-	-	917.127
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	22.862.509	2.725.082	-	-	-	25.587.591
Tiền gửi của khách hàng	26.382.392	2.542.550	467.177	3	20.013	29.412.135
Công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	184.267	180.944	(376.195)	-	13.525	2.541
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	98.408	1.774	-	-	-	100.182
Phát hành giấy tờ có giá	13.780.135	1.261.980	-	-	-	15.042.115
Các khoản nợ tài chính khác	4.693.940	695	373.257	378.273	2.805	5.448.934
	68.918.742	6.713.025	464.239	378.276	36.343	76.510.625
Trạng thái tiền tệ	6.326.404	(110.691)	(357.393)	1.702	(26.072)	5.833.950

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
Mẫu B05/TCTD-HN

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 của VPBank trong trường hợp:

VND tăng giá 5% so với USD:

Mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế		
	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
USD	12.954	5.535

VND giảm giá 5% so với USD:

Mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế		
	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
USD	(12.954)	(5.535)

39. Cam kết

Hợp đồng thuê

Các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	Triệu VND	Triệu VND
Dưới một năm	20.600	56.127
Từ hai đến năm năm	61.799	190.803
Trên năm năm	169.946	219.216
	252.345	466.146

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Lưu Thị Thảo
Phó Tổng Giám đốc
kiểm Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2013



**BÁO CÁO
QUẢN TRỊ
CÔNG TY**

Năm 2012, VPBank đã thực hiện một số nội dung cơ bản trong việc củng cố khuôn khổ quản trị công ty, thể hiện rõ các cơ chế then chốt cho sự vận hành của các cơ quan quản trị chính, các quyền cổ đông, việc thực hiện các hành động nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích, và sự minh bạch thông tin của Ngân hàng, cụ thể như sau:

I. HOÀN CHỈNH ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Các thông lệ tốt nhất về quản trị công ty yêu cầu một tổ chức phải xây dựng thiết lập một khuôn khổ quản trị công ty, trước hết là thông qua Điều lệ và các văn bản nội bộ khác như Quy chế Hội đồng Quản trị (HDQT) và Quy chế Quản trị công ty...

Điều lệ VPBank được xây dựng chi tiết và khá rõ ràng, thể hiện mục tiêu, lĩnh vực và phạm vi hoạt động của Ngân hàng. Điều lệ cung cấp lượng thông tin cần thiết liên quan đến cấu trúc quản trị, các quyền của cổ đông, công bố thông tin, chế độ kế toán, giải quyết xung đột và tái tổ chức công ty. Các nội dung của Điều lệ được xây dựng phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và thể hiện tính tuân thủ cao.

Từ năm 2009 đến nay, định kỳ hàng năm Ngân hàng đều tổ chức xem xét việc sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ cho phù hợp với các quy định hiện hành và trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên thông qua. Ngày 24/04/2012, ĐHCĐ thường niên đã quyết định bổ sung, chỉnh sửa thêm 12 điểm lớn trong bản Điều lệ Ngân hàng cho phù hợp với các quy định mới của pháp luật. Các bản Điều lệ của VPBank đã được đăng ký với Ngân hàng Nhà nước theo quy định và công bố rộng rãi với cổ đông và đối tác trên trang web của VPBank. VPBank sẽ tiếp tục chỉnh sửa điều lệ, đảm bảo rằng chúng thể hiện các nhu cầu hiện tại của Ngân hàng và phù hợp với các quy định và thông lệ tốt nhất.

II. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG VÀ ĐHCĐ

Cổ đông là người sở hữu cổ phần của VPBank. Tại thời điểm 31/12/2012, Ngân hàng có 3.769 cổ đông, trong đó chủ yếu là cổ đông cá nhân. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định cụ thể tại Điều lệ Ngân hàng và tất cả các cổ đông đều có quyền tra cứu Điều lệ này bất cứ lúc nào tại phần dành riêng cho cổ đông trên trang web của Ngân hàng.

Ngoài quyền lập nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông liên tục trong 6 tháng để đề cử, ứng cử người vào HDQT thì Điều lệ Ngân hàng cũng quy định về việc bầu đôn phiếu, cho phép các cổ đông thiểu số có quyền bầu người đại diện của mình tham gia vào HDQT.

Ngân hàng chỉ có cổ phần phổ thông và không có cổ phần ưu đãi. Ngân hàng luôn coi trọng các quyền lợi của cổ đông và có những nỗ lực đáng kể để cung cấp cho các cổ đông các thông tin quan trọng về quá trình phát triển của Ngân hàng. Việc

quan hệ cổ đông và công bố thông tin cho cổ đông được thực hiện bởi Văn phòng HDQT. Các ý kiến đóng góp của cổ đông được Văn phòng HDQT tiếp nhận và xử lý hoặc chuyển cho người có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định.

VPBank đang thực hiện dự án cải tiến website của Ngân hàng để cấu trúc lại kênh thông tin này, đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế và tạo thuận lợi cho các cổ đông cũng như nhà đầu tư tiềm năng tiếp cận các thông tin về Ngân hàng.

ĐHCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của VPBank. ĐHCĐ đưa ra ý kiến và quyết định tại các cuộc họp ĐHCĐ thường niên và bất thường và bằng cách biểu quyết bằng văn bản. ĐHCĐ là cơ hội giúp cho cổ đông, ít nhất là 1 lần/năm, trực tiếp trao đổi, thảo luận các vấn đề quan trọng với các thành viên HDQT, Ban Giám đốc và quyết định những định hướng hoạt động cho năm tài chính tiếp theo của Ngân hàng.

Cuộc họp ĐHCĐ thường niên của VPBank năm 2012 được tổ chức vào 24/04/2012, sau khi Báo cáo tài chính của năm trước được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập.

Thư mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông kèm theo hướng dẫn về việc ủy quyền dự họp và các tài liệu đều được công bố đầy đủ trên website của Ngân hàng.

Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHCĐ đã được thực hiện đầy đủ theo quy định chi tiết tại Điều lệ Ngân hàng. Ngoài ra, tại cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm nay, Ngân hàng đã lập các Quy chế tổ chức Đại hội, Quy chế biểu quyết các nghị quyết tại Đại hội và Quy chế bầu cử các thành viên HDQT, Ban Kiểm soát (nếu có) để các cổ đông thông qua làm căn cứ áp dụng tại cuộc họp. Các quy chế này đều được gửi kèm với tài liệu họp và công bố trên website của Ngân hàng tối thiểu 7 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp để các cổ đông có thời gian nghiên cứu, đóng góp ý kiến.

Tại ĐHCĐ thường niên 2012, các báo cáo quan trọng như Báo cáo hoạt động của HDQT, Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) và Báo cáo tình hình hoạt động của Ngân hàng đều được trình bày và được các cổ đông thảo luận trước khi thông qua.

Ngân hàng đã áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể giám sát tốt nhất các kết quả kiểm tra tu cách đại biểu và kết quả biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp cũng như rút ngắn thời gian thực hiện các công việc này.

Điều lệ Ngân hàng cho phép ĐHDCD có thể biểu quyết thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền trừ một số vấn đề bắt buộc phải biểu quyết tại cuộc họp tại bất cứ thời điểm nào nếu HĐQT thấy cần thiết cho lợi ích của Ngân hàng. Các tài liệu để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được đăng trên website của Ngân hàng, cổ đông nào không nhận được thư xin ý kiến vẫn có thể tra cứu và in các tài liệu để biểu quyết tại đây. Thời gian để xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thường tối thiểu là 30 ngày, đủ để cổ đông có thể nghiên cứu và gửi lại ý kiến của mình. Việc kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện dưới sự chứng kiến của thành viên BKS và Biên bản kiểm phiếu được công bố trên website của Ngân hàng trong vòng 42 giờ sau khi lập. Trong năm 2012, VPBank đã tiến hành lấy ý cổ đông bằng văn bản 2 lần để xin ý kiến về việc chuyển trụ sở chính của Ngân hàng và số lượng thành viên HĐQT dự kiến bầu bổ sung.

III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Vai trò và trách nhiệm của HĐQT

HĐQT VPBank được thiết lập trên cơ sở Điều lệ và Quy chế về tổ chức và hoạt động của HĐQT được ĐHDCD VPBank thông qua. HĐQT VPBank có vai trò quan trọng trong việc đặt ra chiến lược cho Ngân hàng, định hướng hoạt động cho Ban Điều hành trong những giai đoạn cụ thể. Bên cạnh đó, HĐQT VPBank cũng có vai trò thực hiện chặt chẽ các trách nhiệm giám sát đối với Tổng Giám đốc thông qua việc tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban Điều hành hàng tháng; xem xét các báo cáo hàng ngày, hàng tuần, các báo cáo theo chuyên đề về quản trị rủi ro; cũng như việc yêu cầu báo cáo khi cần thiết. Ngoài ra, HĐQT còn thường xuyên giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ các báo cáo của BKS và Kiểm toán nội bộ đối với các đơn vị của Ngân hàng và thông qua hoạt động của các tiểu ban trực thuộc của HĐQT.

2. Cơ cấu của HĐQT

HĐQT VPBank bao gồm 5 thành viên, trong đó bao gồm 1 thành viên HĐQT độc lập. Số lượng thành viên như vậy là phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật cũng như quy mô và mức độ tăng trưởng của Ngân hàng hiện tại, do có thể phát huy được ưu điểm về việc ra quyết định một cách hiệu quả và có hiệu lực nhanh.

Nhiệm kỳ của HĐQT VPBank là 5 năm, các thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số lần không hạn chế. Nhiệm kỳ 5 năm là hợp lý để cho phép các thành viên có tầm nhìn dài hạn hơn và nhìn thấy kết quả từ các nỗ lực của mình. Nhiệm kỳ hiện tại của HĐQT VPBank bắt đầu từ năm 2010 và sẽ kết thúc vào năm 2015.

Các thành viên HĐQT VPBank đáp ứng đầy đủ các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và VPBank. Các thành viên HĐQT hiện tại là những người có thể mạnh về kinh nghiệm quản lý điều hành các lĩnh vực kinh doanh và lĩnh vực ngân hàng, hiểu biết sâu sắc về các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Không có thành viên HĐQT nào kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của Ngân hàng.

Các thành viên HĐQT VPBank cũng tuân thủ các quy định về không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật:

- Chủ tịch HĐQT VPBank không đồng thời là người điều hành của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác.
- Thành viên HĐQT VPBank không đồng thời là thành viên BKS của VPBank và là người quản lý của tổ chức tín dụng khác.

Các thành viên HĐQT VPBank bao gồm:

- Ông Ngô Chí Dũng: Chủ tịch HĐQT
- Ông Bùi Hải Quân: Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Lô Bằng Giang: Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Phùng Khắc Kế: Thành viên HĐQT độc lập
- Ông Trần Trọng Kiên: Thành viên HĐQT độc lập; ông Kiên đã xin từ nhiệm thành viên HĐQT và hiệu lực chính thức từ 24/04/2012.
- Ông Lương Phan Sơn: Thành viên HĐQT, được ĐHDCD VPBank bầu ngày 24/04/2012 và không là thành viên HĐQT do không còn là người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức của VPBank kể từ ngày 22/10/2012.

Hiện nay, VPBank đang tiến hành các thủ tục xin chuẩn y thành viên bầu bổ sung thêm 1 thành viên HĐQT.

3. Việc đề cử, ứng cử và bầu cử

Việc bầu HĐQT được thực hiện khi HĐQT cũ hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên khi có thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT.

ĐHDCD thường niên năm 2012 đã bầu bổ sung 1 thành viên HĐQT. Theo đó, trước thời gian tổ chức Đại hội, HĐQT đã lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về số lượng thành viên dự kiến được bầu bổ sung vào HĐQT, BKS đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được

bầu để các cổ đông ứng cử hoặc đề cử người giữ chức danh này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Thời hạn lấy ý kiến của các cổ đông về việc ứng cử, đề cử nhân sự dự kiến được ghi cụ thể tại văn bản lấy ý kiến và đảm bảo tối thiểu 30 ngày kể từ ngày gửi văn bản lấy ý kiến.

Danh sách nhân sự dự kiến bầu làm thành viên HĐQT và hồ sơ của các ứng cử viên này đã được gửi tới Ngân hàng Nhà nước thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện và có văn bản chấp thuận trước khi ĐHĐCĐ bầu.

Việc bầu thành viên HĐQT, BKS được thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số lượng ứng cử viên vào vị trí thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một ứng cử viên hoặc phân chia phiếu cho một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT và BKS phải có số phiếu bầu đạt trên 51% tổng số cổ phần hiện diện tại cuộc họp tại thời điểm trước khi tiến hành bầu cử. Trường hợp số ứng cử viên có tỷ lệ phiếu bầu đạt trên 51% trở lên nhiều hơn số lượng thành viên HĐQT và BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ thì sẽ tiến hành lấy từ ứng cử viên có tỷ lệ phiếu bầu cao nhất xuống cho đến khi đủ số lượng thành viên HĐQT, BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ. Các trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của ĐHĐCĐ.

4. Thành viên HĐQT độc lập

Theo quy định tại Điều lệ VPBank, tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập được xác định như sau:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của một thành viên HĐQT về năng lực hành vi, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, kinh nghiệm làm việc và không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật liên quan.

- Thành viên HĐQT độc lập còn phải thỏa mãn các tiêu chuẩn điều kiện bổ sung sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho VPBank hoặc công ty con của VPBank hoặc đã làm việc cho VPBank hoặc công ty con của VPBank bất kỳ thời gian nào trong 3 năm liền kể trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của VPBank ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên HĐQT;

c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột và vợ, chồng của những

người này là cổ đông lớn của VPBank, người quản lý hoặc thành viên BKS của VPBank hoặc Công ty con của VPBank;

d) Không phải là người quản lý, thành viên BKS của VPBank tại bất kỳ thời điểm nào trong 5 năm liền kể trước đó;

e) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank;

f) Không cùng người có liên quan theo quy định tại Điểm p, Khoản 1, Điều 1 Điều lệ này sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPBank.

Thành viên HĐQT độc lập đã từ nhiệm trong năm 2012 của VPBank là vì lý do cá nhân.

Thành viên HĐQT độc lập hiện tại của VPBank là người đã có rất nhiều năm làm việc trong lĩnh vực điều hành, quản lý cấp cao trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đáp ứng đầy đủ các quy định của Ngân hàng và pháp luật hiện hành về tính độc lập và năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật và VPBank.

5. Các hoạt động của HĐQT năm 2012

HĐQT tổ chức họp định kỳ hàng quý theo lịch họp đã được xác định và gửi tới các thành viên HĐQT đầu năm 2012. Thư ký HĐQT đã gửi các thư mời họp của Chủ tịch HĐQT và tài liệu liên quan cho mỗi cuộc họp HĐQT trước 5 ngày. Tất cả các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu cung cấp thêm tài liệu hoặc đề xuất bổ sung nội dung các cuộc họp HĐQT. Các thành viên BKS và Tổng Giám đốc đều được mời tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT, và tùy từng nội dung họp có thể triệu tập thêm Giám đốc Tài chính, Giám đốc Nhân sự hoặc các cán bộ lãnh đạo cao cấp khác cùng tham dự. Ngân hàng cũng chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện về kỹ thuật và phiên dịch trong trường hợp cần thiết. Các cuộc họp đều được ghi biên bản họp và các Nghị quyết bằng văn bản, các thành viên tham dự họp xem xét và ký trên Biên bản và Nghị quyết cuộc họp. Các biên bản họp và các tài liệu họp được lưu trữ đầy đủ để phục vụ cho việc tra cứu của HĐQT và các bên liên quan khác.

Trong năm 2012, với sự tư vấn của đơn vị tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới đã đi cùng VPBank từ năm 2010, HĐQT VPBank đã cân nhắc và thông qua Chiến lược 5 năm (2012-2017) của Ngân hàng. Chiến lược này cũng đã được phổ biến, truyền thông rộng rãi cho các cán bộ nhân viên của Ngân hàng nhiều lần và bằng nhiều hình thức khác nhau. Năm 2012, HĐQT VPBank cũng đã có vai trò quan trọng trong việc xây dựng các giá trị cốt lõi cho Ngân hàng thông qua dự án



phát triển Văn hóa doanh nghiệp VPBank. Năm 2012, HĐQT đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ vào 4 quý, thông qua các cuộc họp đó phê duyệt chiến lược tổng thể đối với hoạt động của Ngân hàng và chiến lược bộ phận của tất cả các mảng hoạt động kinh doanh cho 5 năm (2012 - 2017); phê duyệt các kế hoạch hành động, ngân sách cho riêng năm 2013 cho Ngân hàng và phê duyệt các kế hoạch kinh doanh, ngân sách cho các công ty con của VPBank là Công ty Chứng khoán VPBank và Công ty TNHH Quản lý Tài sản VPBank; xem xét việc sửa đổi bổ sung cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các bộ phận của Ngân hàng, thay đổi hoặc bổ sung nhân sự cao cấp. Định kỳ hàng quý HĐQT cũng xem xét đánh giá hoạt động của Ban Điều hành và đưa ra các quyết nghị điều chỉnh về kế hoạch hành động, triển khai cho phù hợp. Bên cạnh đó, HĐQT đã tham gia phê duyệt thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền khác như: phê duyệt các khoản cấp tín dụng vượt hạn mức của Hội đồng Tín dụng, phê duyệt nội dung và việc ban hành các quy chế tổ chức hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc cũng như các quy định, chính sách đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng...

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỘI ĐỒNG, ỦY BAN BAN TRỰC THUỘC

1. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT

1.1. Ủy ban Nhân sự

Ủy ban có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, BKS VPBank; tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT, BKS, người điều hành của VPBank; tham mưu, đề xuất mức lương thưởng và các lợi ích khác của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc; xem xét kế hoạch ngân sách hàng năm chi cho nhân viên trình HĐQT phê duyệt; tư vấn cho HĐQT và quyết định theo thẩm quyền đối với các nhân sự cấp cao của Ngân hàng, các quyết định về chính sách, chế độ đối với nhân sự, các dự án về đào tạo, chiến lược nhân sự, các quy trình đánh giá nhân sự, tuyển dụng...; quyết định các vấn đề liên quan đến các kế hoạch phân chia cổ phiếu dành cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng. Ủy ban Nhân sự họp định kỳ hàng tháng.

Danh sách thành viên Ủy ban Nhân sự VPBank

Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch	Thành viên
Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch	Thành viên

1.2. Ủy ban Quản lý Rủi ro

Ủy ban có nhiệm vụ tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, quy trình, chính sách liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng. Ủy ban Quản lý Rủi ro cũng có nhiệm vụ phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của VPBank trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro và đề xuất những biện pháp phòng ngừa; phân tích quyết định mức độ rủi ro chung của Ngân hàng, thiết lập khẩu vị rủi ro và mức chịu đựng rủi ro cho các mảng nghiệp vụ cũng như tổng thể hoạt động của Ngân

hàng, đồng thời giám sát việc thực thi chính sách này trong Ngân hàng. Ủy ban Quản lý Rủi ro chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của Ngân hàng để phù hợp với các yêu cầu về quản trị rủi ro của các cơ quan quản lý; phổ biến kiến thức và văn hóa quản lý rủi ro trong toàn bộ hệ thống ngân hàng... Ủy ban Quản lý Rủi ro tổ chức họp định kỳ 1-2 lần/quý hoặc khi có vấn đề phát sinh thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Ủy ban cần phải xem xét.

Danh sách thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro VPBank

Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Ủy ban
Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Phó Chủ tịch
Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
Phùng Khắc Kế	Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên
Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc	Thành viên
Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên không biểu quyết
Đào Gia Hưng	Quyền Giám đốc Khối QTRR	Thành viên không biểu quyết
Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên không biểu quyết
Vũ Minh Quỳnh	Phó Giám đốc Khối Vận hành	Thành viên không biểu quyết
Peterjan Van Nieuwenhuizen	Giám đốc Khối Vận hành	Thành viên không biểu quyết

2. Các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Ban Điều hành có sự tham gia của thành viên HĐQT

2.1. Hội đồng Tín dụng

Hội đồng có chức năng xét cấp tín dụng, phê duyệt hạn mức tín dụng vượt hạn mức quyết định của các Ban tín dụng tại chi nhánh, xem xét tái cấu trúc lại khoản nợ theo đề xuất

của các bộ phận chuyên môn; xem xét việc miễn giảm lãi, phí liên quan đến tín dụng theo Quy chế miễn giảm lãi, phí của VPBank; khuyến nghị HĐQT thay đổi chính sách tín dụng cho phù hợp với tình hình thực tế... và các nhiệm vụ khác liên quan đến các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Hiện nay, Hội đồng tín dụng các cấp của VPBank đã gia tăng tần suất họp, tiến hành tổ chức họp hàng ngày giải quyết kịp thời nhu cầu xét duyệt các khoản tín dụng theo thẩm quyền.



Danh sách thành viên Hội đồng Tin dụng VPBank

Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Hội đồng
Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch	Phó Chủ tịch
Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch	Phó Chủ tịch
Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc	Phó Chủ tịch
Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên
Đào Gia Hưng	Quyền Giám đốc Khối QTRR	Thành viên
Lưu Thị Ánh Xuân	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên
Hồ Thúy Nga	Giám đốc GSTD - Khối QTRR	Thành viên

2.2. Hội đồng Đầu tư

Hội đồng có chức năng xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư của Ngân hàng và các công ty con của Ngân hàng có giá trị vượt hạn mức của Tổng Giám đốc, Hội đồng thành viên 2 công ty con là Công ty Chứng khoán VPBank, Công ty AMC và các hạn mức cụ thể khác theo quy định tại Quy chế tài chính của Ngân hàng. Hội đồng Đầu tư VPBank

cũng có vai trò quyết định các hạn mức kinh doanh đối với các tổ chức tín dụng và các đề xuất kinh doanh kỳ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác. Hội đồng đầu tư họp định kỳ hàng quý và cho ý kiến phê duyệt đối với các đề xuất phát sinh của Ngân hàng bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Danh sách thành viên Hội đồng Đầu tư VPBank

Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch Hội đồng
Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch	Thành viên
Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch	Thành viên
Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc	Thành viên

2.3. Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có

Hội đồng có chức năng nghiên cứu và đề ra các chiến lược đối với cơ cấu bảng tổng kết tài sản, quản lý cấu trúc bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng nhằm tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro đối với Ngân hàng; xây dựng và giám sát các chỉ tiêu tài chính, tín dụng phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; quản lý thanh khoản và rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất do sự chênh lệch giữa Tài sản có và Tài sản nợ nhạy cảm với lãi suất; quản lý rủi ro thị trường đối với các biến động về tỷ giá và lãi suất; chỉ đạo việc xây dựng, phê duyệt và triển khai các chính sách, quy trình và

hệ thống định giá điều chuyển vốn nội bộ đảm bảo hiệu quả kinh doanh cho các đơn vị; quản lý vốn chủ sở hữu đảm bảo sự tăng trưởng bền vững của Ngân hàng. Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có đã tiến hành họp định kỳ hàng tháng, thường xuyên đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, hoạt động của ngành ngân hàng và VPBank, đưa ra các quyết định phù hợp đảm bảo thanh khoản của Ngân hàng, các mức lãi suất và số lượng tương ứng cho các chương trình huy động vốn và sử dụng vốn; đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của pháp luật.

Danh sách thành viên Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có VPBank

Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc	Chủ tịch Hội đồng
Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên biểu quyết
Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên biểu quyết
Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên biểu quyết
Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên biểu quyết
Vũ Minh Trường	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên biểu quyết
Nguyễn Thị Bích Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên biểu quyết
Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên biểu quyết
Lưu Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên biểu quyết
Kalidas Ghose	Phó Tổng Giám đốc	Thành viên biểu quyết
Đào Gia Hưng	Quyền Giám đốc Khối QTRR	Thành viên biểu quyết
Hoàng Anh Tuấn	Giám đốc Trung tâm Pháp chế	Thành viên không biểu quyết

2.4. Ủy ban Điều hành

Ủy ban có chức năng xem xét, đề xuất HĐQT phê duyệt các chiến lược kinh doanh của Ngân hàng; thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh, thực hiện kế hoạch hành động ngắn hạn và giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động của các đơn vị; đưa ra các đề xuất thay đổi về cơ cấu tổ chức, kế hoạch ngân sách, kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tế trình HĐQT phê duyệt; xem xét và thảo luận đối với các đề xuất triển khai dự

án quan trọng của Ngân hàng. Ủy ban Điều hành tiến hành họp định kỳ 2 lần/tháng, có thể có sự tham gia của các thành viên HĐQT, BKS.

Thành phần của Ủy ban Điều hành bao gồm Chủ tịch HĐQT và có thể có các thành viên HĐQT khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT; các thành viên Ban Điều hành, Giám đốc các Khối, Giám đốc các Trung tâm độc lập. Tổng Giám đốc là Chủ tịch của Ủy ban Điều hành.

Các Nghị quyết/Quyết định của các tiểu ban trên

HỘI ĐỒNG / ỦY BAN	SỐ NGHỊ QUYẾT / QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM	NỘI DUNG
Ủy ban Quản lý Rủi ro	2 biên bản họp, thông qua khoảng 10 nội dung	Ủy ban mới chính thức đi vào hoạt động được khoảng 4 tháng, theo đó, qua các cuộc họp Ủy ban này đã thông qua các nội dung liên quan trực tiếp đến các mảng quản trị rủi ro của Ngân hàng: xem xét các báo cáo rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, khởi động một số dự án về quản trị rủi ro, xem xét đề xuất các chính sách, quy chế cơ bản về quản trị rủi ro trình HĐQT phê duyệt.

HỘI ĐỒNG / ỦY BAN	SỐ NGHỊ QUYẾT / QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM	NỘI DUNG
Ủy ban Nhân sự	12 biên bản họp, thông qua 80 nội dung	Ủy ban Nhân sự đã thông qua các phiên họp định kỳ hàng tháng phê duyệt các vấn đề liên quan đến các chính sách chế độ, các dự án lớn mang tính chất xây dựng hệ thống nhân sự và phê duyệt những đề xuất bổ nhiệm, chế độ đãi ngộ đối với nhóm cán bộ quản lý của Ngân hàng.
Ủy ban Điều hành	18 biên bản họp, thông qua khoảng hơn 200 nội dung	Từ Quý 3, Ủy ban Điều hành đã họp định kỳ 2 tuần/lần. Trong 18 biên bản họp của Ủy ban Điều hành, đã quyết định nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành của ngân hàng, đánh giá, cập nhật tình hình thực hiện các kế hoạch hành động ngắn hạn cụ thể trong mỗi giai đoạn.
Hội đồng Tín dụng	Phê duyệt hơn 1.000 khoản cấp tín dụng và hơn 700 khoản thay đổi điều kiện cấp tín dụng	Hội đồng Tín dụng các cấp phê duyệt các khoản cấp tín dụng vượt hạn mức phê duyệt của các chuyên gia phê duyệt, các trung tâm phê duyệt tín dụng tập trung của VPBank.
Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO)	12 biên bản họp hàng tháng, thông qua khoảng 50 nội dung	Đây là các Nghị quyết họp ALCO hàng tháng phê duyệt các vấn đề liên quan đến lãi suất, các hạn mức kinh doanh tiền tệ, các chỉ số thanh khoản... và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.
Hội đồng Đầu tư	Thông qua khoảng 80 quyết định	Phê duyệt các đề xuất đầu tư tài chính và một số nội dung phê duyệt chi phí lớn vượt thẩm quyền của các cấp quản lý do các bộ phận chuyên môn của Ngân hàng đề xuất.

V. BAN KIỂM SOÁT

1. Giới thiệu chung

Ban Kiểm soát (BKS) VPBank có 3 thành viên, trong đó có 2 thành viên chuyên trách (bao gồm Trưởng Ban). Tất cả các thành viên của BKS đều có kiến thức đầy đủ về kế toán, tài chính, đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và VPBank. BKS VPBank đại diện cho ĐHDCĐ VPBank giám sát hoạt động của HĐQT, đồng thời đóng vai trò của Ủy ban Kiểm toán theo thông lệ quốc tế, thực hiện việc kiểm soát các hoạt động tài chính và kinh doanh của Ngân hàng; kiểm tra các báo cáo tài chính thường

niên và các hoạt động tài chính khác; giám sát tính tuân thủ các quy định của pháp luật và nội bộ ngân hàng; giám sát chức năng kiểm toán nội bộ thông qua việc quản lý trực tiếp Khối Kiểm toán Nội bộ của Ngân hàng. BKS VPBank chịu trách nhiệm báo cáo, giải trình trước ĐHDCĐ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, BKS thường xuyên làm việc với HĐQT để trao đổi, tư vấn những rủi ro, những vấn đề chính được phát hiện trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mình.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát VPBank

Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban, chuyên trách
Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên chuyên trách
Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 24/4/2012)
Lê Anh Tuấn	Thành viên (Đã miễn nhiệm từ ngày 24/4/2012)

2. Hoạt động của BKS năm 2012

Năm 2012 đánh dấu một sự chuyển đổi, điều chỉnh mạnh mẽ trong sơ đồ tổ chức, cơ cấu nhân sự của VPBank. Sự phân chia lại các Khối kinh doanh theo các phân khúc khách hàng, việc bước đầu thực hiện tập trung hoá các quy trình phê duyệt tín dụng... không tránh khỏi phát sinh thêm nhiều vấn đề rủi ro tiềm ẩn trong tất cả các hoạt động nghiệp vụ. Để đảm bảo kiểm soát tốt nhất các rủi ro trong hoạt động Ngân hàng, BKS đã có những thay đổi, điều chỉnh đối với hoạt động kiểm toán tại Ngân hàng để có những đánh giá, nhận diện và khắc phục kịp thời những rủi ro trong các mảng hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng.

BKS đã chú trọng tiếp tục cải tiến mô hình hoạt động của bộ phận Kiểm toán Nội bộ: đã chuyển đổi từ Phòng lên Khối với cơ cấu gồm các đơn vị: Lãnh đạo Khối; Trung tâm Kiểm toán Khối Khách hàng Cá nhân & SME, Khối Tín dụng Tiêu dùng; Phòng Kiểm toán Khối Ngân hàng Bán buôn và Khối Nguồn vốn & Đầu tư; Phòng Kiểm toán các đơn vị chức năng và công ty con; Phòng Giám sát Từ xa; Phòng Quy trình Quy chế và Bộ phận hỗ trợ chung. Các đơn vị được chia tách với nguyên tắc rõ ràng: Hoạt động kiểm toán tại các đơn vị tách riêng đối với các Khối có hoạt động kinh doanh và các Khối chức năng (Khối không kinh doanh), đảm bảo sự chuyên sâu về mặt chuyên môn đối với hoạt động kiểm toán và đáp ứng các nhu cầu đặc thù của từng Khối hoạt động.

Ngoài việc củng cố nền tảng hoạt động sẵn có của Kiểm toán Nội bộ trong những mảng giám sát từ xa (thực hiện hàng ngày đối với toàn hệ thống thông qua phần mềm core banking), kiểm toán trực tiếp tại đơn vị (bổ sung nhân sự, tăng thời gian đối với mỗi cuộc kiểm toán, phối hợp chặt chẽ với Giám sát từ xa để có những đánh giá kịp thời về tình hình hoạt động của các đơn vị đối tượng kiểm toán), dưới sự chỉ đạo của BKS, Kiểm toán Nội bộ đã tuyển dụng được nhiều nhân sự có trình độ, bước đầu triển khai việc thực hiện dự án Kiểm toán theo định hướng rủi ro, đảm bảo chuyển đổi dần từ mô hình Kiểm soát tuân thủ sang việc chủ động nhận diện, phát hiện rủi ro từ khi mới nảy sinh để có khuyến nghị chỉnh sửa kịp thời. BKS bước đầu đang xây dựng và phát triển bộ phận Kiểm toán IT, đưa vào hoạt động Phòng Quy trình Quy chế với nhiệm vụ đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả, hiệu lực của hệ thống văn bản quy định nội bộ của VPBank đối với từng mảng nghiệp vụ để có kiến nghị kịp thời bổ sung các quy định về chốt kiểm soát, hạn chế rủi ro.

BKS với 2 thành viên chuyên trách làm việc trực tiếp tại Ngân hàng đã chỉ đạo sát sao Kiểm toán Nội bộ trong việc thực hiện

các kế hoạch công việc. Các cuộc họp giữa BKS và Kiểm toán Nội bộ được thực hiện định kỳ hàng tháng, tổng kết những phát hiện trong tháng, kế hoạch thực hiện trong tháng tiếp theo và điều chỉnh kế hoạch nếu thấy cần thiết.

Hoạt động theo dõi khắc phục các rủi ro được phát hiện qua các đợt kiểm toán cũng đã được chú trọng và thực hiện một cách triệt để. Cuộc họp giữa BKS, Kiểm toán Nội bộ và Ban Điều hành được tổ chức định kỳ hàng tháng để thảo luận về những vấn đề được nêu trong các báo cáo kiểm toán trong tháng, trong các báo cáo giám sát từ xa hàng ngày và tiến độ khắc phục các rủi ro mang tính hệ thống, việc xử lý những vấn đề tuân thủ.

BKS cũng thường xuyên trao đổi các phát hiện quan trọng từ các hoạt động kiểm toán, giám sát đối với HĐQT để HĐQT có thể có đủ thông tin và nắm bắt được những rủi ro cơ bản trong quá trình vận hành của các bộ phận trong Ngân hàng.

Một tháng 2 lần đại diện BKS tham gia cuộc họp giữa HĐQT và Ban Điều hành. BKS họp định kỳ hàng quý, và tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của HĐQT.

VI. THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

Tổng ngân sách thù lao cho HĐQT, BKS năm 2012 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt là bằng 1% lợi nhuận hợp nhất trước thuế. Với kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012, tổng mức ngân sách chi thù lao cho HĐQT, BKS VPBank năm 2012 tương ứng khoảng 8,5 tỷ đồng.

Nguyên tắc xác định thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS đã được HĐQT xem xét và cùng thông qua đối với từng thành viên hàng tháng: bao gồm thù lao cố định đối với từng chức danh và thù lao nhiệm vụ khi các thành viên tham gia vào các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT và BKS.

Năm 2012, tổng mức thù lao chi thực tế cho các thành viên HĐQT và BKS là 6.010.000.000 đồng, trong đó ngân sách chi cho HĐQT là 4.460.000.000 đồng và cho BKS là 1.550.000.000 đồng.

VII. CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

Năm 2012 là một năm có sự thay đổi mạnh mẽ của VPBank về quản trị công ty. HĐQT VPBank với nhận thức về vai trò quan trọng của năng lực quản trị công ty đối với sự phát triển bền vững của Ngân hàng, đã phối hợp với Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC - cũng là tổ chức quốc tế đang triển khai những dự án lớn về quản trị công ty tại Việt Nam) thực hiện Dự án Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty và Kế hoạch cải thiện Quản trị Công ty của VPBank. Đánh giá này do các chuyên gia từ Chương trình Quản trị Công ty Khu vực Đông Á Thái Bình Dương của IFC tiến hành dựa trên các cuộc phỏng vấn với cố đồng lớn, ban lãnh đạo, và các cán bộ chủ chốt của VPBank và trên cơ sở phân tích các tài liệu mà VPBank cung cấp, các thông tin của VPBank trên các phương tiện công bố thông tin cũng như từ các nguồn thông tin từ bên ngoài. Mục đích của dự án này là nhằm có tính chất tư vấn cho HĐQT VPBank thông qua việc xác định hiện trạng của các hoạt động quản trị công ty tại VPBank, xây dựng các biện pháp cần thiết và kế hoạch cụ thể để cải thiện năng lực quản trị công ty của Ngân hàng, hướng đến một hệ thống Quản trị Công ty tiên tiến theo các thông lệ quốc tế tốt nhất.

Thông qua Dự án này, các thành viên HĐQT cũng đã tham gia các hội thảo, chương trình đào tạo, giới thiệu chi tiết về quản trị doanh nghiệp từ các chuyên gia quốc tế hàng đầu, được tổ chức riêng cho các thành viên HĐQT, BKS, BDH của VPBank... vào tháng 6 và tháng 12 năm 2012. Bên cạnh đó, thông qua bộ phận Thư ký Công ty, các thành viên HĐQT cũng đã được cập nhật đầy đủ các văn bản pháp luật mới về quản trị công ty như Thông tư 121/2012/TT-BTC về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, Thông tư 52/2012/TT-BTC hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, các tài liệu từ hội thảo Diễn đàn Quản trị Công ty diễn ra ngày 1/11 tại Hà Nội do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội phối hợp với IFC tổ chức và các tài liệu từ các hội thảo giới thiệu các văn bản pháp luật mới có liên quan do Ủy ban Chứng khoán tổ chức.

VIII. NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Việc công khai lợi ích liên quan của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và thành viên Ban Điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc) và kê khai người có liên quan được thực hiện định kỳ hàng năm vào đầu năm và trong năm khi có phát sinh thay đổi so với bản đã công bố. Bộ phận Thư ký Công ty thuộc Văn phòng HĐQT gửi yêu cầu cho các thành viên và tập hợp các bản công bố để gửi cho các thành viên làm căn cứ xác định người có liên quan với Ngân hàng và thực hiện các

thủ tục theo quy định khi ngân hàng có phát sinh giao dịch với những người này.

Các quy định nội bộ của Ngân hàng quy định, giao dịch được phép giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Điều hành và người có liên quan của các thành viên này đều phải được HĐQT hoặc Hội đồng/Ủy ban trực thuộc HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, thành viên có liên quan không được tham gia biểu quyết. Các giao dịch đều được ký kết hợp đồng hoặc có chứng từ rõ ràng theo đúng quy định của Ngân hàng trên nguyên tắc bình đẳng và tự nguyện.

Trong năm, theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng, Ngân hàng không cấp tín dụng cho bất cứ thành viên nào của HĐQT, BKS và Ban Điều hành.

Mặc dù Ngân hàng đã có một số quy định về giao dịch với các bên liên quan nhưng các quy định này còn phân tán, chưa được hệ thống hóa. Do đó, kế hoạch quan trọng được đưa ra là xây dựng các quy định và chính sách nội bộ về giao dịch với các bên liên quan để tăng cường sự rõ ràng, minh bạch và bổ sung thêm các quy định về giao dịch nội gián.

IX. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

* Báo cáo

VPBank thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Các báo cáo Ngân hàng đã thực hiện bao gồm:

- Báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, hàng quý, sáu tháng và hàng năm cho Ngân hàng Nhà nước.

- Trong thời hạn 120 ngày, kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính, VPBank lập và gửi cho Ngân hàng Nhà nước Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

- Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VPBank lập và gửi cho Ngân hàng Nhà nước báo cáo tổng hợp về giao dịch mua, bán và giao dịch khác giữa VPBank với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.

Công ty con, công ty liên kết của VPBank cũng thực hiện trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.

Ngoài báo cáo quy định nêu trên VPBank cũng thực hiện trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp sau đây:

- Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn trong năm.

- Các báo cáo theo mục tiêu giám sát, đánh giá... theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước (định kỳ và đột xuất theo yêu cầu).

Ngân hàng đang thực hiện các dự án đầu tư vào công nghệ thông tin để nâng cao năng lực và chất lượng các báo cáo phục vụ việc báo cáo Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan chức năng, đồng thời phục vụ nhu cầu báo cáo cho các hoạt động quản trị ngân hàng.

* Công bố thông tin

VPBank thực hiện chế độ công bố thông tin áp dụng đối với tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và chế độ công bố thông tin áp dụng đối với công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT - BTC ngày 05/04/2012 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Các thông tin Ngân hàng được công bố trên website của Ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định, bao gồm:

- Báo cáo tài chính

+ Báo cáo tài chính năm, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán được chấp thuận công bố trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

+ Báo cáo tài chính bán niên, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày kết thúc sáu tháng đầu năm tài chính.

+ Báo cáo tài chính quý, bao gồm báo cáo hợp nhất và báo cáo riêng của Ngân hàng, trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

- *Báo cáo thường niên*: Ngoài việc công bố báo cáo thường niên, Ngân hàng cũng đã xuất bản báo cáo này phục vụ cho các công việc của Ngân hàng.

- *Báo cáo quản trị công ty*: Được công bố định kỳ 6 tháng và năm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

- *Các thông tin khác của Ngân hàng*: Thực hiện công bố định kỳ hoặc bất thường khi có phát sinh theo quy định.

- *Các thông tin liên quan của cổ đông lớn*: Cũng được công bố theo quy định.

Ngoài các thông tin phải công bố theo quy định của pháp luật, Ngân hàng cũng chủ động công bố các thông tin về chiến lược của Ngân hàng, các thông tin về sản phẩm mới, các chương trình khuyến mại, các sự kiện lớn ảnh hưởng tới hoạt động của Ngân hàng và các hoạt động an sinh, xã hội trên các phương tiện truyền thông và website của Ngân hàng.

Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy chế nội bộ của Ngân hàng về phát ngôn và công bố thông tin, do Trung tâm Truyền thông và Quản lý Thương hiệu cùng Văn phòng HDQT làm đầu mối cung cấp sau khi đã được cấp có thẩm quyền của Ngân hàng phê duyệt.

X. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Theo quy định của pháp luật, cổ đông là thành viên HDQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần trong thời gian đương nhiệm. Do đó trong năm không có phát sinh giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông nội bộ là thành viên HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc.

Các Phó Tổng Giám đốc được coi là các cán bộ quản lý của VPBank theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Thu ký Công ty là các cán bộ thuộc Văn phòng HDQT.



Thông tin về giao dịch cổ phiếu của các cổ đông nội bộ và người có liên quan trong năm 2012

NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	CỔ ĐÔNG NỘI BỘ/QUAN HỆ VỚI CĐNB	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ (1)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (2)	
Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	538.973	0,11%	215.915	0,04%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, chuyển nhượng
Ngô Thị Khánh Hòa	Chị gái ông Ngô Chí Dũng	25.220.570	4,99%	-	0,00%	Chuyển nhượng
Ngô Thanh Hằng	Chị gái ông Ngô Chí Dũng	393.242	0,08%	-	0,00%	Chuyển nhượng
Hoàng Anh Minh	Vợ ông Ngô Chí Dũng	17.522.832	3,47%	5.768.857	0,99%	Chuyển nhượng và chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Kim Ngọc Cẩm Ly	Vợ ông Bùi Hải Quân	1.180.175	0,23%	1.389.080	0,24%	Được chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, nhận chuyển nhượng
Lô Hải Yến Ngọc	Chị gái ông Lô Bằng Giang	-	0,00%	5.769.680	0,99%	Nhận chuyển nhượng
Nguyễn Thị Ngọc Anh	Vợ ông Nguyễn Thanh Bình	89.993	0,02%	232.951	0,04%	Nhận chuyển nhượng và được chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Nguyễn Thị Thanh Nhân	Em ruột ông Nguyễn Thanh Bình	-	0,00%	399.900	0,07%	Nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Thanh Bình và được chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng
Công ty cổ phần Đầu tư Châu Thổ	Cổ đông lớn	75.725.524	15,00%	-	0,00%	Chuyển nhượng cho các cá nhân

(1) Tỷ lệ bằng số cổ phần sở hữu trên tổng số cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm đầu kỳ báo cáo (01/01/2012) là 505.000.000 cổ phần.

(2) Tỷ lệ bằng số cổ phần sở hữu trên tổng số cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm cuối kỳ báo cáo (31/12/2012) là 577.000.000 cổ phần.

Việc chuyển nhượng cổ phiếu của cổ đông lớn đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo đúng các quy định hiện hành.

XI. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Hàng năm, vào tháng đầu tiên của năm, Văn phòng HĐQT VPBank yêu cầu các thành viên HĐQT, các thành viên BKS, Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc (cán bộ quản lý theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng) lập Bản kê khai người có liên quan và Bản công khai các lợi ích liên quan theo quy định

tại Luật các Tổ chức Tín dụng để công bố trong toàn Ngân hàng, làm căn cứ xác định giao dịch giữa Ngân hàng với người có liên quan.

Cũng theo quy định tại Luật các Tổ chức Tín dụng, Ngân hàng không được cấp tín dụng cho thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương cũng như cha, mẹ, vợ, chồng, con của các thành viên này.

Các giao dịch giữa VPBank và người có liên quan của Ngân hàng trong năm 2012

HỌ VÀ TÊN	SỐ CMND	MỐI QUAN HỆ VỚI VPBANK	GIAO DỊCH TÍN DỤNG VỚI VPBANK/TK TIỀN VAY
Lô Hải Yến Ngọc	012581049	Chị gái ông Lô Bằng Giang – Phó Chủ tịch HĐQT	LD1210400233

XII. ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ CÁC KẾ HOẠCH TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA HĐQT VPBANK

Qua báo cáo ở các mục trên, hệ thống quản trị công ty của VPBank đã được xây dựng tương đối đầy đủ và thực hiện nghiêm túc, phù hợp với các quy định của pháp luật. Các chính sách, quy định nội bộ về quản trị công ty đã được áp dụng, tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước. Tuy vậy, với mong muốn trở thành 1 trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt nam, HĐQT VPBank nhận thức rõ ràng về vai trò quan trọng trong quản trị công ty đối với việc đảm bảo tính bền vững trong tăng trưởng và giải quyết những thách thức mà Ngân hàng có thể gặp phải trong quá trình phát triển. Các cổ đông lớn của Ngân hàng và những thành viên HĐQT bày tỏ sự sẵn sàng thực hiện những cải thiện trong quản trị công ty theo những thông lệ quốc tế tốt.

Theo đó, trong năm 2013, VPBank dự kiến sẽ tiến hành cải thiện quản trị công ty bằng việc:

- Sửa đổi Điều lệ của VPBank và một số chính sách hiện hành thể hiện nhu cầu hiện tại của Ngân hàng trong việc cải thiện các quy định về quản trị công ty theo thông lệ tốt: liệt kê đầy đủ các quyền của cổ đông, trong đó có quyền được đối xử công bằng của các cổ đông của Ngân hàng; bổ sung thêm những quy định về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS trong trường hợp có người từ nhiệm trước khi hết nhiệm kỳ; bổ sung thêm các quy định về người điều hành, các quy định về chế độ báo cáo, công bố và cung cấp thông tin, báo cáo thường niên. Điều lệ VPBank cũng sẽ được dịch thuật sang tiếng Anh để các cổ đông, nhà đầu tư, đối tác nước ngoài tiện tra cứu.

- Xây dựng và áp dụng Quy chế Quản trị Công ty; Quy tắc Đạo đức, truyền thông và áp dụng rộng rãi trong toàn bộ Ngân hàng.

- Đối với ĐHDCD: Ngân hàng sẽ nghiên cứu thay đổi một số

điểm để nâng cao chất lượng cuộc họp ĐHDCD và khuyến khích các cổ đông chủ động đưa ra các ý kiến đóng góp cho Ngân hàng như: điều chỉnh thời gian gửi tài liệu cho các cổ đông lên thành 15 ngày trước ngày khai mạc đại hội; bổ sung các hình thức bỏ phiếu thay thế khi cổ đông vắng mặt như áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể bỏ phiếu từ xa hoặc biểu quyết trực tuyến; biên bản và các tài liệu đại hội được lập bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh...

- Đối với HĐQT: Sẽ tổ chức thực hiện tốt hơn các chức năng như giám sát quản lý, kiểm soát môi trường kiểm soát nội bộ bao gồm cả kiểm toán và quản trị rủi ro; nâng cao vai trò, nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động của HĐQT và cả các Hội đồng, Ủy ban chức năng; xây dựng và đề xuất ĐHDCD xem xét các chính sách đãi ngộ cho các thành viên HĐQT, chính sách thù lao gắn với kết quả hoạt động hàng năm của Ngân hàng một cách rõ ràng, công bằng và phù hợp với lợi ích dài hạn của Ngân hàng và cổ đông, tìm kiếm và bổ sung thêm nhân sự cho HĐQT hiện tại.

- Đối với bộ máy giúp việc cho HĐQT và Thư ký Công ty: Sẽ bổ sung những nhân sự có chuyên môn vững chắc về Luật Doanh nghiệp và các quy định về quản trị công ty; tách biệt những chức năng của Thư ký Công ty và các chức năng trợ lý cho các cá nhân hay Hội đồng, Ủy ban chức năng để nâng cao vai trò hỗ trợ mạnh mẽ của nhóm nhân sự này đối với các hoạt động quản trị công ty cũng như cải thiện chức năng quan hệ với nhà đầu tư.

- Về việc minh bạch thông tin: Ngân hàng đang từng bước nỗ lực để cung cấp đầy đủ các thông tin đến mọi đối tượng quan tâm, nâng cao chất lượng và các tính năng của website; bổ sung các nội dung thông tin được công bố bằng tiếng Anh; sửa đổi bổ sung các quy định nội bộ về công bố thông tin để nâng cao vai trò và trách nhiệm của bộ phận thực hiện công bố thông tin; chủ động cung cấp thêm các thông tin về chiến lược chung của Ngân hàng và các thông tin về thành viên của HĐQT và các Ủy ban trực thuộc.

XIII. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

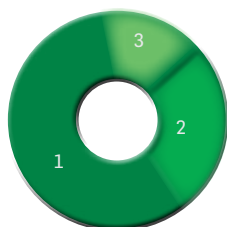
Tổng số cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31/12/2012 là: 577.000.000 cổ phần (bằng chữ: Năm trăm bảy mươi bảy triệu cổ phần). Toàn bộ số cổ phần này đều là loại cổ phần phổ

thông và đang lưu hành. Việc quản lý số cổ đông của toàn bộ số cổ phần được thực hiện tại Công ty Chứng khoán VPBank theo hợp đồng ủy quyền quản lý số cổ đông từ năm 2008.

Cơ cấu cổ phần của VPBank tại thời điểm 31/12/2012

CHỈ TIÊU	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	357.283.085	61,92%
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	86.696.034	15,03%
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của người sở hữu	133.020.881	23,05%
Tổng cộng	577.000.000	100%

CƠ CẤU CỔ PHẦN %



1. Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng **62**
2. Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo cam kết của người sở hữu **23**
3. Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật **15**

Ghi chú:

- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH11 thì "Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ".

Sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Tổng Giám đốc của VPBank tại thời điểm 31/12/2012

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ ĐANG NẮM GIỮ TẠI VPBANK	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ SHCP PHỔ THÔNG
Ngô Chí Dũng	Chủ tịch HĐQT	25.872.404	4,48%
Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	8.936.112	1,55%
Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	817.490	0,14%
Phùng Khắc Kế	Thành viên HĐQT độc lập	-	không có
Nguyễn Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	22.720.834	3,94%
Nguyễn Thị Mai Trinh	Thành viên BKS	28.349.194	4,91%
Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên BKS chuyên trách	-	không có
Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc	-	không có
Tổng cộng		86.696.034	

Việc quản lý phong tỏa số cổ phần hạn chế chuyển nhượng được thực hiện tại Công ty Chứng khoán VPBank trên cơ sở yêu cầu của cổ đông và bên có liên quan.

2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông VPBank tại thời điểm 31/12/2012

CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN	TỶ LỆ
Cổ đông cá nhân	3.732	431.054.569	74,71%
<i>Cán bộ nhân viên VPBank</i>	441	62.532.357	10,84%
<i>Cá nhân trong nước</i>	3.291	368.522.212	63,87%
<i>Cá nhân nước ngoài</i>	0	-	0,00%
Pháp nhân	37	145.945.431	25,29%
<i>Pháp nhân trong nước</i>	36	60.114.974	10,42%
<i>Pháp nhân nước ngoài</i>	1	85.830.457	14,88%
Tổng cộng	3.769	577.000.000	100,00%

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm, VPBank có một đợt chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để tăng vốn điều lệ từ 5.050 tỷ đồng lên thành 5.770 tỷ đồng.

DHĐCD thường niên VPBank đã thông qua nghị quyết về việc tăng vốn điều lệ thêm 720 tỷ đồng bằng chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại năm 2011 là 680 tỷ đồng và chia cổ phiếu thưởng từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 40 tỷ đồng.

Việc tăng vốn điều lệ này được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại văn bản số 7205/NHNN-TTGSNH ngày 02/11/2012 về việc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và đã hoàn tất việc gửi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước khi thực hiện theo quy định.

Số vốn điều lệ tăng thêm được phân phối theo tỷ lệ tăng thêm cho tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách theo nguyên tắc chi lấy phần nguyên, phần dư được chuyển vào quỹ thu hút nhân tài do Công đoàn VPBank quản lý. Tổng số phần dư là 1.858 cổ phần.

Ngày hoàn tất việc tăng vốn điều lệ là ngày 25/12/2012, ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chấp thuận điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh vốn điều lệ mới của VPBank.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

VPBank không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm báo cáo.

5. Các chứng khoán khác

Ngoài đợt phát hành cổ phiếu nêu tại điểm 3) nêu trên, VPBank không có đợt phát hành nào khác trong năm.

Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp



Cùng với việc phát triển kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, VPBank luôn chú trọng thực hiện cam kết về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, theo đuổi giá trị phát triển bền vững. Bằng các hành động thiết thực trong nhiều lĩnh vực như an sinh xã hội, thiện nguyện, bảo vệ tài nguyên môi trường..., VPBank mong muốn góp phần xây dựng cộng đồng ngày càng tốt đẹp hơn vì một xã hội công bằng, văn minh, thịnh vượng.

Trong năm 2012, VPBank tiếp tục thực hiện hoạt động đã được duy trì nhiều năm: chăm lo cho thương binh, gia đình chính sách, gia đình có công với Cách mạng. Trong hoạt động hỗ trợ người nghèo và các hoàn cảnh khó khăn, VPBank luôn đồng hành cùng chương trình từ thiện “Nói vòng tay lớn” do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức. Ngân hàng cũng tích cực ủng hộ nhiều Quỹ vì người nghèo như Quỹ người nghèo tỉnh Thái Bình, Quỹ người nghèo tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi thành phố Hà Nội... Bên cạnh đó, thông qua việc tham gia hưởng ứng các sự kiện như chương trình chạy vì trẻ em Hà Nội 2012 – “Run for Children 2012”, chương trình “Những trái tim đồng cảm”..., VPBank đã hỗ trợ kinh phí mổ tim cho trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh, xây dựng nhà tình thương, tặng sổ tiết kiệm và quà cho trẻ em bị bệnh hiểm nghèo, nạn nhân chất độc da cam, trẻ em khuyết tật... có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên cả nước. Cũng trong năm 2012, Quỹ từ thiện mang tên “Búp sen hồng” do VPBank thành lập đã trở thành cầu nối những tấm lòng nhân ái của cán bộ nhân viên để kịp thời giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong và ngoài Ngân hàng.

Luôn quan tâm đến nguồn “Nguyên khí quốc gia”, coi trọng

sự nghiệp trồng người và ươm mầm trí tuệ, VPBank đã thành lập Quỹ học bổng Thịnh Vương dành cho sinh viên giỏi các trường Học viện Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Ngoại thương... Ngân hàng cũng tổ chức nhiều đợt trao học bổng cho các quý khuyến học và tài trợ xây dựng trường học tại các địa phương. Đặc biệt, trong năm 2012, VPBank đã phối hợp với Thời báo Kinh tế Sài Gòn và Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam tổ chức chương trình “Vi ước mơ tuổi thơ” dành cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức ngày hội vẽ tranh tại công viên Lê Văn Tám – thành phố Hồ Chí Minh cho các em.

Nhận thức rõ ý nghĩa của môi trường sống, VPBank cũng luôn tích cực hưởng ứng các hoạt động bảo vệ môi trường, trong đó phải kể đến việc là nhà tài trợ chính chiến dịch toàn cầu về biến đổi khí hậu 350.org tại Việt Nam. Ngân hàng cũng phát động các hoạt động nội bộ thiết thực nhằm giảm thiểu ô nhiễm như vận động đi làm bằng xe đạp, nói “Không” với ống hút, trồng cây xanh, tiết kiệm điện, tiết kiệm giấy và giảm thiểu in ấn...

Ngoài các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng và xã hội, VPBank luôn hướng tới các phong trào, chương trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện trách nhiệm công dân và tinh thần yêu nước truyền thống của dân tộc Việt Nam. Trong năm 2012, VPBank đã tài trợ xây dựng lá cờ Tổ quốc bằng gốm lớn nhất Việt Nam cùng 4 bức phù điêu trên đảo Trường Sa lớn. Công trình được khánh thành tháng 6/2012 đã trở thành niềm tự hào của VPBank nói chung và mỗi cán bộ nhân viên VPBank nói riêng khi được góp phần vào công cuộc khẳng định, bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam.



**ĐỊNH HƯỚNG
KINH DOANH
NĂM 2013**



Theo Nghị quyết Quốc hội ngày 8/11/2012, một số mục tiêu chính về điều hành kinh tế năm 2013 của Việt Nam là: tăng trưởng GDP khoảng 5,5%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng 10%; tỷ lệ nhập siêu trên tổng kim ngạch xuất khẩu khoảng 8%; chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng dưới 8%; bội chi ngân sách dưới 4,8%; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bằng 30% GDP. Như vậy, mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2013 được đặt cao hơn mức của năm 2012, với mức lạm phát được kiểm soát hợp lý, thể hiện mục tiêu của Chính phủ trong việc tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế.

Trên cơ sở mục tiêu của Quốc hội và Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước định hướng điều hành chính sách tiền tệ thận trọng, hiệu quả, sử dụng linh hoạt các công cụ của chính

sách tiền tệ, gắn kết chặt chẽ với chính sách tài khóa theo mục tiêu kiềm chế lạm phát, tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo tăng trưởng hợp lý. Dự kiến, mức tăng trưởng tín dụng năm 2013 sẽ vào khoảng 12%. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước cũng đã thể hiện quyết tâm trong công tác xử lý nợ xấu, bằng các việc làm cụ thể như triển khai đề án xử lý nợ xấu được Chính phủ thông qua, thành lập và đưa vào hoạt động công ty quản lý tài sản VAMC, thông qua gói hỗ trợ với trị giá khoảng 100.000 - 150.000 tỷ đồng chủ yếu tập trung xử lý nợ xấu bất động sản.

Năm 2013 cũng được kỳ vọng sẽ là năm diễn ra mạnh mẽ quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, mà trọng tâm là tái cấu trúc các doanh nghiệp Nhà nước và hệ thống ngân hàng. Theo đó, hệ thống ngân hàng Việt Nam được chia thành 3 nhóm: Nhóm 1 bao gồm các ngân hàng có tình hình tài chính mạnh, có quy mô lớn, sẽ được tiếp tục phát triển thành các ngân hàng trụ cột; Nhóm 2 bao gồm các ngân hàng có tình hình tài chính lành mạnh nhưng quy mô nhỏ, được Ngân hàng Nhà nước đảm bảo quy mô trong tầm kiểm soát, đảm bảo hoạt động lành mạnh trong phân khúc nhất định; và Nhóm 3 là nhóm các ngân hàng có tình hình tài chính khó khăn, sẽ được Ngân hàng Nhà nước thực hiện tái cấu trúc bằng cách thay đổi lại

120.000 tỷ đồng
mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản của VPBank năm 2013

cơ cấu cổ đông hoặc cho sáp nhập vào tổ chức khác.

Trong hoàn cảnh chung của nền kinh tế và hoạt động của hệ thống ngân hàng với nhiều phức tạp, đồng thời kiên trì với định hướng chiến lược dài hạn, VPBank xác định tập trung vào 2 mục tiêu cơ bản trong năm 2013 như sau:

- Tập trung xây dựng và củng cố hệ thống nền tảng vững chắc (với trọng tâm là hệ thống quản trị rủi ro, phát triển nhân sự và hệ thống công nghệ tiên tiến) đảm bảo một sự phát triển nhanh, nhưng ổn định và bền vững cho các năm tiếp theo.

- Xây dựng một cấu trúc phát triển kinh doanh năng động và linh hoạt nhằm tăng trưởng cơ sở khách hàng và bứt phá về thị phần trong các phân khúc khách hàng lựa chọn chủ chốt: khách hàng cá nhân, doanh nghiệp SME và doanh nghiệp lớn.

1. Phát triển khách hàng, sản phẩm và thị trường

Năm 2013, VPBank sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả và chất lượng đội ngũ bán hàng, cải tiến mô hình kinh doanh, phát triển mạnh cơ sở khách hàng, kênh phân phối, tăng cường bán chéo sản phẩm dịch vụ, thực hiện cá biệt hóa mạnh mẽ trong các chính sách khách hàng và sản phẩm đối với từng phân nhóm khách hàng riêng biệt, tập trung vào những phân khúc cụ thể.

- Tăng trưởng mạnh mẽ cơ sở khách hàng. Bứt phá mạnh về thị phần trong các phân khúc trọng tâm: khách hàng cá nhân, doanh nghiệp SME, doanh nghiệp lớn.

- Thực hiện cá biệt hóa mạnh mẽ trong các chính sách khách hàng và sản phẩm đối với từng phân nhóm khách hàng riêng biệt.

- Tập trung trọng tâm vào huy động vốn thị trường 1.

- Tăng trưởng tín dụng có kiểm soát.

- Tăng cường kiểm soát và thu hồi nợ xấu.

- Tập trung vào công tác cải tạo bố trí (layout) và di dời địa điểm các chi nhánh nhằm nâng cao hiệu quả mạng lưới giao dịch.

2. Tăng cường xây dựng hệ thống nền tảng và củng cố hệ thống quản trị nội bộ

Mục tiêu bao quát là tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động, cải tiến mô hình kinh doanh để tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo sự thông suốt, phối hợp nhịp nhàng giữa các khâu, các bộ phận, nâng cao năng suất, hiệu quả, hạn chế rủi ro và đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

- Hoàn thiện mô hình cơ cấu tổ chức hoạt động: hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, bộ máy, tổ chức hoạt động và ổn định nhân sự của các Khối nhằm nâng cao vai trò quản lý, hỗ trợ kinh doanh của các Khối.

- Nâng cao hiệu quả của mạng lưới phân phối, tái cơ cấu, sắp xếp lại hệ thống chi nhánh.

- Triển khai đồng bộ hệ thống quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát rủi ro trong đó trọng tâm là hệ thống kiểm soát rủi ro tín dụng và rủi ro vận hành. Nâng cấp hệ thống giám sát và quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro vận hành trên toàn hệ thống.

- Hoàn tất việc xây dựng chiến lược công nghệ thông tin, triển khai các dự án sáng kiến công nghệ thông tin.

- Mô hình hóa hoạt động kinh doanh theo hướng tiếp tục tăng cường hoạt động bán hàng, marketing và phát triển dịch vụ phục vụ khách hàng tại các đơn vị.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin quản trị MIS, tăng cường công tác kiểm soát kế toán, đồng thời xúc tiến triển khai các dự án nền tảng như IFRS, ERP, tự động hóa MIS...

- Xây dựng chính sách đãi ngộ cạnh tranh, giúp thu hút và duy trì nguồn nhân lực trình độ cao. Xây dựng văn hoá doanh nghiệp mang bản sắc VPBank.

- Hoàn thiện mô hình tập trung một số chức năng hỗ trợ. Tập trung củng cố, hoàn thiện các quy trình vận hành cơ bản của ngân hàng.

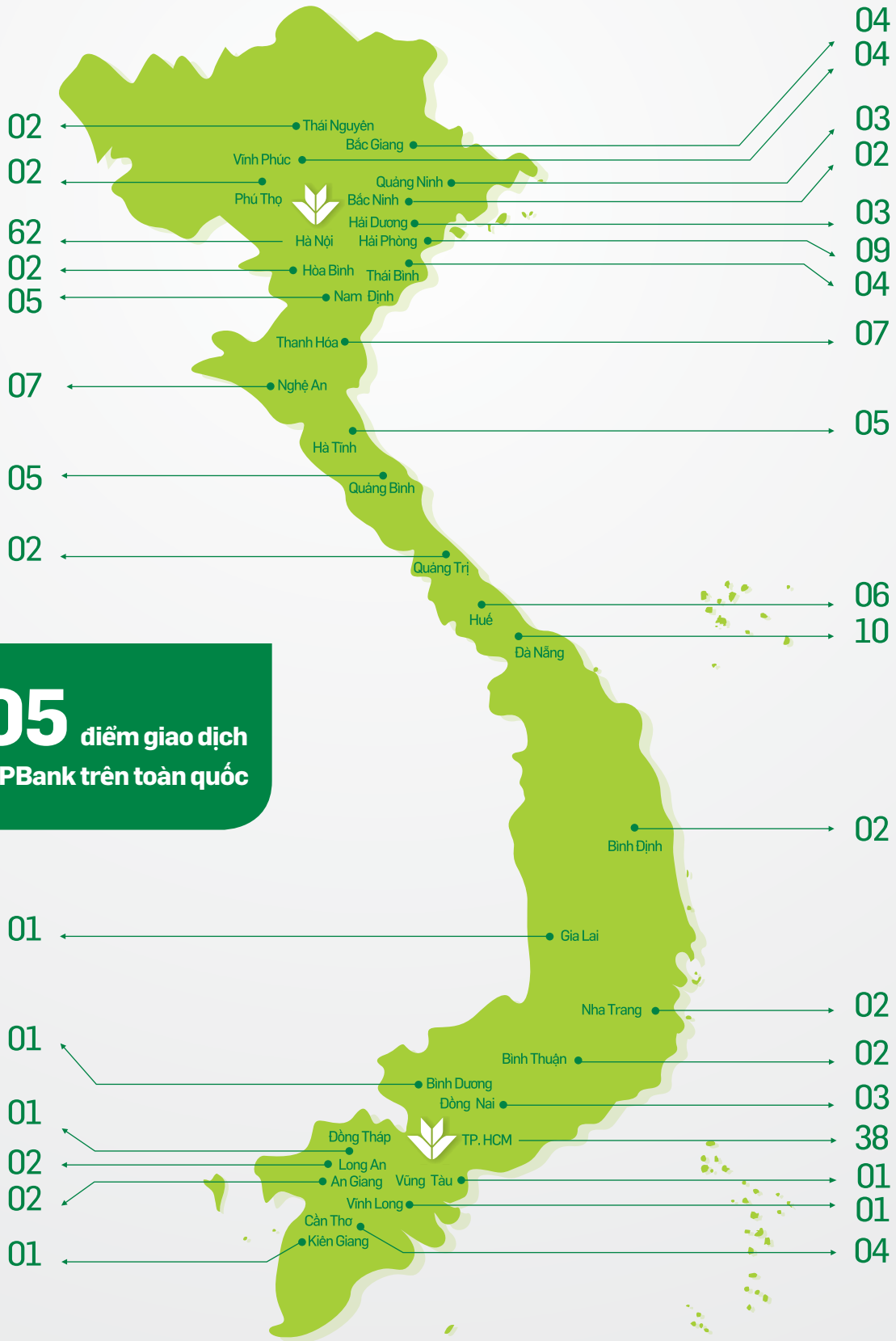
- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quan hệ công chúng để quảng bá, duy trì và nâng cao hình ảnh thương hiệu mới của VPBank, tăng cường độ nhận diện thương hiệu trong công chúng.

Một số mục tiêu tài chính năm 2013 của VPBank

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chi tiêu	Kế hoạch 2013
1	Tổng tài sản	120.000
2	Huy động từ khách hàng	81.230
3	Cho vay khách hàng	47.974
4	Tỷ lệ nợ xấu	< 3%
5	Lợi nhuận hợp nhất	1.110
6	ROE	12%

Mạng lưới VPBank



205 điểm giao dịch của VPBank trên toàn quốc

www.vpb.com.vn

Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

Trụ sở chính: Số 72 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 043.9288869 / Fax: 043.9288867
Dịch vụ khách hàng: 043.9288880 hoặc 1900545415